Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-09-04 16:27:22 +07:00

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 65/2026/VBHN-NĐ-BXD

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ

Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 09 năm 2025;

2. Nghị định số 241/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.[1]

---

[1] Nghị định số 243/2025/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14;

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ về:

1. Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ.

2. Phân loại, phân cấp và trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì đường bộ.

3. Phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ; hành lang an toàn đường bộ; xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác.

4. Tổ chức giao thông, kết nối giao thông đường bộ.

5. Thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ; đào tạo thẩm tra an toàn giao thông đường bộ.

6. Đường cao tốc.

7. Cơ sở dữ liệu đường bộ.

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư"

Nghị định số 241/2026/NĐ-CP có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự số 118/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ".

8. Hệ thống quản lý giao thông thông minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch, đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ, cơ sở dữ liệu đường bộ và giao thông thông minh.

Điều 3. Nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ

Nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Chương II
PHÂN CẤP, PHÂN LOẠI VÀ TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC, BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

Điều 4. Phân cấp để Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quản lý quốc lộ [2]

1. Các tuyến đường quốc lộ thuộc quy hoạch mạng lưới đường bộ được phân cấp để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, bao gồm:

a) Quốc lộ trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trừ quốc lộ quy định tại khoản 2 Điều này và Điều 6 Nghị định này;

b) Các công trình, hạng mục thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ gắn với quốc lộ phân cấp quy định tại điểm a và điểm c khoản này;

c) Các công trình cầu, hầm, bến phà của tuyến đường quy định tại điểm a khoản này nằm trên địa bàn hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Xây dựng lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan, trước khi quyết định một Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý công trình.

2. Quốc lộ trong quy hoạch mạng lưới đường bộ không phân cấp gồm: Quốc lộ 1, Đường Hồ Chí Minh, quốc lộ có cấp kỹ thuật là đường cao tốc, quốc lộ có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm quốc phòng, an ninh và các trường hợp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với quốc lộ được phân cấp quản lý:

a) Thực hiện quản lý, đầu tư, xây dựng theo quy hoạch được duyệt; quyền, trách nhiệm của cơ quan chủ quản đối với dự án đầu tư xây dựng quốc lộ được phân cấp quản lý trên địa bàn, trừ trường hợp dự án đầu tư giao Ủy ban nhân dân

[2] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc cơ quan khác là cơ quan chủ quản theo quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với dự án đầu tư theo phương thức PPP; thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác về đầu tư, xây dựng theo quy định của pháp luật; thực hiện các quyền, trách nhiệm cơ quan chủ quản, cơ quan có thẩm quyền đối với dự án xây dựng quốc lộ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên khi được giao theo quy định của pháp luật, quy định tại khoản 8 Điều này;

b) Tổ chức thực hiện quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật về đường bộ, pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Bảo đảm kết nối giao thông đồng bộ về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ, phương tiện tham gia giao thông trên đoạn quốc lộ được phân cấp quản lý với các tuyến đường bộ trong quy hoạch mạng lưới đường bộ và bảo đảm kết nối giao thông thuận lợi với các tuyến đường khác trong khu vực;

d) Thực hiện khoản 5 Điều này;

đ) Định kỳ trước ngày 10 tháng 6 và ngày 10 tháng 12 hằng năm, báo cáo Bộ Xây dựng tình hình đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ là quốc lộ được phân cấp.

4. Bộ Xây dựng có trách nhiệm:

a) Bàn giao tuyến đường quy định tại khoản 1 Điều này (bao gồm cả các hạng mục gắn với tuyến đường) và tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ quy định tại khoản 1 Điều này cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Kiểm tra, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và công tác bảo đảm an toàn giao thông quốc lộ được phân cấp quản lý;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng phương án phân bổ nguồn thu phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô (sau khi đã trừ chi phí tổ chức thu) nộp ngân sách trung ương để bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương thực hiện quản lý, bảo trì quốc lộ và đường khác do địa phương quản lý, báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội theo quy định.

5. Nguồn vốn để đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng quốc lộ phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý được thực hiện theo quy định tại Điều 42 Luật Đường bộ, quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, quản lý, sử dụng tài sản công và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí vốn và các nguồn lực bảo đảm thực hiện các quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 3 Điều này.

6. Trường hợp không bảo đảm nguồn lực đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì quốc lộ được phân cấp quản lý hoặc trường hợp cần thiết khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Xây dựng tiếp nhận lại quốc lộ đã phân cấp.

7. Quốc lộ phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý phải thực hiện điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Đối với trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này, việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về Bộ Xây dựng để quản lý được thực hiện sau khi Bộ Xây dựng có quyết định tiếp nhận lại quốc lộ đã phân cấp.

8. Trách nhiệm của các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với việc quản lý quốc lộ phân cấp trong trường hợp một Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản dự án đầu tư, cơ quan có thẩm quyền đối với dự án đầu tư theo phương thức PPP xây dựng quốc lộ trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên.

a) Trường hợp đầu tư công

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản thực hiện dự án có trách nhiệm tiếp nhận đoạn tuyến quốc lộ, công trình kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi dự án; tổ chức thực hiện dự án; thực hiện các công việc liên quan đến quản lý, khai thác, bảo trì công trình kể từ khi nhận bàn giao đoạn tuyến quốc lộ, công trình kết cấu hạ tầng đường bộ; bàn giao đoạn tuyến quốc lộ, công trình kết cấu hạ tầng đường bộ đã đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác để các địa phương này quản lý; thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan để giao một Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý công trình cầu, hầm, bến phà nằm trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan có trách nhiệm bàn giao đoạn tuyến quốc lộ, công trình kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi dự án để Ủy ban nhân

dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản tiếp nhận và thực hiện dự án; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản dự án trong việc thực hiện dự án, các công việc liên quan đến quản lý, khai thác, bảo trì, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

b) Trường hợp đầu tư theo phương thức PPP

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư, doanh nghiệp dự án tiếp nhận quốc lộ, công trình kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi dự án; thực hiện dự án; quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong thời gian hợp đồng dự án; bàn giao công trình sau khi kết thúc hợp đồng dự án để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi quốc lộ đi qua quản lý. Trường hợp cầu, hầm, bến phà nằm trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh, sau khi kết thúc hợp đồng dự án thì thực hiện tương tự quy định tại điểm a khoản này.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan có trách nhiệm bàn giao tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đang quản lý để chủ đầu tư, doanh nghiệp dự án tiếp nhận và thực hiện dự án; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư, doanh nghiệp dự án thực hiện dự án, thực hiện quản lý, khai thác, bảo trì, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

Điều 5. Giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý quốc lộ để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh và khả năng bố trí nguồn lực của địa phương [3]

1. Trường hợp địa phương cần đầu tư xây dựng quốc lộ không phân cấp quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này và tuyến đường đó nằm trên địa bàn hoặc trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, sau khi xác định được nguồn vốn bảo đảm việc thực hiện toàn bộ dự án, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có Tờ trình (bản chính hoặc biểu mẫu điện tử) theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định này đề nghị Bộ Xây dựng giao quản lý quốc lộ.

2. Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Xây dựng tiếp nhận, kiểm tra đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và xử lý như sau:

a) Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến Ủy ban nhân

[3] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

dân cấp tỉnh để đề nghị bổ sung, hoàn thiện;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Xây dựng tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì ban hành Quyết định theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định này để giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý quốc lộ;

c) Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cơ quan, tổ chức bằng bản điện tử hợp lệ.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với quốc lộ được giao

a) Thực hiện các quyền, trách nhiệm theo quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 3 Điều 4 Nghị định này đối với quốc lộ được giao; bàn giao công trình cho Bộ Xây dựng sau khi hoàn thành dự án đầu tư xây dựng đối với trường hợp đầu tư công, sau khi kết thúc hợp đồng dự án đối với trường hợp đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

b) Thực hiện các công việc tương tự quy định tại điểm a và điểm b khoản 8 Điều 4 Nghị định này;

c) Thực hiện quy định tại khoản 5 Điều này.

4. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

a) Bàn giao tuyến, đoạn tuyến quốc lộ và công trình kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi dự án để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý sau khi có Quyết định giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý tuyến, đoạn tuyến quốc lộ;

b) Thực hiện các quy định tại các điểm b khoản 4 Điều 4 Nghị định này đối với quốc lộ giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.

5. Nguồn vốn để đầu tư, xây dựng, quản lý quốc lộ giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định này.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí ngân sách địa phương và các nguồn lực bảo đảm việc thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý quốc lộ được giao quản lý.

6. Trường hợp không bảo đảm nguồn lực đầu tư xây dựng, quản lý quốc lộ được giao hoặc trường hợp cần thiết khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Xây dựng tiếp nhận lại quốc lộ đã giao.

7. Việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng quốc lộ giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý được thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định tương tự quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định này.

Điều 6. Quản lý quốc lộ đi qua đô thị loại đặc biệt; tuyến, đoạn tuyến quốc lộ không phù hợp quy hoạch được duyệt; tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đã

có đường tránh thay thế phù hợp với quy hoạch; đường gom, đường bên tách khỏi quốc lộ cho địa phương quản lý

1. Bộ Xây dựng[4] có trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ các quốc lộ đi qua đô thị loại đặc biệt; tuyến, đoạn tuyến quốc lộ không phù hợp quy hoạch được duyệt; tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đã có đường tránh thay thế phù hợp với quy hoạch; đường gom, đường bên tách khỏi quốc lộ và bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ và tổ chức quản lý quốc lộ, đường gom, đường bên quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định sau:

a) Bảo đảm nguồn lực thực hiện: quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, bảo vệ; đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình theo quy hoạch được duyệt;

b) Bảo đảm kết nối giao thông theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 4 của Nghị định này.

3. Bộ Xây dựng[5] thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thời điểm bàn giao

a) Đoạn tuyến quốc lộ, đường cao tốc đi qua đô thị loại đặc biệt do doanh nghiệp được Nhà nước giao đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác;

b) Đoạn tuyến quốc lộ, đường cao tốc đi qua đô thị đặc biệt nhưng chưa có đường tỉnh kết nối với quốc lộ, đường cao tốc.

Điều 7. Điều chỉnh loại đường theo cấp quản lý [6]

1. Bộ Xây dựng quyết định điều chỉnh quốc lộ thành đường địa phương; đường địa phương và đường khác thành quốc lộ đối với các trường hợp sau:

a) Tuyến, đoạn tuyến quốc lộ điều chỉnh thành đường địa phương đối với các trường hợp: không có trong quy hoạch mạng lưới đường bộ, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ được duyệt, trừ trường hợp quốc lộ có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm quốc phòng, an ninh; đã đầu tư xây dựng tuyến tránh thay thế phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ được duyệt;

b) Tuyến, đoạn tuyến đường địa phương và đường bộ khác có trong quy hoạch mạng lưới đường bộ, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ được duyệt thì điều chỉnh thành quốc lộ.

---

[4] Cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Xây dựng" theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[5] Cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Xây dựng" theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[6] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh các loại đường địa phương theo cấp quản lý khi có thay đổi quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch khác có liên quan, trừ quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm rà soát, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh loại đường liên quan đến quốc lộ và gửi đến cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này để quyết định điều chỉnh loại đường theo cấp quản lý; Sở Xây dựng có trách nhiệm rà soát, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh giữa các loại đường địa phương và gửi đến cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này để quyết định điều chỉnh loại đường theo cấp quản lý.

Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Tờ trình đề nghị điều chỉnh đường bộ theo cấp quản lý theo quy định tại Mẫu 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định này;

b) Đối với trường hợp hoàn thành đầu tư xây dựng đường tránh thay thế đường chính, ngoài quy định tại điểm a khoản này, thành phần hồ sơ còn bao gồm bản sao hoặc biểu mẫu điện tử các văn bản sau: văn bản xác nhận hoàn thành việc đầu tư xây dựng đường tránh hoặc biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đường tránh theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến cơ quan, tổ chức đề nghị để bổ sung, hoàn thiện;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì ban hành Quyết định điều chỉnh loại đường theo cấp quản lý theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định này;

c) Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cơ quan, tổ chức bằng bản điện tử hợp lệ.

5. Việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ sau khi có quyết định điều chỉnh loại đường của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đường bộ được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 8. Đặt tên, đổi tên, số hiệu đường bộ

1. Tên đường bộ bao gồm chữ "Đường" kèm theo tên quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Luật Đường bộ.

2.[7] Số hiệu đường bộ bao gồm phần ký hiệu bằng chữ cái viết tắt của các loại đường, liền phía sau chữ cái là dấu chấm, số tự nhiên phía sau dấu chấm và được quy định đối với đường cao tốc, quốc lộ, đường tỉnh, đường đô thị và đường xã như sau:

a) Số hiệu của đường cao tốc bao gồm: chữ "CT." sau đó là số tự nhiên của đường cần đặt, chữ cái nếu có;

b) Số hiệu của quốc lộ bao gồm: chữ "QL." sau đó là số tự nhiên của đường cần đặt, chữ cái nếu có;

c) Số hiệu đường tỉnh bao gồm: chữ "ĐT." sau đó là số tự nhiên của đường cần đặt, chữ cái nếu có;

d) Số hiệu đường đô thị bao gồm: chữ "ĐĐT." sau đó là số tự nhiên của đường cần đặt, chữ cái nếu có;

đ) Số hiệu đường xã bao gồm: chữ "ĐX." sau đó là số tự nhiên của đường cần đặt, chữ cái nếu có.

3. Trường hợp đường thứ hai trở lên sử dụng ký hiệu và số tự nhiên đã đặt cho đường khác thì liền kề sau số tự nhiên phải thêm vào các chữ cái B, C, D để đặt cho đường thứ hai và các đường tiếp theo.

4. Các số tự nhiên để đặt số hiệu đường tỉnh trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

5.[8] Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định các số tự nhiên, chữ cái nếu có để đặt số hiệu đường xã, đường đô thị trên địa bàn.

6. Trường hợp có tuyến, đoạn tuyến có đường bộ đi trùng nhau thì đặt tên, số hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Đường bộ.

7. Trường hợp đường bộ có đường nhánh, có thể đặt tên đường nhánh theo tên tuyến chính đồng thời thêm số thứ tự của đường nhánh.

8. Đối với đường bộ tham gia mạng lưới đường bộ quốc tế thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Luật Đường bộ.

9.[9] Thẩm quyền đặt tên, số hiệu đường bộ và trách nhiệm công bố tên, số hiệu đường bộ trên các phương tiện thông tin đại chúng được quy định như sau:

a) Bộ Xây dựng đặt tên, số hiệu đường cao tốc, quốc lộ và đường bộ tham gia mạng lưới đường bộ theo điều ước quốc tế;

---

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đặt tên, số hiệu đường tỉnh, đường xã; đặt số hiệu đường đô thị thuộc phạm vi quản lý;

c) Thẩm quyền đặt tên, đổi tên đường đô thị thực hiện theo Quy chế của Chính phủ về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

10.[10] Không bắt buộc đặt, đổi tên, số hiệu đường bộ đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Đường bộ và các tuyến đường bộ có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm quốc phòng, an ninh; không bắt buộc đặt số hiệu đường bộ đối với tuyến đường bộ đã có tên, trừ trường hợp đường bộ tham gia vào mạng lưới đường bộ quốc tế và trường hợp điều chỉnh loại đường theo cấp quản lý.

Điều 9. Trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Bộ Xây dựng[11] tổ chức quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng quốc lộ, trừ quốc lộ quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 của Nghị định này và quốc lộ đang trong thời hạn thực hiện hợp đồng đối tác công tư; tuyến, đoạn tuyến quốc lộ Nhà nước đã giao doanh nghiệp nhà nước đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì.

2. Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường địa phương thuộc phạm vi quản lý, quốc lộ quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật Đường bộ và khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6 của Nghị định này.

3. Người quản lý, sử dụng đường bộ có trách nhiệm trực tiếp tổ chức thực hiện quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý và các công việc sau:

a) Lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

b) Tổ chức thực hiện công tác quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ được giao;

c) Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định tại Điều 21 Luật Đường bộ, Điều 20 của Nghị định này; phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi bị nghiêm cấm đối với kết cấu hạ tầng đường bộ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Luật Đường bộ, các hành vi vi phạm hành chính đối với kết cấu hạ tầng đường bộ;

---

[10] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[11] Cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Xây dựng" theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

d) Thực hiện các công việc khác về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì theo quy định của Luật Đường bộ, quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương III

PHẦN ĐẤT ĐỂ BẢO VỆ, BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ; HÀNH LANG AN TOÀN ĐƯỜNG BỘ; XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ; BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ; SỬ DỤNG TẠM THỜI LÒNG ĐƯỜNG, VỈA HÈ VÀO MỤC ĐÍCH KHÁC

Điều 10. Phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ

1. Phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ đối với đường bộ ngoài đô thị được xác định như sau:

a) Chiều rộng phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ ngoài đô thị không nhỏ hơn 3,0 mét đối với đường cao tốc, đường cấp I và đường cấp II; 2,0 mét đối với đường cấp III; 1,0 mét đối với đường cấp IV, cấp V, cấp VI, đường cấp A, B, C, D, đường khác và được xác định như sau: được tính từ chân ta luy nền đường đắp, mép ngoài cùng của rãnh đỉnh trở ra; ở nơi không xây dựng rãnh đỉnh thì được tính từ mép trên cùng đỉnh mái ta luy dương nền đường đào trở ra; tại các đoạn đường không đào, không đắp thì tính từ mép ngoài cùng của rãnh dọc trở ra;

b) Đối với cầu vượt sông, suối, chiều rộng phần đất để bảo vệ, bảo trì cầu không nhỏ hơn 5,0 mét đối với cầu cấp đặc biệt, cấp I và cấp II; 4,0 mét đối với cầu cấp III; 3,0 mét đối với cầu cấp IV và được tính từ mép ngoài của móng các hạng mục công trình mố, trụ, mép ngoài của kết cấu cầu trở ra;

c) Đối với cầu cạn, cầu vượt trên cao, chiều rộng phần đất để bảo vệ, bảo trì cầu được tính từ mép ngoài của móng các hạng mục công trình mố, trụ, mép ngoài của kết cấu cầu ra mỗi bên như sau: 3,0 mét đối với cầu cấp đặc biệt, cấp I và cấp II; 2,0 mét đối với cầu cấp III; 1,0 mét đối với cầu cấp IV;

d) Đối với cống ngang đường, chiều rộng phần đất để bảo vệ, bảo trì cống được xác định theo cấp kỹ thuật của đường bộ, tính từ mép ngoài của các hạng mục công trình đầu cống, sân cống, bộ phận kết cấu ngoài cùng của cống trở ra như sau: 3,0 mét đối với cống của đường cao tốc, cấp I và cấp II; 2,0 mét đối với cống của đường cấp III; 1,0 mét đối với cống của đường cấp IV, cấp V, cấp VI, đường cấp A, B, C, D, đường khác;

đ) Trường hợp không thuộc quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này, phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ nằm dọc phía ngoài lề đường và cách lề đường tối thiểu 1,0 mét.

2.[12] Phần đất để bảo vệ, bảo trì đường đô thị được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Đường bộ. Căn cứ quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về xây dựng, pháp luật về quy hoạch, pháp luật về phân loại đô thị và quy định khác có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định phạm vi nội thành, nội thị làm căn cứ xác định phạm vi đường đô thị.

3. Đối với các đoạn đường chồng lấn, giao nhau, đường liền kề nhau thì phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ được xác định theo quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Luật Đường bộ.

4. Phần đất để bảo vệ, bảo trì hầm đường bộ được xác định như sau:

a) Phần đất để bảo vệ, bảo trì phía ngoài cửa hầm đường bộ là giới hạn của ta luy tại cửa hầm, nhưng không nhỏ hơn 3,0 mét tính từ mép ngoài cùng trở ra của các hạng mục kết cấu công trình thuộc hầm đường bộ;

b) Chiều rộng phần đất để bảo vệ, bảo trì hầm đường bộ theo phương nằm ngang bằng chiều rộng gia cố hầm theo phương ngang cộng với 3,0 mét đối với hầm cấp đặc biệt, cấp I, cấp II; 2,0 mét đối với hầm cấp III; 1,0 mét đối với hầm cấp IV nhưng không nhỏ hơn chiều rộng xác định theo quy định tại điểm a khoản này;

c) Chiều rộng phần đất để bảo vệ, bảo trì đường dẫn vào hầm, quảng trường và các hạng mục công trình phụ trợ phía trước cửa hầm được tính từ mép ngoài của các công trình này trở ra và xác định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đối với đoạn đường tại nơi xây dựng hầm đường bộ;

d) Phần đất để bảo vệ, bảo trì cửa hầm thông gió và các hạng mục công trình hầm khác tính từ mép ngoài cùng hạng mục công trình trở ra xung quanh theo thiết kế nhưng không nhỏ hơn 3,0 mét.

5. Phần đất để bảo vệ, bảo trì bến phà đường bộ, cầu phao đường bộ, công trình kè, tường chắn được xác định như sau:

a) Chiều rộng phần đất để bảo vệ, bảo trì bến phà đường bộ không nhỏ hơn 5,0 mét đối với bến phà cấp đặc biệt và cấp I; 4,0 mét đối với bến phà cấp II và cấp III; 3,0 mét đối với bến phà cấp IV tính từ mép ngoài của đường xuống bến, công trình bến hoặc mặt bến trở ra;

---

[12] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

b) Chiều rộng phần đất để bảo vệ, bảo trì cầu phao đường bộ không nhỏ hơn 3,0 mét đối với cầu phao cấp I; 2,0 mét đối với cầu phao cấp II và cấp III; 1,0 mét đối với cầu phao cấp IV tính từ mép ngoài đường đầu cầu phao, mép ngoài công trình cầu phao trở ra;

c) Chiều rộng phần đất để bảo vệ, bảo trì đường dẫn xuống bến phà, cầu phao được xác định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

d) Chiều rộng phần đất để bảo vệ, bảo trì công trình kè, tường chắn không nhỏ hơn 2,0 mét tính từ mép ngoài của móng hoặc bộ phận ngoài cùng của kè, tường chắn trở ra.

6. Trường hợp đường bộ có phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ chồng lấn với công trình đường thủy nội địa, phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ được xác định theo ranh giới đất giữa công trình đường bộ và công trình đường thủy nội địa.

7.[13] Cấp kỹ thuật của đường bộ để xác định phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này như sau:

a) Đối với đường bộ đang khai thác, phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ được xác định theo cấp kỹ thuật hiện tại của đường bộ;

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng đường bộ, phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ được xác định theo cấp kỹ thuật của đường trong dự án đầu tư xây dựng;

c) Đối với công tác lập quy hoạch mạng lưới đường bộ, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ và các quy hoạch khác có liên quan đến đường bộ, phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ được xác định theo cấp kỹ thuật của đường bộ trong quy hoạch liên quan;

d) Đối với đường bộ trong khu vực quy hoạch thành đô thị đã được phê duyệt và đã xây dựng theo tiêu chuẩn quốc gia về đường đô thị, thì phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ xác định theo cấp đường đô thị

Điều 11. Hành lang an toàn đường bộ

1. Đối với đường ngoài đô thị, chiều rộng hành lang an toàn đường bộ được tính từ mép ngoài phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ trở ra mỗi bên như sau: 17 mét đối với đường cao tốc, cấp I và cấp II; 13 mét đối với đường cấp III; 9,0 mét đối với đường cấp IV và cấp V; 4,0 mét đối với đường cấp VI và đường cấp A, B, C, D, đường khác.

2. Chiều rộng hành lang an toàn đường bộ trong phạm vi cầu (khoảng giữa đuôi hai mố cầu) và phần đường đầu cầu theo thiết kế được xác định như sau:

[13] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

a)[14] Đối với cầu đường bộ ngoài đô thị, chiều rộng hành lang an toàn cầu đường bộ tính từ mép ngoài cùng phần đất để bảo vệ, bảo trì cầu trở ra mỗi bên như sau: 150 mét đối với cầu có chiều dài lớn hơn 300 mét; 100 mét đối với cầu có chiều dài từ 60 mét đến 300 mét; 50 mét đối với cầu có chiều dài từ 20 mét đến dưới 60 mét; 20 mét đối với cầu có chiều dài nhỏ hơn 20 mét.

Đối với phần cầu cạn của cầu vượt sông lớn hơn 300 mét, chiều rộng hành lang an toàn cầu tính từ phần đất để bảo vệ, bảo trì trở ra không nhỏ hơn 50 mét.

Trường hợp cầu cạn (bao gồm cầu vượt đường sắt, cầu vượt đường bộ, cầu xây dựng trên cao song hành với đường khác, các cầu trên cạn khác và phần cầu không nằm trong phạm vi giữa hai đê của cầu vượt sông) trên đường ngoài đô thị: chiều rộng hành lang an toàn đường bộ của cầu xác định theo cấp đường quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đối với cầu trên đường trong đô thị, hành lang an toàn theo chiều ngang cầu đối với phần cầu chạy trên cạn, kể cả phần cầu chạy trên phần đất không ngập nước thường xuyên và các cầu bắc qua sông, kênh, rạch không có hoạt động vận tải đường thủy được tính từ mép ngoài phần đất để bảo vệ, bảo trì cầu ra mỗi bên 7,0 mét; phần đường đầu cầu xác định như hành lang an toàn đường đô thị; đối với phần cầu còn lại xác định theo quy định tại điểm a khoản này;

c) Trường hợp không xác định được phạm vi đường đầu cầu theo thiết kế thì phần đường đầu cầu được tính từ đuôi mố trở ra theo chiều dọc cầu không nhỏ hơn: 50 mét đối với cầu có chiều dài từ 60 mét trở lên, 30 mét đối với cầu có chiều dài nhỏ hơn 60 mét.

3. Chiều rộng hành lang an toàn hầm đường bộ được xác định như sau:

a) Đối với hầm đường bộ ngoài đô thị, hành lang an toàn đường bộ của hầm là vùng đất, vùng nước xung quanh cửa hầm được tính từ mép ngoài phần đất bảo vệ, bảo trì hầm trở ra là 100 mét;

b) Đối với hầm đường bộ trong đô thị, hành lang an toàn hầm đường bộ do tư vấn thiết kế xác định trong hồ sơ thiết kế trên cơ sở bảo đảm an toàn bền vững hầm và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chiều rộng hành lang an toàn bến phà, cầu phao đường bộ được xác định như sau:

a) Theo chiều dọc: bằng chiều dài đường xuống bến phà, cầu phao;

---

[14] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

b) Theo chiều ngang: từ tim bến phà, cầu phao trở ra mỗi phía thượng lưu, hạ lưu là 150 mét.

5. Chiều rộng hành lang an toàn kè, tường chắn bảo vệ được xác định từ mép ngoài của kè, tường chắn bảo vệ trở ra như sau:

a) Đối với kè, tường chắn chống xói để bảo vệ nền đường, hành lang an toàn kè tính từ đầu kè, tường chắn và từ cuối kè, tường chắn về hai phía thượng lưu, hạ lưu mỗi phía 50 mét; từ chân kè, tường chắn trở ra sông 20 mét;

b) Đối với kè, tường chắn chỉnh trị dòng nước, hành lang an toàn kè tính từ chân kè, tường chắn về hai phía thượng lưu, hạ lưu mỗi phía 100 mét; từ mép của kè, tường chắn trở vào bờ 50 mét; từ chân kè, tường chắn trở ra sông 20 mét;

c) Đối với kè, tường chắn bảo vệ không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản này, hành lang an toàn kè, tường chắn được xác định theo hành lang an toàn đường bộ quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Chiều rộng hành lang an toàn cống ngang đường được xác định theo hành lang an toàn của đường bộ quy định tại khoản 1 Điều này và điểm b khoản 1 Điều 15 Luật Đường bộ.

7.[15] Xác định cấp kỹ thuật của đường bộ để xác định chiều rộng hành lang an toàn đường bộ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này thực hiện như sau:

a) Đối với đường bộ đang khai thác, chiều rộng hành lang an toàn đường bộ xác định theo cấp đường hiện tại;

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng đường bộ, chiều rộng hành lang an toàn đường bộ xác định theo cấp kỹ thuật của đường bộ trong dự án đầu tư xây dựng;

c) Đối với công tác lập quy hoạch mạng lưới đường bộ, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ và các quy hoạch khác có liên quan đến đường bộ, chiều rộng hành lang an toàn đường bộ xác định theo cấp kỹ thuật của đường bộ trong quy hoạch liên quan;

d) Đối với đường bộ trong khu vực quy hoạch thành đô thị đã được phê duyệt và đã xây dựng theo tiêu chuẩn quốc gia về đường đô thị, thì hành lang an toàn đường bộ xác định theo cấp đường đô thị.

Điều 12. Giới hạn theo phương thẳng đứng của đường dây tải điện, dây dẫn điện đi phía trên đường bộ

Giới hạn theo phương thẳng đứng của đường dây tải điện, dây dẫn điện đi phía trên đường bộ thực hiện theo quy định của khoản 5 Điều 17 Luật Đường bộ.

---

[15] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 13. Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án thi công, công tác bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình đối với biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị xây dựng, lắp đặt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Để bảo đảm an toàn giao thông, an toàn cho công trình đường bộ và công trình liền kề, việc xây dựng, lắp đặt cột, móng cột biển quảng cáo trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ không bao gồm các vị trí sau:

a) Móng, cột biển quảng cáo không đặt lên các công trình kết cấu hạ tầng đường bộ và bảo đảm khoảng cách tối thiểu 1,0 mét đến móng và mép ngoài rãnh đỉnh, tường chắn, công trình an toàn giao thông đường bộ, công trình hạ tầng đã xây dựng trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ;

b) Trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ và phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ có neo đậu phà, cầu phao, cầu quay;

c) Vị trí che lấp tượng, tượng đài và biển quảng cáo khác, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị đã xây dựng, lắp đặt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

2. Kích thước biển quảng cáo không được: ảnh hưởng, che khuất báo hiệu đường bộ, che khuất tầm nhìn người điều khiển phương tiện khi tham gia giao thông đường bộ, gây cản trở hoạt động vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; che lấp tượng, tượng đài và biển quảng cáo khác, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị đã xây dựng, lắp đặt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ. Mép dưới biển quảng cáo cách mặt đất tối thiểu là 2,0 mét.

3. Đối với biển quảng cáo xây dựng trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu theo chiều ngang tính từ mép ngoài mặt đường đến điểm gần nhất của biển quảng cáo bằng 1,1 lần chiều cao của biển (chiều cao của biển được tính từ chân cột biển quảng cáo đến điểm cao nhất của biển).

4. Biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị xây dựng phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện quảng cáo ngoài trời.

Điều 14. Xây dựng, lắp đặt và khai thác công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Công trình quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Đường bộ (sau đây gọi chung là công trình hạ tầng) khi xây dựng, lắp đặt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ phải thực hiện theo quy định sau:

a) Lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

b) Thực hiện thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ đối với trường hợp công trình đường sắt, đường tàu điện giao cắt, đi song song liền kề với đường bộ.

2. Không lắp đặt đường ống dẫn khí đốt, các chất dễ cháy, nổ vào trong hầm đường bộ; không lắp đặt đường dây tải điện cao thế theo quy định của pháp luật về điện lực vào cầu đường bộ, trừ trường hợp cầu đường bộ có thiết kế hạng mục dành riêng cho lắp đặt đường dây tải điện cao thế phù hợp nhưng phải bảo đảm an toàn điện, an toàn về phòng, chống cháy nổ và phải cắt điện theo yêu cầu của người quản lý, sử dụng đường bộ để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và cải tạo, nâng cấp cầu đường bộ.

3. Chủ đầu tư xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng có trách nhiệm hoàn trả kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng và phải đáp ứng các quy định sau:

a) Kết cấu hạ tầng đường bộ hoàn trả phải được thiết kế, thi công, nghiệm thu, bảo hành theo quy định của pháp luật về xây dựng, quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn;

b) Quy mô, chất lượng, yêu cầu kỹ thuật kết cấu hạ tầng đường bộ hoàn trả không được thấp hơn kết cấu hạ tầng đường bộ trước khi xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng.

Điều 15. Xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ

1. Việc đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung kết hợp với đầu tư xây dựng công trình đường bộ bao gồm các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 3 Điều 20 Luật Đường bộ và các trường hợp sau:

a) Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị, đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ thuộc các trường hợp khác trong đó có các thành phần: xây dựng công trình đường bộ, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

b) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan và các trường hợp do người có thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng công trình đường bộ, xây dựng công trình khác quyết định.

2. Chủ đầu tư dự án xây dựng công trình đường bộ có trách nhiệm:

a) Tổ chức lập và thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ bao gồm cả hạng mục xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Công khai thông tin dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ và tình hình đầu tư xây dựng dự án đường bộ theo quy định sau: thực hiện trên hệ thống cơ sở dữ liệu đường bộ quy định tại Điều 57 và Điều 58 của Nghị định này; thông báo cho cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về thông tin truyền thông cấp tỉnh để cung cấp thông tin cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị chủ đầu tư dự án xây dựng công trình đường bộ cho phép xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung vào phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ. Chi phí xây dựng, lắp đặt công trình kỹ thuật hạ tầng sử dụng chung và các chi phí phát sinh do thực hiện công việc này do tổ chức, cá nhân đề nghị chi trả.

3. Việc xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ đã đưa vào khai thác được thực hiện theo quy định về xây dựng, lắp đặt và khai thác công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ tại Điều 14 của Nghị định này.

Điều 16. Lắp đặt các công trình hạ tầng khác vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ

1. Trường hợp đã có công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ thì các công trình hạ tầng khác (đường dây thông tin, viễn thông, dây tải điện, dây dẫn điện, chiếu sáng công cộng, ống cấp nước, thoát nước, cấp năng lượng) được bố trí lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, trừ các trường hợp sau:

a) Việc lắp đặt các công trình hạ tầng khác vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng;

b) Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có quy mô, kích thước, tải trọng không phù hợp để lắp đặt công trình hạ tầng khác, không còn vị trí lắp đặt thêm công trình hạ tầng khác;

c) Không bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng công trình đường bộ, công trình hạ tầng và công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

d) Các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 của Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân cần lắp đặt công trình hạ tầng thoả thuận, ký kết hợp đồng với chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

3. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bố trí dấu hiệu nhận biết công trình hạ tầng thuộc sở hữu khi lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ. Dấu hiệu nhận biết các công trình hạ tầng gồm:

a) Đối với ống cấp năng lượng, cấp, thoát nước, dấu hiệu nhận biết bao gồm các thông tin: tên đầy đủ hoặc viết tắt của chủ sở hữu, ký hiệu, màu sắc và các thông tin cần thiết khác được in, sơn trực tiếp vào vỏ ngoài đường ống hoặc ghi thông tin trên thẻ gắn vào bên ngoài đường ống;

b) Đối với các loại đường dây, dấu hiệu nhận biết được thể hiện bằng màu sắc của dây, kèm theo thẻ ghi các thông tin nhận biết chủ sở hữu và thông tin cần thiết khác và được gắn vào đường dây.

4. Để bảo đảm an toàn trong khai thác, sử dụng, chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ phải lấy ý kiến người quản lý, sử dụng đường bộ trước khi lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ các công trình sau:

a) Đường ống dẫn khí đốt, nhiên liệu, hoá chất;

b) Đường dây tải điện, dây dẫn điện;

c) Đường ống cấp, thoát nước;

d) Các trường hợp ảnh hưởng đến an toàn chịu lực, an toàn khai thác sử dụng công trình đường bộ;

đ) Các trường hợp phải thực hiện quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy;

e) Các trường hợp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung lắp đặt vào cầu yếu, trong thời gian sửa chữa cầu.

Điều 17. Hồ sơ đề nghị chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ

1. Thành phần hồ sơ đề nghị chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị, xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, bao gồm:

a)[16] Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử đơn đề nghị theo quy định tại Mẫu số 1 Phụ lục III kèm theo Nghị định này;

b) Thuyết minh thiết kế, vị trí xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị, công trình hạ tầng và công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

Đối với công trình lắp đặt vào cầu, hầm, công trình, hạng mục công trình đường bộ thuộc kết cấu chịu lực, phải có kết quả tính toán bảo đảm khả năng chịu lực của kết cấu đối với tải trọng, tác động của gió khi lắp đặt các công trình này vào công trình đường bộ;

c)[17] Các bản vẽ thiết kế, bao gồm bản vẽ bố trí chung, các bản vẽ mặt cắt đứng, mặt cắt ngang và các bản vẽ thiết kế chi tiết thể hiện cụ thể: quy mô, kích thước của công trình đề nghị chấp thuận; vị trí công trình đề nghị trên đoạn đường; khoảng cách từ mép ngoài công trình đề nghị đến mép ngoài mặt đường, tim đường, chiều sâu công trình đến mặt đường và các khoảng cách khác đến các hạng mục công trình cầu, cống, hầm có liên quan đến công trình đề nghị.

Đối với biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị, công trình hạ tầng và công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung xây dựng, lắp đặt trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ, phải có thông tin về khoảng cách từ biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị và các công trình đến: bề mặt dải phân cách giữa, mép dải phân cách giữa;

d)[18] ***(Được bãi bỏ)***;

đ) Đối với biển quảng cáo được xây dựng, lắp đặt trong hành lang an toàn đường bộ thì phải có phương án thi công để bảo đảm an toàn giao thông, an toàn cho công trình đường bộ và công trình liền kề;

e)[19] Các tài liệu quy định tại các điểm b, c, và điểm đ khoản này là bản chính hoặc bản sao hoặc bản sao điện tử; số lượng 01 bộ.

2.[20] Đối với việc thi công xây dựng đường dây tải điện, dây dẫn điện có điện áp từ 35 KV trở xuống, đường dây thông tin, viễn thông, đường ống cấp nước có

---

[16] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[17] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[18] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026

[19] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[20] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

đường kính bao ngoài không quá 200 mm, bảo trì, thay thế hạng mục, thiết bị của các công trình hạ tầng đã được xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, gia cường công trình đường bộ (khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ), trừ các trường hợp không phải cấp giấy phép thi công theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Đường bộ, thành phần hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng, gia cường được thực hiện đồng thời với hồ sơ cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.

Thành phần hồ sơ bao gồm: bản chính hoặc biểu mẫu điện tử đơn đề nghị chấp thuận đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục III kèm theo Nghị định này, tài liệu quy định tại điểm b, điểm c và điểm e khoản 1 Điều này và biện pháp thi công, phương án tổ chức giao thông là bản sao hoặc bản sao điện tử.

Điều 18. Trình tự, thủ tục đề nghị, chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận xây dựng, gia cường được thực hiện đồng thời với hồ sơ cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, chấp thuận xây dựng, gia cường được thực hiện đồng thời với hồ sơ cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác nộp hồ sơ quy định tại Điều 17 của Nghị định này đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, theo một trong các hình thức trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công.

2.[21] Thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 2 Điều 17 Nghị định này

a) Đối với quốc lộ quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Đường bộ, Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện đối với: đường bộ cao tốc; hầm đường bộ; công trình hạ tầng đi qua địa bàn hai tỉnh trở lên; công trình hạ tầng lắp đặt vào cầu phải bổ sung kết cấu gia cố; các trường hợp cần đào, cắt, xẻ quốc lộ có cấp kỹ thuật là đường cấp III trở

[21] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

lên để thi công xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ theo đề nghị của các cơ quan Quân sự và Công an; trừ trường hợp chấp thuận xây dựng, gia cường được thực hiện đồng thời với hồ sơ cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác quy định tại khoản 2 Điều 17 của Nghị định này. Khu Quản lý đường bộ thực hiện đối với các trường hợp chấp thuận đồng thời với cấp giấy phép thi công trên đường bộ đang khai thác quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này và các trường hợp còn lại thuộc phạm vi quản lý;

b) Sở Xây dựng thực hiện đối với các trường hợp: quốc lộ quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật Đường bộ, đường khác thuộc phạm vi được giao quản lý;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đối với đường xã và đường khác thuộc phạm vi quản lý.

3. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ;

b) Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;

c)[22] Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức giao thông biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục III kèm theo Nghị định này; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đang khai thác theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III kèm theo Nghị định này; chấp thuận xây dựng, gia cường đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục III kèm theo Nghị định này. Trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

d)[23] Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân bằng các hình thức: bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu

[22] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[23] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

cầu nhận bản giấy thì nhận trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận một cửa hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

4. Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày có văn bản chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức giao thông biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị, chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đang khai thác mà chủ công trình chưa triển khai thi công hoặc chưa hoàn thành thủ tục cấp phép thi công thì phải lập hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng, lắp đặt lại.

Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày có văn bản chấp thuận xây dựng, lắp đặt đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đang khai thác mà chủ công trình chưa triển khai thi công thì phải lập hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng, lắp đặt lại.

Điều 19. Quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ

1. Việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20, Điều 35, Điều 36 và Điều 37 của Luật Đường bộ, quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, quy định của pháp luật về bảo trì công trình xây dựng, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định của Nghị định này.

2. Chi phí quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, các bộ phận lắp đặt công trình khác vào cầu đường bộ, cống cáp, hào, tuy nen kỹ thuật của hầm đường bộ quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật Đường bộ được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 20 Luật Đường bộ.

3. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình hạ tầng lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung chịu trách nhiệm về chi phí và việc thực hiện quản lý, bảo trì các công trình hạ tầng, trừ khi hợp đồng lắp đặt có quy định khác.

4. Chủ sở hữu, người được giao quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, người quản lý, sử dụng đường bộ, tổ chức, cá nhân khác căn cứ vào dấu hiệu nhận biết quy định tại khoản 3 Điều 16 của Nghị định này, thông báo kịp thời cho chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình hạ tầng để sửa chữa nếu có hư hỏng, cung cấp thông tin để phối hợp trong công tác quản lý, vận hành,

khai thác, sử dụng, bảo trì các loại công trình hạ tầng lắp đặt trong công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, bảo đảm việc khai thác các công trình an toàn, hiệu quả.

Điều 20. Bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

Công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Luật Đường bộ, quy định khác của pháp luật có liên quan và các quy định sau:

1. Thực hiện các hoạt động để bảo đảm an toàn kết cấu hạ tầng đường bộ, bảo đảm an toàn trong khai thác sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ và kéo dài thời hạn khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ, bao gồm:

a) Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất, kiểm định chất lượng, quan trắc công trình và đánh giá an toàn đối với kết cấu hạ tầng đường bộ. Nội dung công việc kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất, kiểm định chất lượng, quan trắc công trình và đánh giá an toàn đối với kết cấu hạ tầng đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 35 Luật Đường bộ, quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng[24] về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ và quy định của pháp luật về xây dựng;

b) Thực hiện tuần đường, tuần kiểm đường bộ để theo dõi tình trạng kết cấu hạ tầng đường bộ; phát hiện và có biện pháp xử lý đối với các hư hỏng, xuống cấp của kết cấu hạ tầng đường bộ;

c) Xử lý đối với kết cấu hạ tầng đường bộ không bảo đảm an toàn cho khai thác sử dụng; xử lý đối với công trình kết cấu hạ tầng đường bộ hết thời hạn khai thác sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng; quyết định dừng khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ trong trường hợp không bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông đường bộ;

d) Thực hiện công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai đối với kết cấu hạ tầng đường bộ;

đ) Sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ phục vụ vận tải đường bộ theo quy định của Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2.[25] Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 7, điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Đường bộ và các quy định sau:

---

[24] Cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Xây dựng" theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[25] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

a) Tổ chức vận hành, khai thác, sử dụng công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ để thực hiện các quy định tại điểm c, điểm d khoản 4 Điều 39 Luật Đường bộ;

b) Tổ chức thực hiện tuần đường, tuần kiểm đường bộ để phát hiện và ngăn chặn các hành vi xây dựng công trình trái phép trên đường bộ và trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; đấu nối trái phép vào đường bộ; lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ và các hành vi vi phạm đối với kết cấu hạ tầng đường bộ;

c) Khai thác, sử dụng, chuyển nhượng, cho thuê kết cấu hạ tầng đường bộ trái quy định của Luật Đường bộ, quy định của pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công, quy định của pháp luật xây dựng;

d) Xác định và công khai mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ, phạm vi đất đã được bồi thường và thu hồi; bảo vệ mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ và diện tích đất đã được bồi thường, thu hồi;

đ) Tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

3. Bộ Xây dựng[26] tổ chức thực hiện bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với quốc lộ quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Đường bộ và kết cấu hạ tầng đường bộ khác thuộc phạm vi quản lý.

4. Cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm trực tiếp tổ chức thực hiện các hoạt động bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với quốc lộ quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật Đường bộ và quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6 của Nghị định này, đường tỉnh và kết cấu hạ tầng đường bộ khác thuộc phạm vi quản lý.

6. Sở Xây dựng[27] có trách nhiệm trực tiếp tổ chức thực hiện các hoạt động bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ quy định tại khoản 5 Điều này.

7.[28] Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp tổ chức thực hiện bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

---

[26] Cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Xây dựng" theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[27] Cụm từ "Sở Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Sở Xây dựng" theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[28] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

8. Người quản lý, sử dụng đường bộ trực tiếp tổ chức thực hiện bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đối với kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý; tổ chức lập và cung cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã bản vẽ thể hiện sơ đồ và vị trí mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ đang khai thác để công bố công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tuyến đường bộ.

9. Chủ đầu tư dự án xây dựng đường bộ tổ chức lập và cung cấp bản vẽ thể hiện sơ đồ và vị trí mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ đối với đường bộ thuộc phạm vi dự án để công bố công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án.

Điều 21. Sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác

1.[29] Việc sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác quy định tại Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, bao gồm:

a) Phục vụ các hoạt động: sự kiện chính trị và hoạt động văn hoá, thể thao; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống cháy nổ; tìm kiếm cứu nạn; phòng, chống dịch bệnh;

b) Phục vụ thi công xây dựng công trình;

c) Tập kết, thu gom rác thải, vật liệu xây dựng;

d) Tổ chức sự kiện tang lễ;

đ) Tổ chức đám cưới;

e) Sử dụng vào việc trông, giữ phương tiện tham gia giao thông và các trường hợp cần thiết khác do Ủy ban nhân dân các cấp quy định đối với các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý.

g) Các trường hợp cần thiết khác do cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ (đối với đường chuyên dùng) quyết định trên cơ sở thống nhất với lực lượng Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ trên tuyến, nhưng không làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

1a.[30] Đối với trường hợp sử dụng tạm thời lòng đường vào mục đích khác quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều này chỉ được thực hiện trên các tuyến đường xã, đường thôn, đường chuyên dùng, đường đô thị nhưng không bao gồm đường phố chính đô thị theo quy định của tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường đô thị.

---

[29] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[30] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Không sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè đường cao tốc, quốc lộ, đường tỉnh vào các mục đích quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều này.

2.[31] Phương án sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác bao gồm các nội dung sau:

a) Mục đích sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè; vị trí, phạm vi sử dụng tạm thời một phần hoặc toàn bộ lòng đường (bao gồm mặt đường và phần lề đường có gia cố), vỉa hè vào mục đích khác, chiều dài lòng đường, vỉa hè sử dụng tạm thời vào mục đích khác;

b) Chỉ dẫn cho người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ đi qua hoặc đi tránh khu vực sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè; việc bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường khi sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè;

c) Phương án hoàn trả lòng đường, vỉa hè sau khi kết thúc việc sử dụng.

3.[32] Thành phần hồ sơ đề nghị sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác theo quy định tại Mẫu số 1 Phụ lục IV kèm theo Nghị định này.

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử phương án sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác theo quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Số lượng tài liệu quy định tại điểm a và điểm b khoản này: 01 bộ.

4. Tổ chức, cá nhân sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác nộp hồ sơ đề nghị theo một trong các hình thức trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính quy định tại khoản 5 Điều này.

5.[33] Thẩm quyền cấp phép sử dụng tạm thời một phần hoặc toàn bộ lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác như sau:

a) Khu Quản lý đường bộ thực hiện đối với đường bộ quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Đường bộ, trừ phần lòng đường, vỉa hè đã bàn giao cho Ủy ban nhân dân các cấp quản lý;

---

[31] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[32] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[33] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

b) Sở Xây dựng thực hiện đối với đường bộ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao quản lý, trừ phần lòng đường, vỉa hè đã bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đối với các trường hợp không quy định tại điểm a và điểm b khoản này;

6. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính quy định tại khoản 5 Điều này thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ;

b) Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong ngày tiếp nhận hồ sơ đối với đám tang và trong phạm vi 02 ngày làm việc đối với các trường hợp khác kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;

c)[34] Trong thời hạn không quá 01 ngày đối với đám tang, không quá 03 ngày làm việc đối với các trường hợp khác, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành kiểm tra nếu đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các quy định tại khoản 1, khoản 1a, khoản 2, khoản 3 Điều này thì có văn bản cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác. Mẫu văn bản cấp phép quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục IV kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp phép thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

d)[35] Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân bằng các hình thức: bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì nhận trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận một cửa hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

7. Trách nhiệm của cơ quan chấp thuận sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác giao thông

a) Gửi văn bản cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác cho Cảnh sát giao thông hoặc Cơ quan công an làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên tuyến đường;

---

[34] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 10 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[35] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 10 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, xử lý tổ chức, cá nhân sử dụng lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác đối với các việc: bảo đảm giao thông, an toàn giao thông; quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ; xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

c)[36] Phối hợp với lực lượng Cảnh sát giao thông, Công an làm nhiệm vụ trên tuyến, Ủy ban nhân dân cấp xã và người quản lý, sử dụng đường bộ trong công tác bảo đảm an toàn giao thông và các công việc cần thiết khác.

8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác

a) Thực hiện đúng nội dung giấy phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác và phương án sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác; thực hiện các quy định tại khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

b) Chỉ được sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè đúng mục đích và thời gian sử dụng tạm thời được cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

c) Chấp hành các yêu cầu của Cảnh sát giao thông, Cơ quan công an làm nhiệm vụ trên tuyến; không làm mất trật tự, an toàn giao thông đường bộ; thực hiện các phương án tổ chức giao thông của Cảnh sát giao thông, Cơ quan công an; xử lý kịp thời các tình huống phát sinh bảo đảm an toàn cho người, phương tiện tham gia các sự kiện và người, phương tiện tham gia giao thông;

d) Thực hiện các biện pháp, công việc để bảo đảm an toàn cháy, nổ, an toàn công trình, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan;

đ) Trả lại nguyên trạng lòng đường, vỉa hè khi kết thúc việc sử dụng; bồi thường thiệt hại gây ra nếu hư hỏng kết cấu hạ tầng đường bộ.

9. Hết thời hạn cấp phép sử dụng lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng tiếp thì thực hiện thủ tục cấp phép lại theo quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

10.[37] Trường hợp sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, phòng

---

[36] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026

[37] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 10 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

cháy, chữa cháy, tổ chức cứu nạn, cứu hộ, tổ chức lễ tang thì không bắt buộc thực hiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

Việc sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè để thực hiện các công việc khẩn cấp, cấp bách được thực hiện các quy định của Luật Tình trạng khẩn cấp, Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Đê điều, Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Luật Xây dựng.".

11.[38] Đối với trường hợp sửa chữa, bảo trì, đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến đường đang khai thác, thi công xây dựng công trình hạ tầng, công trình biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị, thi công nút giao đấu nối trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thì không thực hiện cấp phép tạm thời sử dụng lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác, nhưng phải thực hiện quy định về chấp thuận, cấp giấy phép thi công xây dựng trên tuyến đường đang khai thác, cấp phép thi công đấu nối vào đường bộ đang khai thác theo quy định của Luật Đường bộ, các quy định của Nghị định này và quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Chương IV

TỔ CHỨC GIAO THÔNG, KẾT NỐI GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Mục 1. TỔ CHỨC GIAO THÔNG

Điều 22. Nội dung tổ chức giao thông đường bộ trong giai đoạn quy hoạch

1. Nội dung tổ chức giao thông đường bộ trong giai đoạn quy hoạch mạng lưới đường bộ bao gồm:

a) Đánh giá nhu cầu vận tải đường bộ thời kỳ quy hoạch và xác định các tuyến đường bộ, quy mô đường bộ trong các quy hoạch;

b) Phương hướng kết nối đường bộ giữa các vùng kinh tế - xã hội, khu vực, địa bàn đô thị và nông thôn; kết nối với các đầu mối giao thông: cảng hàng không, sân bay, cảng biển, cảng đường thủy nội địa, ga đường sắt, bến xe, bãi đỗ xe, các khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghiệp và các vị trí, khu vực, địa bàn khác.

2. Nội dung tổ chức giao thông đường bộ trong giai đoạn quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ bao gồm:

a) Các quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Xác định hướng tuyến cơ bản của đường bộ và các điểm giao cắt giữa đường chính với các tuyến đường bộ khác trong quy hoạch; phương án kết nối phương thức vận tải đường bộ với các phương thức vận tải khác.

---

[38] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 10 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 23. Nội dung tổ chức giao thông đường bộ trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế công trình đường bộ, trước khi đưa đường bộ đã hoàn thành đầu tư vào khai thác

1. Nội dung tổ chức giao thông đường bộ trong giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng bao gồm:

a) Xác định mục tiêu phục vụ giao thông đường bộ của dự án, bảo đảm phù hợp quy hoạch được duyệt và đáp ứng nhu cầu vận tải đường bộ;

b) Xác định quy mô, số lượng, hình thức nút giao kết nối tuyến đường trong dự án với các tuyến đường bộ trong khu vực;

c) Xác định phương án chủ yếu đầu tư, xây dựng các công trình phụ trợ gắn liền với đường bộ, phương tiện, thiết bị phục vụ quản lý, vận hành, khai thác đường bộ; các công trình an toàn giao thông; phương án bố trí báo hiệu đường bộ, chiếu sáng đường bộ, hệ thống quản lý giao thông thông minh, trung tâm quản lý, điều hành giao thông tuyến đường cao tốc.

2. Tổ chức giao thông trong giai đoạn thiết kế công trình đường bộ, bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Đường bộ và thiết kế chi tiết các loại báo hiệu đường bộ đối với từng đoạn đường, từng nút giao và phải bảo đảm: phù hợp với quy mô, các chỉ tiêu kỹ thuật công trình, từng bộ phận, hạng mục công trình đang đầu tư xây dựng; phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ; thiết kế chi tiết các công trình phụ trợ gắn liền với đường bộ, công trình an toàn giao thông, hệ thống quản lý giao thông thông minh, trung tâm quản lý, điều hành giao thông tuyến đường cao tốc, xác định danh mục, quy mô, công suất, tính năng các phương tiện, thiết bị phục vụ quản lý, vận hành, khai thác đường bộ.

3. Tổ chức giao thông trước khi bàn giao đưa công trình vào khai thác, bao gồm thực hiện các công việc sau:

a) Lập, phê duyệt phương án tổ chức giao thông đối với đường cao tốc theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 25 Luật Đường bộ;

b) Rà soát công trình an toàn giao thông, báo hiệu đường bộ và các công trình khác phục vụ cho tổ chức giao thông đường bộ đã được đầu tư so với dự án và thiết kế được duyệt;

c) Sửa đổi, bổ sung các nội dung cần thiết đối với hồ sơ thiết kế và thi công theo kết quả thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ, phương án tổ chức giao thông được duyệt; điều chỉnh, bổ sung báo hiệu đường bộ, công trình an toàn giao thông và các trường hợp cần thiết khác để bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn khi đưa công trình đường bộ vào khai thác, sử dụng.

4. Chủ đầu tư có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện các quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Lấy ý kiến Cơ quan Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ trên đường, địa bàn đối với: phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trước khi trình duyệt; công tác tổ chức giao thông trước khi bàn giao đưa vào khai thác sử dụng đường cấp I, cấp II, đường phố chính đô thị, cầu và hầm đường bộ cấp đặc biệt, cấp I, cấp II;

c) Bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát giao thông trên đường, địa bàn để vận hành, khai thác, sử dụng đèn tín hiệu giao thông.

Điều 24. Tổ chức giao thông đường bộ trong giai đoạn quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng công trình đường bộ

1. Tổ chức giao thông đường bộ trong giai đoạn quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng công trình đường bộ, bao gồm các công việc quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 25 Luật Đường bộ và thực hiện các quy định sau:

a) Thực hiện theo dõi, đánh giá tình hình giao thông trên tuyến đường; phát hiện: điểm hay xảy ra tai nạn giao thông đường bộ, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ, các bất cập về tổ chức giao thông, các vị trí ùn tắc giao thông; tổ chức đếm các loại ô tô, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông;

b) Điều chỉnh tổ chức giao thông đường bộ, xử lý các tồn tại hạn chế tại điểm a khoản này để khắc phục tình trạng không bảo đảm an toàn giao thông, ùn tắc giao thông trong quá trình khai thác, sử dụng đường bộ;

c) Điều chỉnh, bổ sung báo hiệu đường bộ và công trình an toàn giao thông đường bộ phù hợp với tổ chức giao thông quy định tại điểm b khoản này.

2.[39] Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức giao thông các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan, tổ chức thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

Đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ được tổ chức giao thông trên các tuyến đường bộ có đặt biển báo tốc độ khai thác tối đa 30 km/h áp dụng cho tất cả các phương tiện tham gia giao thông; tuyến đường bộ bố trí tách riêng phần đường, làn đường dành riêng cho phương tiện tham gia giao thông này mà phần đường, làn đường đó không tổ chức giao thông cho các phương tiện không cùng tốc độ tối đa với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; các tuyến đường nội bộ quy định tại khoản 6 Điều 9 Luật Đường bộ; phạm vi hoạt động đối với các trường hợp

[39] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, chỉ tổ chức hoạt động trên các tuyến đường có đặt biển báo tốc độ khai thác tối đa 50 km/h áp dụng cho tất cả các phương tiện tham gia giao thông. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm: tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ lịch trình, thời gian và phạm vi hoạt động của xe bốn bánh có gắn động cơ theo đúng quy định của pháp luật và công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đối với loại hình vận tải này.

Xe ô tô tải Pickup ca bin kép và xe ô tô tải Van có khối lượng toàn bộ không lớn hơn 3500 kg được tổ chức giao thông như đối với xe ô tô con.

3.[40] Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều này đối với đường bộ được giao quản lý;

b) Phối hợp, lấy ý kiến của Cơ quan Cảnh sát giao thông được giao điều khiển giao thông đường bộ đối với các trường hợp xử lý các bất cập về tổ chức giao thông, các vị trí ùn tắc giao thông đối với đường cao tốc, đường cấp I, cấp II, đường phố chính đô thị, cầu và hầm đường bộ cấp đặc biệt, cấp I, cấp II và các trường hợp cần thiết;

c) Thực hiện phương án tổ chức giao thông đường cao tốc đã được phê duyệt;

d) Hướng dẫn, kiểm tra người quản lý, sử dụng đường bộ thực hiện quy định tại khoản 4 Điều này; yêu cầu khắc phục tồn tại về tổ chức giao thông; xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm về tổ chức giao thông.

4. Người quản lý, sử dụng đường bộ thực hiện các quy định sau đối với đường bộ thuộc phạm vi quản lý:

a) Các công việc quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Thực hiện phương án tổ chức giao thông đường cao tốc đã được phê duyệt;

c) Bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát giao thông trên đường, địa bàn để vận hành, khai thác, sử dụng đèn tín hiệu giao thông (trừ các đèn tín hiệu giao thông đã được chủ đầu tư dự án xây dựng công trình đường bộ bàn giao theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 23 của Nghị định này); thực hiện công tác bảo trì các đèn tín hiệu giao thông trên tuyến thuộc phạm vi quản lý.

5. Cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 3 Điều này có trách nhiệm quyết định thực hiện các biện pháp tổ chức giao thông đường chuyên dùng trong thời gian sử

[40] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

dụng đường chuyên dùng hoặc quyết định sử dụng đường chuyên dùng vào mục đích giao thông công cộng.

Điều 25. Tổ chức giao thông tại các đoạn đường khi có hoạt động thi công xây dựng trên đường bộ đang khai thác

1. Tổ chức giao thông tại các đoạn đường bộ khi có hoạt động thi công xây dựng trên đường bộ đang khai thác, bao gồm:

a) Thi công công trình trên đường bộ đang khai thác quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Đường bộ;

b) Thi công xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng thuộc các dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ; thi công xây dựng đường bộ khác giao cắt với đường bộ đang khai thác; thi công gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng lưu hành trên đường bộ; thi công nút giao đấu nối với đường bộ đang khai thác.

2. Biện pháp tổ chức giao thông trên đường bộ đang khai thác bao gồm:

a) Lập hồ sơ thiết kế bản vẽ mặt bằng, mặt cắt đứng, mặt cắt ngang công trình và các bản vẽ khác mô tả: phạm vi thực hiện tổ chức giao thông và khu vực lân cận; phần đường sử dụng cho phương tiện tham gia giao thông theo từng chiều đường, phương án sử dụng đường tránh, cầu tạm để bảo đảm giao thông; chiều rộng mặt đường, làn đường dành cho giao thông; sơ đồ phân luồng giao thông sang các tuyến đường khác để tránh vị trí đang thi công; kết cấu công trình, hạng mục công trình cần sửa chữa, gia cường, công trình hoàn trả sau khi hoàn thành thi công trên đường đang khai thác và các nội dung cần thiết khác; kèm theo thuyết minh biện pháp tổ chức giao thông khi thi công trên đoạn đường đang khai thác bao gồm các nội dung: trình bày về phương án bảo đảm giao thông, phân làn giao thông theo từng chiều cho người, phương tiện tham gia giao thông qua đoạn đường có hoạt động thi công xây dựng; phương án phân luồng một, một số hoặc toàn bộ phương tiện và người tham gia giao thông đi trên tuyến đường khác trong thời gian thi công xây dựng trên đường đang khai thác; thời gian thực hiện tổ chức giao thông;

b) Tổ chức thực hiện điều chỉnh, bổ sung báo hiệu đường bộ; điều chỉnh, bổ sung công trình an toàn giao thông, đèn cảnh báo giao thông và chiếu sáng ban đêm; bố trí trực chốt phục vụ bảo đảm giao thông (nếu có);

c) Bố trí thời gian thực hiện tổ chức giao thông, thời gian phân làn, phân luồng giao thông.

3. Chủ đầu tư dự án xây dựng công trình trong phạm vi đường bộ đang khai thác chịu trách nhiệm về chi phí và việc tổ chức thực hiện biện pháp tổ chức giao thông trên đường bộ đang khai thác quy định tại khoản 2 Điều này từ khi nhận bàn giao mặt bằng từ người quản lý, sử dụng đường bộ đến khi kết thúc việc thi công trên đường đang khai thác; kiểm tra, giám sát nhà thầu thi công trên đường bộ đang khai thác thực hiện quy định tại khoản 4 Điều này và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Nhà thầu thi công trên đường bộ đang khai thác sử dụng

a) Thực hiện việc thi công trên đường bộ đang khai thác theo quy định của Luật Đường bộ, quy định của Nghị định này và hợp đồng ký kết với chủ đầu tư;

b) Thực hiện biện pháp tổ chức giao thông khi thi công trên đường bộ đang khai thác bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt qua khu vực thi công;

c) Chấp hành quy định của giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.

5. Cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ kiểm tra, theo dõi việc thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này; tạm đình chỉ, thu hồi giấy phép thi công trên đường đang khai thác, xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về tổ chức giao thông trên đường bộ đang khai thác, hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

Điều 26. Lập, thẩm định, phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác

1. Trách nhiệm lập phương án tổ chức giao thông đường cao tốc

a) Đối với dự án xây dựng đường cao tốc, chủ đầu tư dự án tổ chức lập phương án tổ chức giao thông và đề nghị cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này phê duyệt trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác sử dụng;

b) Đối với đường cao tốc đã đưa vào khai thác cần điều chỉnh phương án tổ chức giao thông để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phù hợp với kết cấu hạ tầng đường bộ đang khai thác, lưu lượng, tải trọng và các loại phương tiện tham gia giao thông trên tuyến, người quản lý, sử dụng đường cao tốc tổ chức lập phương án tổ chức giao thông điều chỉnh và đề nghị cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này phê duyệt.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án tổ chức giao thông đường cao tốc

a) Cục Đường bộ Việt Nam tổ chức thẩm định, phê duyệt phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; thẩm định, phê duyệt điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác đường cao tốc đối với: đường cao tốc thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng[41]; đường cao tốc do Bộ Xây dựng[42] là cơ quan ký hợp đồng dự án đối tác công tư; đường cao tốc Nhà nước giao doanh nghiệp nhà nước đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác;

b)[43] Sở Xây dựng thực hiện thẩm định, phê duyệt phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

3.[44] Hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác, sử dụng, phương án tổ chức giao thông điều chỉnh trong thời gian khai thác đường cao tốc được nộp theo một trong các hình thức trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy định tại khoản 2 Điều này. Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Tờ trình phê duyệt theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục V kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao, bản sao điện tử phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trước khi đưa vào khai thác, phương án điều chỉnh tổ chức giao thông đường cao tốc đang khai thác;

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ;

---

[41] Cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Xây dựng" theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[42] Cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Xây dựng" theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[43] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[44] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

b) Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;

c)[45] Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính hoàn thành việc thẩm định phương án tổ chức giao thông, phương án tổ chức giao thông điều chỉnh, nếu đủ điều kiện thì ban hành quyết định phê duyệt theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục V kèm theo Nghị định này. Trường hợp không phê duyệt thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

d)[46] Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì nhận trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận một cửa hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

5. Chi phí lập phương án tổ chức giao thông được tính trong chi phí tư vấn thiết kế khi đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc; chi phí khảo sát, lập phương án tổ chức giao thông điều chỉnh khi đường cao tốc đã đưa vào khai thác được tính trong chi phí quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì đường cao tốc.

6. Đối với trường hợp đầu tư xây dựng dự án xây dựng đường cao tốc kết nối với đường cao tốc đang khai thác, trước khi phê duyệt phương án tổ chức giao thông dự án xây dựng đường cao tốc phải thực hiện các quy định sau:

a) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án tổ chức giao thông có văn bản lấy ý kiến của người quản lý, sử dụng đường cao tốc đang khai thác về các nội dung tổ chức giao thông tại vị trí kết nối giao thông dự án xây dựng đường cao tốc và đường cao tốc đang khai thác; công tác phối hợp kiểm soát tải trọng xe và việc thu phí sử dụng đường cao tốc;

b) Thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, người quản lý, sử dụng đường cao tốc đang khai thác, sử dụng có văn bản trả lời ý kiến đối với cơ quan đề nghị.

Mục 2. KẾT NỐI GIAO THÔNG VÀ ĐẤU NỐI ĐƯỜNG BỘ

Điều 27. Kết nối giao thông các tuyến đường bộ

1.[47] Vị trí nút giao thông đường bộ (nút giao đấu nối) để kết nối các tuyến đường bộ với nhau mà các tuyến đường bộ đó được xác định trong các quy hoạch

---

[45] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[46] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[47] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

quy định tại Luật Quy hoạch, Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì không phải thực hiện quy định tại Điều 29 của Nghị định này. Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia có quy định về khoảng cách các nút giao đấu nối thì phải bảo đảm quy định này. Đối với việc đấu nối vào đường cao tốc đang khai thác thì thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

2. Nút giao đấu nối được thiết kế, xây dựng tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; phù hợp với cấp đường và bảo đảm an toàn giao thông, năng lực thông hành của tuyến đường.

3. Dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường bộ đang khai thác (sau đây gọi chung là dự án xây dựng đường bộ) phải xây dựng đường gom, đường bên, đường nhánh theo quy định sau:

a) Đường bên được xây dựng bên cạnh đường chính theo quy định tại khoản 6 Điều 28 Luật Đường bộ và quy định tại điểm b và điểm c khoản này;

b) Khi dự án xây dựng đường bộ cắt qua các cơ sở hiện hữu quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Đường bộ mà không cho phép các cơ sở này đấu nối trực tiếp vào tuyến đường thuộc dự án xây dựng đường bộ thì dự án xây dựng đường bộ phải xây dựng đường gom, đường bên, đường nhánh để gom các phương tiện tham gia giao thông từ các cơ sở này đi trên đường gom, đường bên trước khi kết nối vào nút giao với dự án xây dựng đường bộ, hoặc đi trên đường gom, đường bên sau đó đi vào đường nhánh trước khi kết nối vào dự án xây dựng đường bộ;

c) Các trường hợp khác cần xây dựng đường gom, đường bên, đường nhánh của dự án xây dựng đường bộ để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

4. Kết nối các tuyến đường bộ hiện hữu đang khai thác với dự án xây dựng đường bộ được thực hiện như sau:

a) Đường hiện hữu đang khai thác được kết nối giao thông với dự án xây dựng đường bộ thông qua đường gom, đường bên, đường nhánh theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Trừ các trường hợp quy định tại điểm a khoản này, đường hiện hữu đang khai thác được đấu nối vào dự án đường bộ khi đường hiện hữu đáp ứng một hoặc các quy định sau: đường hiện hữu cùng hoặc thuộc cấp quản lý cao hơn; đáp ứng

quy định tại khoản 1 Điều này; bảo đảm khoảng cách các vị trí đấu nối quy định trong quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị định này;

c) Trường hợp đấu nối trực tiếp đường hiện hữu đang khai thác vào dự án xây dựng đường bộ nhưng không bảo đảm trật tự, an toàn giao thông thì việc kết nối với dự án xây dựng đường bộ phải thông qua đường gom, đường bên, đường nhánh đã xây dựng;

d) Việc thực hiện xây dựng, cải tạo nút giao đấu nối quy định tại điểm b khoản này, nút giao đường nhánh đấu nối vào dự án xây dựng đường bộ quy định tại điểm a và điểm c khoản này được thực hiện trong dự án xây dựng đường bộ.

5. Xây dựng đường gom, đường bên của đường bộ là đường chính đang khai thác:

a) Chủ sở hữu, người quản lý đường bộ chuyên dùng xây dựng đường gom, đường bên thuộc phạm vi quản lý đối với trường hợp cần thực hiện để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường chuyên dùng là đường chính;

b)[48] Chủ đầu tư các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu chức năng, khu đô thị, cụm công nghiệp và chủ đầu tư các cơ sở sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm xây dựng đường gom đi qua cơ sở của mình để kết nối với các hệ thống đường bộ trong khu vực, trừ trường hợp đã có đường gom, đường bên đáp ứng lưu lượng xe thiết kế của các cơ sở này hoặc trường hợp các cơ sở này được phép đấu nối trực tiếp vào đường bộ đi qua khu vực và các trường hợp khác không cần phải xây dựng đường gom, đường bên; chủ đầu tư các dự án xây dựng đường bộ có trách nhiệm xây dựng đường bên, đường gom theo quy định tại khoản 6 Điều 28 Luật Đường bộ;

c)[49] Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức xây dựng đường gom, đường bên đối với các trường hợp không quy định tại điểm a và điểm b khoản này để kết nối giao thông khu vực, địa bàn với đường chính đi qua khu vực để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn; xác định lộ trình đầu tư xây dựng đường gom, đường bên để gom các phương tiện giao thông từ các cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Đường bộ trước khi đi vào đường quốc lộ, tuyến, đoạn tuyến đường chính có lưu lượng tham gia giao thông cao và không bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và để ngăn cách giao thông khu vực hai bên đường với đường chính.

---

[48] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[49] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

6.[50] Các khu vực dân cư, cơ quan, tổ chức, cơ sở dịch vụ, sản xuất kinh doanh, các địa điểm khác kết nối giao thông với đường cao tốc thông qua đường gom, đường bên, đường nhánh; kết nối giao thông với quốc lộ và các đường chính đi qua khu vực, địa bàn thông qua đường gom, đường bên, đường nhánh, trừ trường hợp các cơ sở này được đấu nối vào quốc lộ, đường chính đi qua khu vực và trường hợp chưa hoàn thành xây dựng đường bên, đường gom, đường nhánh theo quy định tại khoản 5 và khoản 7 Điều này.

7.[51] Trường hợp nút giao đấu nối các khu vực dân cư, cơ quan, tổ chức, cơ sở dịch vụ, sản xuất kinh doanh, các địa điểm khác đấu nối trực tiếp vào quốc lộ và đường chính đi qua khu vực, địa bàn mà tại các vị trí này, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều này chưa xây dựng đường bên, đường gom, đường nhánh để gom các phương tiện tham gia giao thông thì được phép tồn tại nút giao hiện hữu cho đến khi có đường gom, đường bên, đường nhánh với điều kiện nút giao đó phải bảo đảm an toàn giao thông. Trường hợp nút giao đấu nối không bảo đảm an toàn giao thông theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia thì phải khắc phục theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn để bảo đảm an toàn giao thông.

Điều 28. Vị trí nút giao đấu nối đường khác vào đường cao tốc

1. Vị trí nút giao đấu nối đường khác vào đường cao tốc ngoài đô thị được xác định trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng phù hợp quy hoạch mạng lưới đường bộ, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

2. Trường hợp bổ sung vị trí nút giao đấu nối đường khác với đường cao tốc ngoài quy định tại khoản 1 Điều này trong giai đoạn đầu tư xây dựng đường cao tốc, giai đoạn khai thác đường cao tốc thì phải bảo đảm:

a) Đường khác đề nghị đấu nối với đường cao tốc có trong quy hoạch được duyệt;

b) Khoảng cách điểm đấu nối, quy mô nút giao đấu nối phải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn thiết kế đường cao tốc.

3. Bộ Xây dựng[52], Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận bổ sung vị trí đấu nối với đường cao tốc thuộc phạm vi quản lý đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

---

[50] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[51] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[52] Cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Xây dựng" theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

4.[53] Cơ quan, tổ chức đề nghị đấu nối vào đường cao tốc quy định tại khoản 2 Điều này nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị theo một trong các hình thức trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính quy định tại khoản 3 Điều này. Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị đấu nối vào đường cao tốc theo Mẫu số 01 Phụ lục VI kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử: chủ trương đầu tư nút giao đấu nối đường khác vào đường cao tốc, thiết kế nút giao đấu nối vào đường cao tốc (nếu có).

5. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính quy định tại khoản 3 Điều này thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ;

b) Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;

c) Trường hợp phải lấy ý kiến của các cơ quan thì sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thành phần hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành lấy ý kiến. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời Bộ Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

d)[54] Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hoặc 07 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan (đối với trường hợp phải lấy ý kiến), cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành kiểm tra nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận nút giao đấu nối vào đường bộ theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục VI kèm theo Nghị định này. Trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

đ)[55] Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu

---

[53] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[54] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[55] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

cầu nhận bản giấy thì nhận trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận một cửa hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

6. Vị trí đấu nối đường khác trong đô thị với đường cao tốc đô thị được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Tuyến đường kết nối vào đường cao tốc đô thị theo quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Thực hiện trong dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc đô thị được duyệt.

7. Đối với đường chính quy hoạch thành đường cao tốc, sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng thành đường cao tốc, các tuyến đường bộ trước đây đấu nối vào đường chính được kết nối giao thông với đường cao tốc thông qua đường gom, đường bên của đường cao tốc hoặc đường khác để kết nối vào nút giao của đường cao tốc.

Điều 29. Đấu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch

1.[56] Trừ trường hợp đấu nối quy định tại khoản 1 Điều 27 và các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 6 Điều 28 của Nghị định này, vị trí nút giao đấu nối mới vào quốc lộ phải bảo đảm khoảng cách theo quy định của quy chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia. Trường hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia không quy định thì phải bảo đảm quy định sau:

a) Đối với quốc lộ cấp I, cấp II: không nhỏ hơn 2000 mét;

b) Đối với quốc lộ cấp III: không nhỏ hơn 1500 mét;

c) Không nhỏ hơn 1000 mét đối với quốc lộ cấp IV, cấp V và cấp VI;

d) Đối với các trường hợp quốc lộ từ 4 làn ô tô trở lên và có dải phân cách giữa chia đường thành hai chiều riêng biệt, khoảng cách các nút giao dạng ngã ba (chỉ cho phép phương tiện từ đường chính rẽ phải vào đường nhánh, phương tiện từ đường nhánh rẽ phải vào đường chính) đối với đường cấp I, cấp II và cấp III không nhỏ hơn 1000 mét; không nhỏ hơn 500 mét đối với các trường hợp khác;

đ) Trường hợp phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đi qua các địa bàn, khu vực có địa hình núi cao, vực sâu, sông, suối, kênh, rạch, đê điều, hồ, đập, công trình thuỷ lợi, thuỷ điện, đường sắt, khu vực di tích lịch sử, văn hoá, công trình quan trọng nhưng khó khăn trong việc xây dựng đường gom, đường bên, đường nhánh thì được giảm khoảng cách so với quy định tại điểm

[56] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này nhưng phải bảo đảm quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan. Đối với trường hợp này, người có thẩm quyền phê duyệt dự án có nút giao đấu nối, chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đấu nối phải bố trí đầy đủ các công trình an toàn giao thông, báo hiệu đường bộ để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông tại khu vực nút giao đấu nối và bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 27 của Nghị định này.

2. Các khu vực, cơ sở nằm giữa hai điểm đấu nối quy định tại khoản 1 Điều này kết nối vào quốc lộ thông qua đường gom, đường bên, đường nhánh và thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Nghị định này.

3. Việc xây dựng nút giao cùng mức trong phạm vi đầu cầu đường bộ, khu vực cửa hầm đường bộ, cầu phao đường bộ, bến phà đường bộ, nút giao đường sắt với đường bộ, đoạn đường cong nằm có bán kính đường cong nhỏ hơn bán kính đường cong tối thiểu chỉ được thực hiện để phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về quốc phòng, an ninh nhưng phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Các quy định tại khoản 2 Điều 27 của Nghị định này;

b) Bố trí đầy đủ các công trình an toàn giao thông, báo hiệu đường bộ để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông tại khu vực nút giao đấu nối;

c) Phải tổ chức thẩm tra, thẩm định về an toàn giao thông đường bộ.

4. Trường hợp xây dựng nút giao đấu nối mới để thay thế nút giao đấu nối đã có thì phải bảo đảm khoảng cách nút giao đấu nối mới với các nút giao khác. Sau khi hoàn thành đưa nút giao mới vào sử dụng, phải đóng nút giao đã được thay thế.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định vị trí đấu nối vào quốc lộ đang khai thác trên địa bàn (trừ trường hợp quốc lộ là đường cao tốc) đối với vị trí nút giao đấu nối không quy định tại khoản 1 Điều 27 nhưng phải bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 27 của Nghị định này và thực hiện các quy định sau:

a)[57] Lấy ý kiến cơ quan ký hợp đồng và người quản lý, sử dụng đường bộ đối với trường hợp quốc lộ đang khai thác trong thời hạn hợp đồng đối tác công tư, chuyển nhượng hoặc cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

---

[57] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

b) Đánh giá ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông khi bổ sung nút giao đấu nối vào quốc lộ đang khai thác đối với các nội dung sau: nhu cầu vận tải trên các đường nhánh cần đấu nối, lưu lượng xe hiện tại trên đường chính; khảo sát, điều tra và đưa ra dự báo lưu lượng xe tại các đường nhánh đấu nối vào đường chính, lưu lượng xe trên đường chính sau khi có nút giao; đánh giá quy mô, tình trạng kỹ thuật; điều kiện địa hình, địa chất, mặt bằng, hệ thống thoát nước, các công trình hạ tầng khác khu vực dự kiến thiết kế nút giao và các đường nhánh, làn chuyển tốc thuộc phạm vi nút giao, các công trình hoàn trả (vỉa hè, điện chiếu sáng, tường bảo vệ, báo hiệu đường bộ); các đường nhánh, đường gom, đường bên và hệ thống đường bộ khác đã có trong khu vực; các nút giao đấu nối vào đường chính đã có phục vụ cho việc tận dụng làm điểm đấu nối chung hoặc xoá bỏ điểm đấu nối đã có và xây dựng đường gom, đường bên kết nối từ điểm đấu nối đã có về điểm đấu nối mới;

c) Xác định vị trí từng nút giao; loại nút giao đấu nối; quy mô đường nhánh đấu nối vào đường chính, việc xây dựng làn chuyển tốc tại từng nhánh nút giao đấu nối; phương án tổ chức giao thông phù hợp với nút giao đấu nối; các công trình phải xây dựng trong phạm vi nút giao đấu nối, công tác di dời công trình hạ tầng kỹ thuật, bồi thường giải phóng mặt bằng và hoàn trả kết cấu hạ tầng đường bộ của tuyến chính, công trình hạ tầng khác bị ảnh hưởng, nguồn lực thực hiện.

6.[58] Cơ quan, tổ chức đề nghị đấu nối vào đường bộ quy định tại Điều này nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị theo một trong các hình thức: trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính quy định tại khoản 5 Điều này. Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị đấu nối vào đường bộ (bản chính) theo Mẫu số 01 Phụ lục VI kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử: chủ trương đầu tư nút giao đấu nối đường khác vào đường được đề nghị đấu nối, thiết kế nút giao đấu nối vào đường bộ (nếu có).

7. Việc thực hiện thủ tục hành chính đấu nối vào đường bộ theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định này.

8.[59] Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định, tổ chức đấu nối đường địa phương thuộc phạm vi quản lý; tổ chức đóng nút giao hiện hữu đấu nối vào quốc lộ đối với

[58] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[59] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

các trường hợp: đã có nút giao thay thế; đã hoàn thành xây dựng đường bên, đường gom để việc đấu nối vào quốc lộ thông qua đường bên, đường gom; nút giao hiện hữu là điểm hay xảy ra tai nạn giao thông mà không được khắc phục, nút giao không bảo đảm khoảng cách, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị định này.

9.[60] Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đấu nối vào đường bộ thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp đấu nối đường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Xây dựng, cơ quan trung ương vào đường thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức đóng nút giao hiện hữu đấu nối vào đường chính thuộc phạm vi quản lý đối với trường hợp: đã có nút giao thay thế; đã hoàn thành xây dựng đường bên, đường gom để việc đấu nối vào đường chính thông qua đường bên, đường gom; nút giao hiện hữu là điểm hay xảy ra tai nạn giao thông mà không được khắc phục; nút giao không bảo đảm khoảng cách, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị định này.

Điều 30. Trách nhiệm tổ chức thực hiện xây dựng nút giao đấu nối, đóng điểm đấu nối

1. Việc thực hiện xây dựng nút giao đấu nối trong dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo quốc lộ và đường cao tốc với đường khác được thực hiện theo dự án đầu tư xây dựng đường bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải thực hiện các quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 27 của Nghị định này, quy định của pháp luật về đường bộ và pháp luật về xây dựng.

2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm:

a) Giao chủ đầu tư xây dựng nút giao đấu nối mới đường nhánh thuộc phạm vi quản lý vào đường chính đang khai thác theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đầu tư công và pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư (trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 27, khoản 2 và khoản 6 Điều 28 của Nghị định này và trường hợp dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp trên quyết định đầu tư);

b) Kiểm tra việc thực hiện của chủ đầu tư nút giao đấu nối bảo đảm các quy định tại Điều 27 của Nghị định này;

c) Tổ chức kết nối giao thông trên địa bàn, khu vực hai bên đường chính vào đường gom, đường bên, đường nhánh trước khi kết nối vào đường chính;

---

[60] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

d) Đóng các điểm đấu nối đối với các trường hợp đã xây dựng điểm đấu nối mới thay thế; điểm đấu nối hay xảy ra tai nạn giao thông hoặc điểm đấu nối tiềm ẩn tai nạn giao thông nhưng chưa khắc phục; đóng điểm đấu nối trực tiếp trụ sở cơ quan, tổ chức, nhà ở, khu dân cư, khu vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thương mại vào đường chính sau khi đã có đường gom, đường bên, đường nhánh để kết nối giao thông các khu vực này vào đường chính thông qua đường gom, đường bên, đường nhánh;

đ) Xử lý vi phạm đấu nối theo quy định của Luật Đường bộ và quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Chủ đầu tư xây dựng nút giao đấu nối ngoài việc thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật đầu tư, có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Luật Đường bộ, quy định tại Điều 27 của Nghị định này và các quy định sau:

a) Chấp hành giấy phép thi công nút giao đấu nối với đường bộ đang khai thác theo quy định của pháp luật về đường bộ;

b) Bảo đảm an toàn giao thông, thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong thời gian thi công xây dựng nút giao đấu nối; có trách nhiệm bồi hoàn kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng do thi công nút giao đấu nối;

c)[61] Bàn giao đoạn đường chính trong khu vực nút giao đấu nối và 01 bộ bản vẽ hoàn công nút giao đấu nối cho người quản lý, sử dụng đường chính để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì nút giao đấu nối; bàn giao phần đường nhánh (bên ngoài phần đất để bảo vệ, bảo trì đường chính) cho người quản lý, sử dụng đường nhánh và 01 bộ bản vẽ hoàn công công trình nút giao đấu nối để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì đường nhánh;

d) Đóng các vị trí đấu nối khi hoàn thành dự án xây dựng nút giao đấu nối mới thay thế vị trí đấu nối có trước khi thực hiện dự án.

4. Người quản lý, sử dụng đường nhánh tại nút giao đấu nối có trách nhiệm:

a) Quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường nhánh tại nút giao đấu nối theo quy định của Luật Đường bộ, quy định của Nghị định này, quy định của pháp luật về xây dựng và quy định của pháp luật liên quan khác;

b) Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông nút giao đấu nối thuộc phạm vi quản lý;

c) Đóng các điểm đấu nối hiện hữu khi đã có điểm đấu nối mới thay thế;

---

[61] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

d) Phối hợp với người quản lý, sử dụng đường chính tại nút giao đấu nối trong việc kết nối giao thông đường bộ, điều chỉnh tổ chức giao thông, điều chỉnh, bổ sung báo hiệu đường bộ, công trình an toàn giao thông để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong thời gian khai thác nút giao đấu nối.

5. Người quản lý, sử dụng đường chính tại nút giao đấu nối có trách nhiệm:

a) Quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường chính tại nút giao đấu nối theo quy định của Luật Đường bộ, quy định của Nghị định này, quy định của pháp luật về xây dựng và quy định của pháp luật liên quan khác;

b) Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên đường chính tại khu vực nút giao đấu nối;

c) Phối hợp với người quản lý, sử dụng đường nhánh tại nút giao đấu nối trong việc kết nối giao thông đường bộ, điều chỉnh tổ chức giao thông, điều chỉnh, bổ sung báo hiệu đường bộ, công trình an toàn giao thông để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông;

d) Yêu cầu người quản lý, sử dụng đường nhánh xử lý các tồn tại, bất cập mất an toàn giao thông trong thời gian khai thác sử dụng nút giao đấu nối;

đ) Kiến nghị Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng đường bên, đường gom, đường nhánh để kết nối giao thông khu vực hai bên vào đường chính thông qua nút giao đấu nối được xây dựng theo quy định tại Điều 27 của Nghị định này và kiến nghị đóng các điểm đấu nối theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.

Điều 31. Đấu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ, đường địa phương đang khai thác

1. Đấu nối tạm thời vào quốc lộ, đường địa phương đang khai thác được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Làm đường công vụ phục vụ vận chuyển, khai thác vật liệu và vận chuyển thiết bị thi công xây dựng công trình; thời hạn đấu nối tạm không quá thời gian thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng;

b) Phục vụ các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, quản lý, khai thác, sử dụng và bảo trì công trình đê điều.

2. Hết thời hạn đấu nối tạm, chủ đầu tư dự án, tổ chức, cá nhân đề nghị đấu nối tạm phải thực hiện và tự chịu trách nhiệm chi phí thực hiện các công việc sau:

a) Xóa bỏ, đóng điểm đấu nối tạm thời;

b) Hoàn trả nguyên trạng hành lang an toàn đường bộ; sửa chữa, bổ sung kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng do việc thực hiện đấu nối tạm thời.

3. Thẩm quyền chấp thuận vị trí, thiết kế đấu nối tạm và cấp giấy phép thi công vào quốc lộ, đường địa phương

a) Khu quản lý đường bộ đối với quốc lộ quy định tại khoản 3 Điều 8 *Luật Đường bộ*;

b)[62] Sở Xây dựng đối với quốc lộ quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật Đường bộ và quốc lộ quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 của Nghị định này; đường tỉnh và đường khác được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao quản lý;

c)[63] Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đối với đường bộ thuộc phạm vi quản lý, trừ các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

4. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đấu nối tạm thời nộp hồ sơ theo một trong các hình thức trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công hồ sơ đề nghị đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này. Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục VI kèm theo Nghị định này;

b)[64] Quyết định phê duyệt dự án đầu tư;

c) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công nút giao đấu nối tạm; phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối tạm;

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ;

đ)[65] Thành phần hồ sơ quy định tại điểm a khoản này là bản chính hoặc biểu mẫu điện tử, thành phần hồ sơ quy định tại các điểm b, điểm c khoản này là bản sao hoặc bản sao điện tử.

5. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ;

---

[62] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[63] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[64] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[65] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

b) Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;

c)[66] Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận vị trí, thiết kế và cấp phép thi công nút giao đấu nối tạm theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục VI kèm theo Nghị định này. Trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

d)[67] Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì nhận trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận một cửa hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

Chương V

THẨM TRA, THẨM ĐỊNH AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ, ĐÀO TẠO THẨM TRA AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Mục 1. THẨM TRA, THẨM ĐỊNH AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 32. Thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ

Việc thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 29 Luật Đường bộ, Điều 33, Điều 34 của Nghị định này và các quy định sau:

1. Trong giai đoạn lập dự án đầu tư, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, việc thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ được thực hiện cùng công tác thẩm tra, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng và các quy định sau:

a) Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm lựa chọn tổ chức kinh doanh dịch vụ thẩm tra an toàn giao thông đủ điều kiện để thực hiện thẩm tra an toàn giao thông trong giai đoạn lập dự án đầu tư, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở. Trường hợp thuê tư vấn thẩm tra dự án, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở mà tư vấn thẩm tra dự án, thiết kế có đủ điều kiện năng lực về thẩm tra an toàn giao thông đường bộ thì có thể được lựa chọn để thực hiện thẩm tra an toàn giao thông dự án, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở.

---

[66] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 17 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[67] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 17 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

b)[68] Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư, duyệt thiết kế tổ chức thực hiện hoặc giao cơ quan thẩm định dự án, thẩm định thiết kế thực hiện thẩm định an toàn giao thông trên cơ sở báo cáo thẩm tra an toàn giao thông của tổ chức tư vấn thẩm tra an toàn giao thông cùng với công tác thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, thẩm định thiết kế công trình đường bộ triển khai sau thiết kế cơ sở để điều chỉnh, bổ sung các hạng mục liên quan đến an toàn giao thông vào dự án, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở.

Đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ do Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt dự án đầu tư, Bộ Xây dựng thực hiện thẩm định an toàn giao thông trong giai đoạn lập dự án đầu tư trên cơ sở báo cáo thẩm tra an toàn giao thông của tổ chức tư vấn thẩm tra an toàn giao thông.

2. Trước khi đưa công trình đường bộ vào khai thác, chủ đầu tư có trách nhiệm:

a) Lựa chọn tổ chức kinh doanh dịch vụ thẩm tra an toàn giao thông đủ điều kiện để thực hiện thẩm tra an toàn giao thông;

b) Thực hiện thẩm định an toàn giao thông trên cơ sở báo cáo thẩm tra an toàn giao thông của tổ chức tư vấn thẩm tra an toàn giao thông.

3.[69] Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với đường bộ là tài sản kết cấu hạ tầng của Nhà nước), người quản lý, sử dụng đường bộ (đối với đường chuyên dùng, đường trong thời hạn hợp đồng theo phương thức PPP, đường do doanh nghiệp được Nhà nước giao đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác) có trách nhiệm: lựa chọn tổ chức tư vấn đủ điều kiện năng lực để thẩm tra an toàn giao thông đường bộ; thẩm định an toàn giao thông đường bộ trên cơ sở báo cáo thẩm tra an toàn giao thông đối với đoạn đường đang khai thác được giao quản lý để thực hiện các giải pháp nhằm tăng cường điều kiện bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 29 Luật Đường bộ khi xảy ra một trong các trường hợp sau: cả ba chỉ tiêu về tai nạn giao thông (số vụ, số người chết, số người bị thương) năm sau tăng từ 10% trở lên so với năm trước; có 02 chỉ tiêu tai nạn giao thông năm sau tăng từ 20% trở lên so với năm trước; có 01 chỉ tiêu tăng trên 30% so với năm trước; các đoạn đường cong, đường đèo dốc xảy ra 02 vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng trong phạm vi

[68] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[69] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

12 tháng và các trường hợp cần thiết do người quản lý, sử dụng đường bộ quyết định.

4. Tổ chức tư vấn thẩm tra an toàn giao thông có trách nhiệm thực hiện thẩm tra an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Đường bộ, chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra; phát hiện các khả năng xảy ra tai nạn giao thông, đánh giá các yếu tố là nguyên nhân tai nạn giao thông, đề xuất giải pháp khắc phục nhằm bảo đảm giao thông trên đường bộ thông suốt, an toàn; lập báo cáo thẩm tra an toàn giao thông đường bộ gửi tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thẩm định an toàn giao thông.

5. Tổ chức, cá nhân thẩm định an toàn giao thông có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận báo cáo thẩm tra an toàn giao thông và các kiến nghị của tư vấn thẩm tra an toàn giao thông đường bộ để phục vụ thẩm định an toàn giao thông đường bộ;

b) Điều chỉnh, bổ sung dự án và thiết kế công trình đường bộ để bảo đảm hiệu quả dự án, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong quá trình khai thác sử dụng;

c) Việc thẩm định an toàn giao thông trước khi đưa công trình đường bộ vào khai thác và thẩm định an toàn giao thông đường bộ trong quá trình khai thác thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Nghị định này.

Điều 33. Hồ sơ, tài liệu phục vụ thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ

1. Hồ sơ, tài liệu phục vụ thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ quy định tại khoản 1 Điều 32 của Nghị định này bao gồm hồ sơ tài liệu để lập, thẩm định dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng công trình đường bộ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Hồ sơ, tài liệu phục vụ thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông trước khi đưa công trình đường bộ vào khai thác quy định tại khoản 2 Điều 32 của Nghị định này, bao gồm:

a) Hồ sơ thiết kế công trình (bao gồm cả thiết kế điều chỉnh, bổ sung) được phê duyệt;

b) Hồ sơ, tài liệu liên quan đến kết quả thực hiện đầu tư xây dựng;

c) Hồ sơ, tài liệu thu thập được từ hiện trường; ý kiến các cơ quan chức năng về tổ chức giao thông, việc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong giai đoạn khai thác tạm (nếu có).

3. Hồ sơ, tài liệu phục vụ thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ đang khai thác để thực hiện các giải pháp tăng cường điều kiện bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn quy định tại khoản 3 Điều 32 của Nghị định này, bao gồm:

a) Phương án tổ chức giao thông đã được phê duyệt đối với đường cao tốc; quy trình vận hành khai thác và các hồ sơ, tài liệu liên quan đến quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng công trình đường bộ; số liệu đêm xe và thành phần phương tiện tham gia giao thông đường bộ;

b) Hồ sơ, tài liệu liên quan đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong thời gian khai thác; tình hình, kết quả xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; việc điều chỉnh, bổ sung báo hiệu đường bộ, tổ chức giao thông đường bộ; tình hình đấu nối vào tuyến đường;

c) Ý kiến của cơ quan chức năng về tổ chức giao thông, tình hình trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

d) Tài liệu về kết quả kiểm tra thực tế giao thông trên đường bộ, tình trạng kỹ thuật tuyến đường, ánh sáng, khói, bụi, tiếng ồn xung quanh tuyến đường ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông tuyến đường đang khai thác.

Điều 34. Nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông trước khi đưa công trình đường bộ vào khai thác; thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ trong quá trình khai thác

1. Tư vấn thẩm tra an toàn giao thông đường bộ thực hiện các nội dung sau:

a) Thu thập hồ sơ, tài liệu phục vụ thẩm tra an toàn giao thông phù hợp với giai đoạn thẩm tra an toàn giao thông;

b) Kiểm tra, nghiên cứu, so sánh với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông, quy định của pháp luật về xây dựng; phân tích đánh giá các thông tin, dữ liệu về kết cấu hạ tầng, cơ sở dữ liệu thu thập được về tình hình giao thông để xác định các yếu tố tiềm ẩn gây mất an toàn giao thông do kết cấu hạ tầng đường bộ, phương tiện tham gia giao thông và người điều khiển phương tiện, người tham gia giao thông;

c) Xác định các yếu tố có thể gây mất an toàn giao thông, thông qua kiểm tra, thu thập và phân tích các thông tin, dữ liệu thực tế tại hiện trường: quy mô, tình trạng, tính chất kết cấu hạ tầng đường bộ; các điểm đấu nối, các tuyến đường khác có liên quan; tình hình giao thông, dữ liệu đếm xe, thành phần xe đối với đường bộ đã đưa vào khai thác; địa hình, thời tiết, môi trường xung quanh ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông tuyến đường;

d) Trường hợp cần thiết, lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và của người dân khu vực đoạn tuyến (nếu có) về tình hình trật tự, an toàn và tai nạn giao thông đường bộ, nghiên cứu các phản ánh, đề xuất về nhu cầu các phương tiện, thời gian cho phép các phương tiện tham gia giao thông, nhu cầu đấu nối vào đường bộ và các thông tin khác;

đ) Nghiên cứu, đánh giá các nội dung quy định tại Phụ lục VII kèm theo Nghị định này trong quá trình thẩm tra an toàn giao thông;

e) Lập báo cáo thẩm tra an toàn giao thông theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Nghị định này gửi cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Báo cáo kết quả thẩm tra an toàn giao thông đường bộ, bao gồm:

a) Tên dự án/đoạn tuyến và giai đoạn thực hiện công tác thẩm tra an toàn giao thông;

b) Tên của chủ nhiệm thẩm tra và thẩm tra viên;

c) Danh mục tài liệu đã thu thập;

d) Thời gian tổ chức thẩm tra, thời gian, địa điểm thực hiện kiểm tra hiện trường, thành phần kiểm tra hiện trường;

đ) Các ý kiến tham gia của tổ chức, cá nhân nhận được trước, trong quá trình thẩm tra;

e) Kết quả nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, kiểm tra hiện trường; việc tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan;

g) Đánh giá về việc bảo đảm an toàn giao thông của công trình đường bộ, nêu rõ các tồn tại, hạn chế ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường bộ; xác định nguyên nhân tồn tại, hạn chế;

h) Đề xuất, kiến nghị các giải pháp để xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường bộ.

3. Tổ chức, cá nhân thẩm định an toàn giao thông đường bộ có trách nhiệm tiếp nhận báo cáo thẩm tra an toàn giao thông và các kiến nghị của tư vấn thẩm tra an toàn giao thông đường bộ để phục vụ thẩm định an toàn giao thông đường bộ và thực hiện các công việc sau:

a) Đối với trường hợp trước khi đưa đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo vào khai thác: điều chỉnh, bổ sung các nội dung cần thiết nhằm bảo đảm an toàn giao thông trước khi đưa đường bộ vào khai thác; điều chỉnh bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong quá trình lập, phê duyệt;

b) Đối với đường bộ đang khai thác: thực hiện các giải pháp tăng cường điều kiện bảo đảm an toàn giao thông thông suốt, an toàn; điều chỉnh, bổ sung tốc độ

cho phép tham gia giao thông, phân làn, phân luồng giao thông; quy định chiều đi, thời gian đi tại các nút giao thông điều khiển bằng đèn tín hiệu; điều chỉnh điểm mở dải phân cách giữa; khắc phục điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, các bất cập về tổ chức giao thông ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông; điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong quá trình khai thác.

Mục 2. ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ THẨM TRA AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ; ĐÀO TẠO THẨM TRA, CẤP CHỨNG CHỈ THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 35. Điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm tra an toàn giao thông đường bộ

1. Tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra an toàn giao thông phải được thành lập theo quy định của pháp luật, bảo đảm quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Đường bộ và đáp ứng điều kiện về năng lực như sau:

a) Đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A và nhóm B, phải có ít nhất 10 người là thẩm tra viên; trong đó, tối thiểu có 04 thẩm tra viên là kỹ sư công trình đường bộ, 01 thẩm tra viên là kỹ sư hoặc cử nhân vận tải đường bộ và tối thiểu có 01 thẩm tra viên là người đủ điều kiện làm Chủ nhiệm thẩm tra an toàn giao thông;

b) Đối với dự án nhóm C và công trình đường bộ đang khai thác, phải có ít nhất 05 thẩm tra viên; trong đó, tối thiểu có 01 thẩm tra viên là kỹ sư công trình đường bộ, 01 thẩm tra viên là kỹ sư hoặc cử nhân vận tải đường bộ và tối thiểu có 01 thẩm tra viên là người đủ điều kiện làm Chủ nhiệm thẩm tra an toàn giao thông.

2. Thẩm tra viên thực hiện thẩm tra an toàn giao thông phải được đào tạo và được cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ còn giá trị sử dụng.

3. Chủ nhiệm thẩm tra an toàn giao thông, ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này, còn phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Đảm nhận chức danh Chủ nhiệm lập dự án, lập đồ án thiết kế ít nhất 03 công trình đường bộ;

b) Có trình độ từ đại học trở lên về chuyên ngành công trình đường bộ, có thời gian làm việc về thiết kế, thẩm tra thiết kế công trình đường bộ ít nhất 07 năm;

c) Có trình độ từ đại học trở lên về chuyên ngành giao thông đường bộ (công trình đường bộ, vận tải đường bộ) và có thời gian ít nhất 10 năm tham gia hoạt động trong các lĩnh vực: quản lý giao thông, vận tải đường bộ, xây dựng đường bộ, bảo trì đường bộ; trong đó, đã tham gia một trong các công việc sau: thiết kế, thẩm

tra hoặc thẩm định dự án xây dựng, dự án sửa chữa của ít nhất 03 công trình an toàn giao thông đường bộ;

Điều 36. Điều kiện của cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

Cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ phải là cơ quan, tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật và đáp ứng các điều kiện sau:

1. Về cơ sở vật chất

a) Bảo đảm phòng học có diện tích tối thiểu đạt 1,5 m^2/chỗ học, có thiết bị âm thanh, nghe nhìn, gồm: màn chiếu, máy chiếu, máy vi tính, bộ tăng âm, micro kèm loa;

b) Phương tiện, thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập ngoài hiện trường, tối thiểu có: 50 áo phản quang, 01 máy đo độ phản quang của biển báo hoặc sơn kẻ đường.

2. Về đội ngũ giảng viên

a) Có số giảng viên cơ hữu đảm nhận giảng dạy ít nhất 40% số lượng chuyên đề của chương trình khung đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;

b) Tiêu chuẩn của giảng viên theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Nghị định này.

Điều 37. Trình tự, thủ tục chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo được lập thành 01 bộ, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị (bản chính) chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này;

b) Kê khai về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo thẩm tra an toàn giao thông;

c) Kê khai danh sách giảng viên, kèm bản kê khai về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong hoạt động nghề nghiệp;

d) Bản dự thảo chương trình, tài liệu giảng dạy;

đ) Thành phần hồ sơ quy định tại điểm a và điểm d khoản này là bản chính, thành phần hồ sơ quy định tại điểm b, điểm c là bản chính hoặc bản sao có chứng thực.

2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông hoặc đề nghị cấp lại nộp hồ sơ theo một trong các hình thức

trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm:

a) Chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông;

b) Công khai danh sách cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ trên cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Cục Đường bộ Việt Nam.

4. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính quy định tại khoản 3 Điều này thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ;

b) Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành kiểm tra hồ sơ, nếu đủ, đáp ứng yêu cầu thì có văn bản chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 38. Tiêu chuẩn giảng viên và học viên tham gia đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

1. Giảng viên tham gia giảng dạy đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ phải đáp ứng một trong các tiêu chuẩn dưới đây:

a) Đủ điều kiện đảm nhận chức danh Chủ nhiệm thẩm tra an toàn giao thông đường bộ;

b) Có trình độ từ đại học trở lên về chuyên ngành giao thông đường bộ đồng thời có ít nhất 10 năm tham gia hoạt động một trong các lĩnh vực: giảng dạy về an toàn giao thông đường bộ, quản lý nhà nước liên quan đến tổ chức giao thông và an toàn giao thông đường bộ.

2. Học viên phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc được phép làm việc, học tập tại Việt Nam;

b) Có năng lực hành vi dân sự; có đủ sức khỏe;

c) Có trình độ từ đại học trở lên về chuyên ngành công trình đường bộ và có thời gian làm việc về thiết kế công trình đường bộ ít nhất 03 năm; hoặc có trình độ từ đại học trở lên và có thời gian ít nhất 05 năm tham gia hoạt động trong các lĩnh vực: quản lý giao thông, vận tải đường bộ, xây dựng đường bộ, bảo trì đường bộ.

Điều 39. Cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

1. Chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ (sau đây gọi là chứng chỉ) được Cục Đường bộ Việt Nam cấp và quản lý thống nhất trong phạm vi cả nước; mẫu chứng chỉ theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này và có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

2. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ do cơ sở kinh doanh đào tạo lập thành 01 bộ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thi, bao gồm:

a) Tờ trình cấp chứng chỉ (bản chính) theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này;

b) Quyết định công nhận kết quả thi của học viên tham gia khóa đào tạo;

c) 02 ảnh màu hoặc file ảnh điện tử định dạng JPG của mỗi học viên đề nghị cấp chứng chỉ (ảnh cỡ 4 cm x 6 cm), kiểu thẻ căn cước, chụp trong thời gian không quá 06 tháng).

3. Tổ chức có nhu cầu nộp hồ sơ theo một trong các hình thức trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Cục Đường bộ Việt Nam. Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ;

b) Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, cấp chứng chỉ cho từng học viên theo mẫu quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không cấp chứng chỉ, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 40. Cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

1. Điều kiện để được cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ:

a) Trong thời hạn sử dụng của chứng chỉ, người được cấp chứng chỉ thẩm tra viên phải tham gia thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ hoặc tham gia thiết kế, thẩm định phê duyệt xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông ít nhất 03 công trình;

b) Việc cấp đổi chứng chỉ phải hoàn thành trước khi chứng chỉ đã cấp hết hiệu lực.

2. Hồ sơ đề nghị cấp đổi chứng chỉ do cá nhân lập thành 01 bộ, bao gồm:

a) Đơn đề nghị (bản chính) cấp đổi chứng chỉ theo quy định tại Mẫu số 5 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này, kèm theo ảnh theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 39 của Nghị định này;

b) Bản khai kinh nghiệm (bản chính) thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ, thiết kế, thẩm định phê duyệt xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ (trong khoảng thời gian có hiệu lực của chứng chỉ xin cấp đổi); bản khai theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này.

3. Cá nhân có nhu cầu cấp đổi chứng chỉ nộp hồ sơ theo một trong các hình thức trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Cục Đường bộ Việt Nam. Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ;

b) Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông theo mẫu quy định tại khoản 1 Điều 39 của Nghị định này. Trường hợp không cấp chứng chỉ, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Chứng chỉ cấp đổi có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp đổi.

Điều 41. Cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

1. Trong thời hạn sử dụng của chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ, trừ các trường hợp bị thu hồi, thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ được cấp lại chứng chỉ khi chứng chỉ bị mất, bị hư hỏng.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ do cá nhân lập thành 01 bộ, bao gồm:

a) Đơn đề nghị (bản chính) cấp lại chứng chỉ theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này, kèm theo ảnh theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 39 của Nghị định này;

b) Chứng chỉ cũ (trường hợp bị hư hỏng).

3. Cá nhân có nhu cầu cấp lại chứng chỉ nộp hồ sơ theo một trong các hình thức trực tiếp, thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Cục Đường bộ Việt Nam. Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ;

b) Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông theo mẫu quy định tại khoản 1 Điều 39 của Nghị định này. Trường hợp không cấp lại chứng chỉ, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Chứng chỉ cấp lại có thời hạn theo thời hạn của chứng chỉ đã cấp.

Điều 42. Thu hồi giấy chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo, thu hồi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

1. Thu hồi giấy chấp thuận đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở kinh doanh đào tạo thực hiện đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ không theo chương trình khung ban hành theo quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này;

b) Cơ sở kinh doanh đào tạo công nhận kết quả thi cho người không tham dự khóa đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;

c) Trong thời gian 03 năm liên tục, cơ sở kinh doanh đào tạo không thực hiện đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

2. Thu hồi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị tẩy, xóa, sửa chữa nội dung chứng chỉ;

b) Cho thuê, mượn để sử dụng trái quy định;

c) Phát hiện có sự không trung thực (về điều kiện của học viên) trong hồ sơ đăng ký học của học viên;

d) Được cấp trong trường hợp cơ sở đào tạo vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, cấp chứng chỉ thực hiện:

a) Quyết định thu hồi giấy chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ và gửi đến: cơ sở kinh doanh đào tạo, cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý cơ sở kinh doanh đào tạo (nếu có) và được công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan cấp giấy chấp thuận;

b) Quyết định thu hồi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ và được gửi đến người bị thu hồi chứng chỉ, cơ sở kinh doanh đào tạo, cơ quan quản lý cá nhân bị thu hồi chứng chỉ (nếu có) và được công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan cấp chứng chỉ.

Điều 43. Chương trình và tài liệu đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

1. Chương trình đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ, bao gồm:

a) Chương trình và tài liệu giảng dạy bảo đảm cho học viên hiểu rõ được các quy định sau: quy định của Luật Đường bộ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, các quy định của Nghị định này, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về thiết kế công trình đường bộ, báo hiệu đường bộ, các văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức giao thông; trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ và chủ nhiệm thẩm tra an toàn giao thông đường bộ; trang bị kỹ năng nghiên cứu, phân tích tài liệu, tiến hành kiểm tra hiện trường và kỹ năng lập báo cáo thẩm tra an toàn giao thông;

b) Chương trình khung đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này.

2. Tài liệu đào tạo giảng dạy thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ bao gồm:

a) Tài liệu giảng dạy do cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ biên soạn;

b) Tài liệu giảng dạy phải bảo đảm các yêu cầu và nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 44. Tổ chức đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

1. Cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ thông báo tuyển sinh, yêu cầu đối với học viên, dự kiến kế hoạch, thời gian, địa điểm đào

tạo của khóa học, kinh phí và các thông tin càn thiết khác; tiếp nhận và rà soát hồ sơ; bảo đảm học viên đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 38 của Nghị định này.

2. Hồ sơ đăng ký học của học viên bao gồm:

a) Đơn đăng ký học thẩm tra viên an toàn giao thông (bản chính) theo quy định tại Mẫu số 08 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này;

b) 02 ảnh màu (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, hoặc hệ thống bưu điện), ảnh kiểu thẻ căn cước cỡ 4 cm x 6 cm được chụp trong thời gian không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Bản sao (có chứng thực) bằng tốt nghiệp đại học, hoặc sau đại học;

d) Bản khai kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đường bộ (bản chính), có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp học viên theo quy định tại Mẫu số 09 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này.

3. Tổ chức đào tạo

a) Cơ sở kinh doanh đào tạo lập kế hoạch đào tạo và danh sách học viên, thông báo cho Cục Đường bộ Việt Nam và học viên biết trước khi mở lớp tối thiểu 07 ngày làm việc;

b) Cơ sở kinh doanh đào tạo tiếp nhận học viên, bố trí lớp học (mỗi lớp không quá 45 học viên);

c) Cơ sở kinh doanh đào tạo tổ chức đào tạo theo chương trình khung và kế hoạch đào tạo đã thông báo.

4. Cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ thành lập Hội đồng thi có tối thiểu 05 người, bao gồm:

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng thi là lãnh đạo cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;

b) Ủy viên Hội đồng thi là cán bộ, giảng viên của cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ; số lượng ủy viên phụ thuộc vào số phòng thi (mỗi phòng thi có tối thiểu 02 cán bộ coi thi).

5. Nhiệm vụ của Hội đồng thi

a) Chịu toàn bộ trách nhiệm có liên quan đến quá trình tổ chức thi;

b) Tổ chức ra đề, bảo mật đề thi;

c) Kiểm tra, xác định danh sách học viên đủ điều kiện dự thi;

d) Tổ chức thi, bảo mật bài thi, số phách; chấm thi và báo cáo kết quả thi.

6. Điều kiện dự thi và công nhận kết quả thi

a) Học viên được dự thi khi tham dự trên 80% thời lượng của khóa học;

b) Học viên được công nhận kết quả thi đạt yêu cầu, khi có kết quả thi đạt từ 60/100 điểm trở lên.

7. Cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ ra quyết định công nhận kết quả thi.

Điều 45. Trách nhiệm của Cục Đường bộ Việt Nam, cơ sở kinh doanh đào tạo và người được cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

1. Trách nhiệm của Cục Đường bộ Việt Nam

a) Thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ đối với cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;

b) Lưu trữ việc chấp thuận, cấp lại, thu hồi giấy chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;

c) Công khai danh sách cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ trên Cổng thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam;

d) Lưu trữ việc cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;

đ) Công khai danh sách thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ được cấp chứng chỉ trên Cổng thông tin điện tử của Cục Đường bộ Việt Nam.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

a) Tổ chức thực hiện đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại Nghị định này;

b) Bố trí người phụ trách khóa học có kinh nghiệm trong việc tổ chức các khóa đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về các lĩnh vực giao thông vận tải; bố trí giảng viên có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác phù hợp với chuyên đề giảng dạy và bảo đảm đủ điều kiện;

c) Tổ chức thi và lập hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;

d) Duy trì, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy, học tập để nâng cao chất lượng đào tạo thẩm tra viên;

đ) Thu và sử dụng học phí đào tạo theo quy định hiện hành;

e) Lưu trữ, bảo quản hồ sơ học viên, lập, lưu giữ, bảo quản hồ sơ tài liệu liên quan đến công tác đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

g) Chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền;

h) Báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, về công tác đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ của năm trước.

3. Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

a) Bảo quản và sử dụng chứng chỉ đúng mục đích;

b) Thực hiện việc cấp đổi, cấp lại chứng chỉ đúng quy định;

c) Xuất trình chứng chỉ và chấp hành các yêu cầu về thanh tra, kiểm tra khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương VI
ĐƯỜNG CAO TỐC

Mục 1. MỞ RỘNG, NÂNG CẤP ĐƯỜNG CAO TỐC HOẶC ĐƯỜNG BỘ ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ ĐANG KHAI THÁC NÂNG CẤP THÀNH ĐƯỜNG CAO TỐC

Điều 46. Lập dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp đường cao tốc hoặc đường bộ đang khai thác nâng cấp thành đường cao tốc theo phương thức đối tác công tư [70]

Cơ quan ký kết hợp đồng thỏa thuận với nhà đầu tư hiện hữu đang thực hiện dự án (sau đây gọi là nhà đầu tư hiện hữu) về việc lập dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp đường cao tốc hoặc đường bộ đang khai thác nâng cấp thành đường cao tốc theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi chung là mở rộng, nâng cấp đường cao tốc) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Luật Đường bộ được thực hiện như sau:

1. Cơ quan ký kết hợp đồng thỏa thuận với nhà đầu tư hiện hữu sơ bộ các nội dung sau:

a) Nhà đầu tư hiện hữu cam kết phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan khi lập, thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp; trách nhiệm và nghĩa vụ của nhà đầu tư hiện hữu trong trường hợp không thực hiện đúng cam kết;

b) Nguyên tắc phân chia doanh thu giữa nhà đầu tư hiện hữu và nhà đầu tư sẽ được lựa chọn để thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp (sau đây gọi là nhà đầu tư mở rộng, nâng cấp);

c) Phân định rõ trách nhiệm giữa nhà đầu tư hiện hữu và nhà đầu tư mở rộng, nâng cấp trong quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì toàn bộ công trình sau khi được

[70] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

mở rộng, nâng cấp (bao gồm phần công trình hiện hữu và công trình đầu tư mở rộng, nâng cấp);

d) Các nội dung liên quan đến quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư hiện hữu, nhà đầu tư mở rộng, nâng cấp để bảo đảm tính liên tục của việc cung cấp dịch vụ công; các nội dung cần sửa đổi hợp đồng dự án do ảnh hưởng của việc thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp.

2. Trường hợp cơ quan ký kết hợp đồng và nhà đầu tư hiện hữu thống nhất thỏa thuận theo quy định tại khoản 1 Điều này, đơn vị chuẩn bị dự án lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (nếu có), báo cáo nghiên cứu khả thi dự án mở rộng, nâng cấp theo quy định pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, pháp luật xây dựng, bảo đảm:

a) Tính đồng bộ về kết cấu hạ tầng của dự án mở rộng, nâng cấp với kết cấu hạ tầng đường bộ hiện hữu;

b) Phương án tài chính dự án hiện hữu và dự án mở rộng, nâng cấp theo quy định của pháp luật, hợp đồng đã ký kết và kết quả đàm phán tại khoản 1 Điều này.

3. Việc lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư, công bố dự án (nếu có); lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án; lựa chọn nhà đầu tư; ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đối tác công tư thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

4. Trường hợp nhà đầu tư hiện hữu tham gia thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp thì thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

5. Nhà đầu tư hiện hữu và nhà đầu tư mở rộng, nâng cấp có trách nhiệm:

a) Phối hợp, bảo đảm sự đồng bộ, an toàn trong quá trình tổ chức thực hiện dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp và quản lý, vận hành, khai thác đường cao tốc theo các hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

b) Triển khai phương án phân chia doanh thu giữa dự án hiện hữu và dự án mở rộng, nâng cấp trên cơ sở phương án tài chính tại báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu dự án mở rộng, nâng cấp và hợp đồng dự án hiện hữu.

6. Trường hợp cơ quan ký kết hợp đồng không thỏa thuận được với nhà đầu tư hiện hữu đối với các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan ký kết hợp đồng thỏa thuận với nhà đầu tư về việc nhà đầu tư hiện hữu đề xuất điều chỉnh dự án hiện hữu theo quy định tại Điều 47 của Nghị định này.

Điều 47. Điều chỉnh dự án để mở rộng, nâng cấp đường cao tốc [71]

Cơ quan ký kết hợp đồng thỏa thuận nhà đầu tư hiện hữu đề xuất điều chỉnh dự án để mở rộng, nâng cấp đường cao tốc theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 Luật Đường bộ được thực hiện như sau:

1. Trường hợp thỏa thuận mở rộng, nâng cấp theo phương án nhà đầu tư hiện hữu đề xuất điều chỉnh dự án, nhà đầu tư hiện hữu tổ chức lập hồ sơ điều chỉnh dự án trình cấp có thẩm quyền xem xét. Việc điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án, phê duyệt thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán, chi phí của nhà đầu tư đề xuất thực hiện theo pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

2. Báo cáo thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi gồm nội dung đánh giá về năng lực tài chính của nhà đầu tư, bao gồm khả năng thu xếp vốn chủ sở hữu, khả năng huy động vốn vay, nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện phần mở rộng, nâng cấp. Nhà đầu tư chịu mọi chi phí, rủi ro trong trường hợp hồ sơ điều chỉnh dự án không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Căn cứ quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án, cơ quan ký kết hợp đồng tổ chức đàm phán, sửa đổi hợp đồng theo pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

4. Trường hợp thỏa thuận mở rộng, nâng cấp theo phương án điều chỉnh dự án theo khoản 1 Điều này không thành công, cơ quan ký kết hợp đồng thỏa thuận với nhà đầu tư về việc Nhà nước lập dự án mở rộng, nâng cấp đường cao tốc theo hình thức đầu tư công theo quy định tại Điều 48 của Nghị định này.

Điều 48. Mở rộng, nâng cấp đường cao tốc trong trường hợp lập dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp theo hình thức đầu tư công

Cơ quan ký kết hợp đồng thỏa thuận với nhà đầu tư hiện hữu về việc mở rộng, nâng cấp đường cao tốc theo hình thức đầu tư công theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Luật Đường bộ được thực hiện như sau:

1. Cơ quan ký kết hợp đồng thỏa thuận với nhà đầu tư hiện hữu sơ bộ các nội dung sau:

a) Nhà đầu tư hiện hữu cam kết phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp theo hình thức đầu tư công;

---

[71] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

b) Phương án để bảo đảm tính đồng bộ về kết cấu hạ tầng trong đầu tư xây dựng công trình; phương án tiếp nhận phần mở rộng, cải tạo, nâng cấp và quản lý, vận hành, bảo trì đồng bộ với dự án PPP sau khi được cơ quan có thẩm quyền bàn giao;

c) Các nội dung cần sửa đổi hợp đồng dự án do ảnh hưởng của việc thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp theo hình thức đầu tư công và nhà đầu tư hiện hữu tiếp nhận công trình đã đầu tư mở rộng, nâng cấp để quản lý, vận hành, bảo trì, khai thác.

2. Chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án mở rộng, nâng cấp theo quy định pháp luật đầu tư công, pháp luật xây dựng và các nội dung sau:

a) Yêu cầu về kỹ thuật để bảo đảm tính đồng bộ của dự án mở rộng, nâng cấp với dự án đường hiện hữu;

b) Nội dung khác liên quan đến việc thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp theo hình thức đau tư công theo kết quả đàm phán tại khoản 1 Điều này.

3. Việc lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định đầu tư; lựa chọn nhà thầu; triển khai thực hiện hợp đồng dự án thực hiện theo quy định pháp luật đầu tư công, pháp luật đấu thầu, pháp luật xây dựng.

4. Nhà đầu tư hiện hữu và nhà thầu mở rộng, nâng cấp có trách nhiệm phối hợp trong quá trình tổ chức thực hiện đầu tư mở rộng, nâng cấp. Sau khi dự án mở rộng, nâng cấp đường cao tốc hoàn thành, chủ đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền tổ chức bàn giao công trình cho nhà đầu tư hiện hữu để thực hiện quản lý, bảo trì theo hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

5. Cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư hiện hữu tổ chức ký kết phụ lục hợp đồng dự án, cập nhật phương án tài chính theo quy định pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, trong đó:

a) Dự kiến doanh thu dự án hiện hữu khi thực hiện mở rộng, nâng cấp;

b) Điều chỉnh chi phí quản lý, vận hành, bảo trì công trình sau khi mở rộng, nâng cấp;

c) Mức giá, phí, thời gian thực hiện hợp đồng được điều chỉnh căn cứ doanh thu, chi phí và các nội dung khác của phương án tài chính;

d) Các nội dung cần thiết khác cần sửa đổi do ảnh hưởng của việc mở rộng, nâng cấp đường cao tốc.

6. Nhà đầu tư hiện hữu quản lý, vận hành, kinh doanh toàn bộ công trình dự án, bao gồm phần công trình hiện hữu và phần mở rộng, nâng cấp theo hợp đồng dự án sau khi sửa đổi hợp đồng. Việc thu phí được thực hiện trên toàn bộ phạm vi dự án bao gồm cả công trình hiện hữu và công trình mở rộng, nâng cấp theo phụ lục hợp đồng ký kết tại khoản 5 Điều này.

7. Nhà thầu thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp đường cao tốc theo hình thức đầu tư công có nghĩa vụ thực hiện bảo hành công trình theo quy định pháp luật về xây dựng, pháp luật khác có liên quan.

Điều 49. Xử lý trong trường hợp không thỏa thuận được với nhà đầu tư về việc mơ rộng, nâng cấp

Trường hợp không thỏa thuận được với nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 48 Luật Đường bộ, cơ quan ký kết hợp đồng báo cáo cơ quan có thẩm quyền chấm dứt hợp đồng theo quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với trường hợp chấm dứt hợp đồng vì lợi ích quốc gia, bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh quốc gia và thực hiện theo quy định của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP quy định chi tiết là hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Mục 2. ĐẦU TƯ TRẠM DỪNG NGHỈ THUỘC CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC

Điều 50. Đầu tư trạm dừng nghỉ đối với dự án đường cao tốc đầu tư công

1. Căn cứ nội dung về vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ tại quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc, cơ quan có thẩm quyền tổ chức lựa chọn nhà đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ theo quy định pháp luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất.

2. Trường hợp lựa chọn được nhà đầu tư trạm dừng nghỉ theo quy định pháp luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất không thành công, cơ quan có thẩm quyền tổ chức đầu tư trạm dừng nghỉ trong dự án đường cao tốc theo hình thức đầu tư công.

3. Việc tổ chức lựa chọn đơn vị vận hành, khai thác hoặc nâng cấp, mở rộng, cải tạo, hiện đại hóa, vận hành, khai thác trạm dừng nghỉ do Nhà nước đầu tư tại khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 52 của Nghị định này. Trong thời gian chưa lựa chọn được đơn vị vận hành, khai thác trạm dừng nghỉ, việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì công trình trạm dừng nghỉ do cơ quan quản lý đường bộ tổ chức thực hiện.

Điều 51. Đầu tư trạm dừng nghỉ đối với dự án đường cao tốc đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Trạm dừng nghỉ là một hạng mục của dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc đầu tư theo phương thức đối tác công tư và được xác định trong dự án như sau:

a) Tổng mức đầu tư dự án đường cao tốc bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng trạm dừng nghỉ nhưng không bao gồm chi phí đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ. Nhà đầu tư không được hoàn vốn chi phí đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ;

b) Phương án tài chính tại báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, hồ sơ mời thầu dự án đường cao tốc không bao gồm doanh thu và chi phí đầu tư xây dựng, vận hành, khai thác trạm dừng nghỉ.

2. Nội dung về trạm dừng nghỉ trong hồ sơ mời thầu dự án đường cao tốc bao gồm:

a) Yêu cầu về kỹ thuật trong đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ, đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ;

b) Yêu cầu nhà đầu tư dự tính giá trị kinh doanh trạm dừng nghỉ để giảm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công hoặc giảm vốn Nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hoặc tăng lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước trong hồ sơ dự thầu, tùy theo tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu;

c) Nguyên tắc quyết toán vốn đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ;

d) Nguyên tắc bàn giao hạng mục trạm dừng nghỉ.

3. Nội dung về trạm dừng nghỉ trong hồ sơ dự thầu dự án đường cao tốc bao gồm:

a) Thuyết minh phương án đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, kinh doanh trạm dừng nghỉ;

b) Đề xuất giảm giá, phí sản phẩm, dịch vụ công hoặc giảm vốn góp Nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hoặc tăng lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước trên cơ sở tổng hợp kết quả tính toán phương án tài chính và giá trị kinh doanh trạm dừng nghỉ theo yêu cầu tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Phương án tài chính tại hồ sơ dự thầu không bao gồm doanh thu và chi phí đầu tư xây dựng, vận hành, khai thác trạm dừng nghỉ.

3b.[72] Trường hợp dự án đường cao tốc áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư, nhà đầu tư phải đề xuất giá trị nhận nhượng quyền kinh doanh trạm dừng nghỉ (nếu có) trong quá trình đàm phán, hoàn thiện hợp đồng theo nguyên tắc sau:

[72] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 79 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2025.

a) Giá trị nhận nhượng quyền kinh doanh trạm dừng nghỉ được tính bằng trung bình giá trị nộp ngân sách nhà nước theo quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư của 03 dự án tương tự với dự án đang xét theo tỷ lệ thời gian khai thác và quy mô công trình trạm dừng nghỉ. Dự án tương tự là dự án: được thực hiện trên cùng địa bàn đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc các tỉnh lân cận, có kết quả lựa chọn nhà đầu tư trong 02 năm trước ngày phê duyệt dự án; trường hợp không có dự án được thực hiện trên cùng địa bàn nêu trên thì tham khảo dự án tại địa điểm gần địa điểm thực hiện dự án nhất, thời gian tham chiếu do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

b) Giá trị nhận nhượng quyền quy định tại điểm a khoản này được thực hiện theo hình thức nộp tiền một lần vào ngân sách nhà nước hoặc cập nhật phương án tài chính để giảm trừ thời gian thu phí.

4. Trường hợp hợp đồng dự án đường cao tốc đầu tư theo phương thức đối tác công tư áp dụng điều chỉnh thời hạn hợp đồng do tăng, giảm doanh thu theo Điều 51 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu theo Điều 82 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư thì doanh thu làm cơ sở thực hiện các điều khoản trên không bao gồm doanh thu từ trạm dừng nghỉ.

5. Sau khi kết thúc hợp đồng dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nhà đầu tư chuyển giao toàn bộ tài sản được đầu tư, bao gồm hạng mục trạm dừng nghỉ cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 52. Lựa chọn nhà đầu tư vận hành, khai thác hoặc nâng cấp, mở rộng, cải tạo, hiện đại hóa, vận hành, khai thác trạm dừng nghỉ sẵn có là tài sản công

1. Việc lựa chọn nhà đầu tư vận hành, khai thác hoặc nâng cấp, mở rộng, cải tạo, hiện đại hóa, vận hành, khai thác trạm dừng nghỉ sẵn có là tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công hoặc kết hợp thực hiện trong dự án đường bộ cao tốc theo phương thức đối tác công tư căn cứ như sau:

a) Hiện trạng, hình thức, phương thức quản lý tài sản;

b) Nhu cầu nâng cấp, mở rộng, cải tạo, hiện đại hóa, vận hành, khai thác;

c) Thời gian, yêu cầu của dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong trường hợp kết hợp thực hiện trong dự án đường bộ cao tốc theo phương thức đối tác công tư.

2. Nhà đầu tư trạm dừng nghỉ có trách nhiệm vận hành, khai thác hoặc nâng cấp, mở rộng, cải tạo, hiện đại hóa, vận hành, khai thác trạm dừng nghỉ theo quy định pháp luật và hợp đồng ký kết với cơ quan có thẩm quyền.

Điều 52a. Đầu tư mở rộng trạm dừng nghỉ đã ký hợp đồng kinh doanh, khai thác [73]

1. Việc đầu tư mở rộng trạm dừng nghỉ nhằm hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của người và phương tiện tham gia giao thông.

2. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức xác định sơ bộ nhu cầu và đàm phán với nhà đầu tư, doanh nghiệp đang đầu tư, khai thác trạm dừng nghỉ về phương án đầu tư mở rộng trạm dừng nghỉ. Trường hợp nhà đầu tư, doanh nghiệp đang đầu tư, khai thác trạm dừng nghỉ thực hiện mở rộng trạm dừng nghỉ thì phải nộp giá trị nhận nhượng quyền kinh doanh xác định theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 56 Nghị định này bằng hình thức nộp tiền một lần vào ngân sách nhà nước.

3. Đối với dự án đường cao tốc đầu tư theo phương thức PPP, trường hợp cơ quan có thẩm quyền đàm phán với nhà đầu tư, doanh nghiệp đang đầu tư, khai thác trạm dừng nghỉ theo quy định tại khoản 2 Điều này không thành công, cơ quan có thẩm quyền tổ chức đàm phán với nhà đầu tư dự án đường cao tốc theo phương thức PPP (nếu có) về phương án đầu tư, kinh doanh đối với phần mở rộng trạm dừng nghỉ. Việc xác định quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư PPP đối với phần mở rộng trạm dừng nghỉ thực hiện theo điểm a khoản 3 Điều 56 Nghị định này. Thời hạn khai thác phần mở rộng trạm dừng nghỉ được xác định bảo đảm đồng bộ với thời hạn hợp đồng dự án đường cao tốc theo phương thức PPP.

4. Trường hợp đàm phán theo khoản 2, khoản 3 Điều này không thành công, cơ quan có thẩm quyền tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện đầu tư, kinh doanh đối với phần mở rộng trạm dừng nghỉ theo quy định của pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất. Nhà đầu tư, doanh nghiệp đang đầu tư, khai thác trạm dừng nghỉ và nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện đầu tư, kinh doanh đối với phần mở rộng trạm dừng nghỉ và nhà đầu tư dự án đường cao tốc theo phương thức PPP (nếu có) có trách nhiệm phối hợp, bảo đảm khai thác đồng bộ, an toàn đối với đường cao tốc và trạm dừng nghỉ.

5. Trình tự thủ tục đầu tư mở rộng trạm dừng nghỉ thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

---

[73] Điều này được bổ sung theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Mục 3. QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC VÀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC

Điều 53. Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường cao tốc

Việc tổ chức quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường cao tốc theo quy định tại Điều 49 Luật Đường bộ, quy định tại Nghị định này và các quy định sau:

1. Đơn vị khai thác, bảo trì thực hiện công tác tuần đường để tuần tra, kiểm tra và theo dõi tổ chức giao thông, tai nạn giao thông, tình trạng công trình đường cao tốc; ứng dụng giao thông thông minh quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường cao tốc phát hiện kịp thời hư hỏng hoặc các hành vi xâm phạm công trình đường cao tốc, các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép đất của đường cao tốc, hành lang an toàn đường cao tốc để xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý.

2. Người quản lý, sử dụng đường cao tốc thực hiện tuần kiểm để kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của tuần đường; kiểm tra, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường cao tốc, xử lý theo thẩm quyền hoặc phối hợp xử lý các hành vi vi phạm kết cấu hạ tầng đường cao tốc; tham gia cứu nạn, cứu hộ, xử lý giải quyết sự cố trên đường cao tốc.

3. Các hạng mục công trình và thiết bị phải có quy trình vận hành khai thác như sau:

a) Công trình hầm trên đường cao tốc có sử dụng các thiết bị thông gió, lọc bụi, kiểm soát môi trường, phòng cháy, chữa cháy, hệ thống điện và các thiết bị khác phục vụ khai thác, sử dụng;

b) Trung tâm quản lý, điều hành giao thông tuyến;

c) Công trình kiểm soát tải trọng xe;

d) Các hạng mục, thiết bị khác do chủ đầu tư, người quản lý, sử dụng đường cao tốc quyết định.

4. Đối với trường hợp đường cao tốc phân kỳ đầu tư được giải phóng mặt bằng theo quy mô làn xe quy hoạch, việc quản lý phần đất chưa xây dựng công trình như sau:

a) Chủ đầu tư xây dựng có trách nhiệm quản lý, bảo vệ phần đất đã giải phóng mặt bằng trong giai đoạn đầu tư xây dựng; bàn giao phần đất đã giải phóng mặt bằng cho người quản lý, sử dụng đường cao tốc sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng;

b) Người quản lý, sử dụng đường cao tốc có trách nhiệm quản lý phần đất đã giải phóng mặt bằng.

Điều 54. Bảo trì công trình đường cao tốc

1. Công tác bảo trì công trình đường cao tốc thực hiện theo quy định của pháp luật về đường bộ, pháp luật về xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì công trình. Đối với các hạng mục liên quan đến an toàn xe chạy, các công trình cầu, hầm đường bộ và các công trình, thiết bị liên quan đến an toàn trong vận hành, khai thác phải được kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ; sửa chữa, khắc phục kịp thời.

2. Trước khi hết thời hạn khai thác, sử dụng các bộ phận, hạng mục công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường cao tốc, báo hiệu đường bộ, thiết bị lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường cao tốc hoặc đã khai thác, sử dụng quá số lần, tần suất quy định của nhà sản xuất, người quản lý, sử dụng đường cao tốc phải tổ chức thực hiện kiểm tra, kiểm định xác định lại chất lượng và tình trạng công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình và xử lý như sau:

a) Trường hợp bảo đảm chất lượng và an toàn thì được tiếp tục sử dụng;

b) Trường hợp không bảo đảm chất lượng và an toàn thì phải có phương án sửa chữa, thay thế.

Mục 4. LỘ TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH THUỘC KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG CAO TỐC

Điều 55. Lộ trình đầu tư xây dựng đối với đường cao tốc chưa đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo khoản 1 Điều 45 Luật Đường bộ, đường gom, đường bên, Trung tâm quản lý, điều hành giao thông tuyến đường cao tốc, công trình kiểm soát tải trọng xe, hệ thống thu phí điện tử không dừng

1. Đối với công trình đường cao tốc chưa đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo khoản 1 Điều 45 Luật Đường bộ

a) Đối với dự án đường bộ cao tốc đầu tư theo hình thức đầu tư công và đường cao tốc do doanh nghiệp nhà nước đầu tư: căn cứ nhu cầu, chủ đầu tư hoặc người quản lý, sử dụng đường cao tốc báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí vốn để tổ chức đầu tư đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

b) Đối với dự án đường bộ cao tốc đầu tư theo phương thức đối tác công tư: căn cứ nhu cầu, cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện theo Điều 48 Luật Đường bộ và quy định tại Nghị định này.

2. Đối với đường gom, đường bên: cơ quan, đơn vị tại khoản 4 Điều 30 Luật Đường bộ tổ chức xây dựng đường gom, đường bên kết nối với đường chính căn cứ nhu cầu, thời điểm kết nối với đường chính theo quy định pháp luật.

3. Đối với Trung tâm quản lý, điều hành giao thông tuyến đường cao tốc, công trình kiểm soát tải trọng xe

a) Đối với dự án đường bộ cao tốc đầu tư theo hình thức đầu tư công và đường cao tốc do doanh nghiệp nhà nước đầu tư: trường hợp dự án cân đối được nguồn vốn để đầu tư các hạng mục trên thì tổ chức thực hiện đầu tư trước ngày 31 tháng 12 năm 2027. Trường hợp dự án không cân đối được nguồn vốn để đầu tư, chủ đầu tư hoặc người quản lý, sử dụng đường cao tốc báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí vốn đầu tư để đầu tư, bảo đảm khai thác an toàn;

b) Đối với dự án đường bộ cao tốc đầu tư theo phương thức đối tác công tư: cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư thỏa thuận về việc bổ sung hạng mục Trung tâm quản lý, điều hành giao thông tuyến đường cao tốc, công trình kiểm soát tải trọng xe, tổ chức thực hiện đầu tư trước ngày 31 tháng 12 năm 2027.

4. Đối với hệ thống thu phí điện tử không dừng

a) Đối với dự án đường bộ cao tốc do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và trực tiếp quản lý, khai thác phải hoàn thiện hệ thống thu phí điện tử không dừng trước khi thu phí;

b) Đối với dự án đường bộ cao tốc đầu tư theo phương thức đối tác công tư, việc thanh toán tiền sử dụng đường bộ phải thực hiện theo hình thức điện tử không dừng.

Điều 56. Lộ trình đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ đã xác định hình thức đầu tư thì tiếp tục thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc đã đưa vào khai thác nhưng chưa xác định hình thức đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xác định hình thức đầu tư trước ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tổ chức triển khai theo quy định pháp luật.

3.[74] Đối với dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc theo phương thức đối tác công tư chưa xác định hình thức đầu tư trạm dừng nghỉ hoặc đã xác định hình thức đầu tư trạm dừng nghỉ nhưng chưa quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ nhà đầu tư,

[74] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư PPP có trách nhiệm thỏa thuận, thống nhất phương án đầu tư xây dựng theo một trong các phương án sau đây:

a) Nhà đầu tư PPP đầu tư xây dựng, vận hành khai thác trạm dừng nghỉ trong dự án PPP, bảo đảm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia đối với trạm dừng nghỉ. Trường hợp phương án tài chính dự án đối tác công tư chưa tính toán chi phí, doanh thu trạm dừng nghỉ thì thực hiện như sau:

Chi phí đầu tư xây dựng không được tính vào phương án tài chính. Giá trị nhận nhượng quyền kinh doanh trạm dừng nghỉ được tính bằng trung bình giá trị nộp ngân sách nhà nước theo quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư của 03 dự án tương tự với dự án đang xét theo tỷ lệ thời gian khai thác và quy mô công trình trạm dừng nghỉ. Dự án tương tự là dự án: được thực hiện trên cùng địa bàn đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc các tỉnh lân cận, có kết quả lựa chọn nhà đầu tư trong 02 năm trước ngày đàm phán phụ lục hợp đồng; trường hợp không có dự án được thực hiện trên cùng địa bàn nêu trên thì tham khảo dự án tại địa điểm gần địa điểm thực hiện dự án nhất, thời gian tham chiếu do cơ quan ký kết hợp đồng xem xét, quyết định cụ thể.

Nhà đầu tư nộp giá trị nhận nhượng quyền theo hình thức nộp tiền một lần vào ngân sách nhà nước hoặc điều chỉnh hợp đồng, giảm trừ thời gian thu phí;

b) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức lựa chọn nhà đầu tư trạm dừng nghỉ theo pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất. Nhà đầu tư trạm dừng nghỉ được lựa chọn có trách nhiệm hoàn trả các chi phí nhà đầu tư dự án đường cao tốc đã thực hiện đối với hạng mục trạm dừng nghỉ (nếu có). Nhà đầu tư dự án đường cao tốc PPP có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền, nhà đầu tư trạm dừng nghỉ được lựa chọn, bảo đảm khai thác đường cao tốc và trạm dừng nghỉ đồng bộ, an toàn.

Chương VII
CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐƯỜNG BỘ

Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 57. Thông tin trong cơ sở dữ liệu đường bộ

1. Cơ sở dữ liệu về quy hoạch mạng lưới đường bộ, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ

a) Cơ sở dữ liệu về quy hoạch mạng lưới đường bộ bao gồm các thông tin: danh mục các tuyến đường; tên, số hiệu tuyến đường; điểm đầu, điểm cuối; chiều

dài dự kiến; quy mô. Đối với đường cao tốc ngoài các thông tin trên phải có thông tin tiến trình đầu tư;

b) Cơ sở dữ liệu về quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ bao gồm các thông tin: hướng tuyến cơ bản, các điểm khống chế chính, chiều dài, quy mô tuyến đường bộ qua từng tỉnh; xác định nhu cầu sử dụng đất, nhu cầu vốn đầu tư, lộ trình thực hiện quy hoạch.

2. Cơ sở dữ liệu về tình hình đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng đường bộ gồm các thông tin theo quy định tại Phụ lục IX kèm theo Nghị định này.

3. Cơ sở dữ liệu về kết cấu hạ tầng đường bộ đã đưa vào khai thác, sử dụng gồm các thông tin theo quy định tại Phụ lục X kèm theo Nghị định này.

4. Cơ sở dữ liệu thanh toán điện tử giao thông đường bộ bao gồm các thông tin theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 119/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán điện tử giao thông đường bộ.

5. Cơ sở dữ liệu về hoạt động vận tải bằng xe ô tô

a) Thông tin về phương tiện: biển số xe; loại xe; sức chứa; chủ sở hữu hoặc người có quyền sử dụng;

b) Thông tin về đơn vị kinh doanh vận tải: mã số thuế; Sở Giao thông vận tải quản lý; loại hình kinh doanh vận tải; người đại diện trước pháp luật; các phương tiện kinh doanh vận tải quản lý;

c) Thông tin quản lý phù hiệu: loại biển hiệu; biển kiểm soát; đơn vị cấp; thời gian cấp; hiệu lực các thông tin liên quan đến thu hồi; tước phù hiệu;

d) Thông tin quản lý vận tải qua biên giới: biển kiểm soát; đơn vị vận tải; loại hình vận tải; loại giấy phép; số giấy phép; thời gian cấp giấy phép; hiệu lực giấy phép; thông tin tuyến đường, cửa khẩu được phép lưu thông.

Điều 58. Nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì cơ sở dữ liệu đường bộ

1. Cơ sở dữ liệu đường bộ được xây dựng, quản lý tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương.

2. Cơ sở dữ liệu đường bộ được cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác; duy trì hoạt động liên tục, ổn định, thông suốt đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật.

3. Cơ sở dữ liệu đường bộ được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin.

4.[75] Việc xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu đường bộ tuân thủ các quy định của Luật Đường bộ, Luật Công nghệ thông tin, Luật An ninh mạng, Luật Giao dịch điện tử; quy định pháp luật về Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và Khung kiến trúc chính phủ số Việt Nam; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; quy định về bảo đảm, bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5.[76] Bộ Xây dựng là cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu đường bộ, chủ trì xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đường bộ, tổ chức thực hiện và hướng dẫn thực hiện việc duy trì, cập nhật, khai thác, sử dụng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đường bộ.

6. Kinh phí cho việc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì cơ sở dữ liệu đường bộ do ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán ngân sách nhà nước giao cho Bộ Xây dựng[77] và các địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Mục 2. XÂY DỰNG, CẬP NHẬT, KHAI THÁC, SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐƯỜNG BỘ

Điều 59. Xây dựng cơ sở dữ liệu đường bộ

1. Xây dựng Cơ sở dữ liệu đường bộ bao gồm các hoạt động:

a) Bảo đảm cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thông tin;

b) Thiết kế, tổ chức cơ sở dữ liệu;

c) Triển khai, nâng cấp, phát triển, mở rộng các hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu;

d) Thu thập, chuẩn hóa, nhập dữ liệu;

đ) Lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho cơ sở dữ liệu; có giải pháp bảo đảm tính toàn vẹn, chống chối bỏ của dữ liệu;

e) Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, tổ chức bộ máy nhân sự, vận hành, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu;

g) Vận hành, hiệu chỉnh cơ sở dữ liệu;

h) Các hoạt động khác theo quy định pháp luật.

2. Thiết kế cấu trúc hệ thống của cơ sở dữ liệu đường bộ phải đáp ứng chuẩn về cơ sở dữ liệu và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ thông tin và định

---

[75] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[76] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[77] Cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Xây dựng" theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

mức kinh tế - kỹ thuật; có tính tương thích, khả năng tích hợp, chia sẻ thông tin và khả năng mở rộng các trường dữ liệu trong thiết kế hệ thống và phần mềm ứng dụng; bảo đảm việc mở rộng, nâng cấp, phát triển; bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương.

Điều 60. Thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin trong cơ sở dữ liệu đường bộ

1. Thông tin quy định tại khoản 1 Điều 57 của Nghị định này được trích, chọn và đồng bộ hóa từ cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Xây dựng[78], Bộ Tài chính[79] .

2. Thông tin quy định tại khoản 2 Điều 57 của Nghị định này được trích, chọn và đồng bộ hóa từ cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Xây dựng[80], Bộ Tài chính[81] và các địa phương.

3. Thông tin quy định tại khoản 3 Điều 57 của Nghị định này được trích, chọn và đồng bộ hóa từ cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Xây dựng[82] và các địa phương.

4. Thông tin quy định tại khoản 4 Điều 57 của Nghị định này được trích, chọn và đồng bộ hóa từ cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Xây dựng[83], Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, nhà cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử giao thông đường bộ và các địa phương.

5. Thông tin quy định tại khoản 5 Điều 57 của Nghị định này được trích, chọn và đồng bộ hóa từ cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Xây dựng[84], Bộ Công an và các Sở Xây dựng[85].

6. Thông tin trong cơ sở dữ liệu đường bộ được cập nhật, điều chỉnh từ các nguồn sau:

---

[78] Cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Xây dựng" theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[79] Cụm từ "Bộ Kế hoạch và Đầu tư" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Tài chính" theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026

[80] Cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Xây dựng" theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[81] Cụm từ "Bộ Kế hoạch và Đầu tư" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Tài chính" theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[82] Cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Xây dựng" theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[83] Cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Xây dựng" theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[84] Cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Xây dựng" theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[85] Cụm từ "Sở Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Sở Xây dựng" theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

a) Kết quả của quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, chuyên ngành; quá trình thực hiện công tác quản lý, bảo trì, vận hành, khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ;

b) Đề xuất sửa đổi, bổ sung của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thay đổi hoặc phát hiện các thông tin trong cơ sở dữ liệu đường bộ chưa đầy đủ, chính xác;

c) Từ các cơ sở dữ liệu khác có liên quan khi có thay đổi.

7. Cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu đường bộ và cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh các thông tin tại khoản 6 Điều này.

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh các thông tin trong cơ sở dữ liệu đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

Điều 61. Khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu đường bộ

1. Các hình thức khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu đường bộ gồm:

a) Qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu theo Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số;

b) Qua kết nối chia sẻ dữ liệu trực tiếp giữa các cơ sở dữ liệu chưa có nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu;

c) Qua Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng[86];

d) Thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu.

2. Đối tượng khai thác và sử dụng

a) Cơ quan tham gia xây dựng, thu thập, cập nhật thông tin và duy trì cơ sở dữ liệu đường bộ được quyền khai thác dữ liệu đường bộ thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình;

b) Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội hoạt động trong lĩnh vực đường bộ theo chức năng, nhiệm vụ khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ các hoạt động quản lý nhà nước theo thẩm quyền;

c) Cơ quan, tổ chức và cá nhân được phép khai thác và sử dụng thông tin của mình theo quy định pháp luật về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và bảo vệ thông tin cá nhân, dữ liệu cá nhân;

d) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân thực hiện khai thác và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu đường bộ theo quy chế và sử dụng của từng cơ sở dữ liệu trong cơ sở dữ liệu đường bộ do cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu ban hành.

Điều 62. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

---

[86] Cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Xây dựng" theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

1. Việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa cơ sở dữ liệu đường bộ và các cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác thực hiện thông qua các dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

2. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu đường bộ với các cơ sở dữ liệu khác của bộ, ngành, địa phương được thực hiện mặc định theo quy định pháp luật về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, trên cơ sở thống nhất giữa Bộ Xây dựng[87] với cơ quan chủ quản về phạm vi, hình thức, cấu trúc dữ liệu kết nối, trách nhiệm của các bên trong việc bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 63. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân quản lý cơ sở dữ liệu đường bộ

1. Tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan về quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu đường bộ.

2. Không cung cấp cho bên thứ ba dữ liệu do cơ quan có thẩm quyền cung cấp cho mình để khai thác, sử dụng, trừ trường hợp được cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu đường bộ có thẩm quyền đồng ý.

3. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý dữ liệu về những sai sót của dữ liệu đã cung cấp.

Chương VIII
HỆ THỐNG QUẢN LÝ GIAO THÔNG THÔNG MINH

Điều 64. Quy định chung về hệ thống quản lý giao thông thông minh

1. Hệ thống quản lý giao thông thông minh cung cấp các dịch vụ giao thông thông minh sau:

a) Quản lý, giám sát, điều hành giao thông đường bộ;

b) Thanh toán điện tử giao thông đường bộ;

c) Quản lý phương tiện vận tải;

d) Cung cấp thông tin giao thông;

đ)[88] An toàn giao thông và ứng cứu khẩn cấp;

e)[89] Quản lý bãi đỗ xe thông minh;

g)[90] Giao thông công cộng thông minh;

---

[87] Cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Xây dựng" theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[88] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[89] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[90] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

h)[91] Quản lý hạ tầng giao thông.

2.[92] Hệ thống quản lý giao thông thông minh bao gồm các cấu thành sau:

a) Hệ thống quản lý, điều hành giao thông đường cao tốc, đường bộ khác bao gồm: các Trung tâm quản lý, điều hành giao thông tuyến đường cao tốc, đường bộ khác; hệ thống kết nối các Trung tâm này;

b) Hệ thống thanh toán điện tử giao thông;

c) Hệ thống quản lý, điều hành giao thông đô thị, bao gồm: hệ thống vận hành, khai thác, sử dụng đèn tín hiệu giao thông đường bộ, hệ thống camera trên tuyến giao thông đô thị; các hạng mục công trình, thiết bị khác thuộc hệ thống quản lý, điều hành giao thông đô thị;

d) Hệ thống quản lý vận tải đường bộ, bao gồm hệ thống quản lý vận tải bằng xe ô tô, công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ;

đ) Hệ thống giám sát và quản lý cơ sở dữ liệu về an toàn giao thông đường bộ;

e) Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đường bộ;

g) Trung tâm quản lý hệ thống giao thông thông minh;

h) Hệ thống hỗ trợ vận hành an toàn và cứu nạn, cứu hộ giao thông đường bộ;

i) Hệ thống quản lý, điều hành bãi đỗ xe thông minh;

k) Hệ thống giao thông công cộng thông minh;

l) Hệ thống quản lý, bảo trì thông minh kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

m) Hệ thống phân tích, dự báo giao thông đường bộ.

3.[93] Trung tâm quản lý hệ thống giao thông thông minh quản lý tập trung cơ sở dữ liệu đường bộ, có chức năng điều phối giao thông liên vùng trên phạm vi vùng, quốc gia; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu và tiếp nhận dữ liệu của Trung tâm Chỉ huy giao thông, Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh cấp tỉnh, thành phố và các hệ thống chuyên ngành khác.

4. Hệ thống thanh toán điện tử giao thông được thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 119/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán điện tử giao thông đường bộ.

---

[91] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[92] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[93] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

5. Công trình kiểm soát tải trọng xe được thực hiện theo khoản 4, khoản 5 Điều 39 Luật Đường bộ.

6. Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đường bộ được thực hiện theo các quy định tại Nghị định này.

Điều 65. Nguyên tắc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng hệ thống quản lý giao thông thông minh

1. Việc xây dựng, quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống quản lý giao thông thông minh phải tuân thủ đúng quy trình, quy tắc, bảo đảm hoạt động liên tục và kết nối giữa các cấu thành hệ thống quản lý giao thông thông minh.

2. Hệ thống quản lý giao thông thông minh được xây dựng theo các nguyên tắc sau:

a) Có khả năng tích hợp, lưu trữ, phân tích dữ liệu phục vụ quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

b) Hỗ trợ hoạt động vận tải, thanh toán điện tử giao thông đường bộ;

c) Cung cấp các dịch vụ giao thông thông minh;

d) Bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với trung tâm chỉ huy giao thông và cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Việc quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng hệ thống quản lý giao thông thông minh theo các nguyên tắc sau:

a) Các cấu thành hệ thống quản lý giao thông thông minh được quản lý, vận hành, khai thác sử dụng theo các quy định về công nghệ thông tin, quản lý dữ liệu trên môi trường mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo đảm an toàn thông tin của pháp luật;

b) Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đường bộ và đáp ứng yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh;

c) Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khách quan;

d) Bảo đảm tính khoa học, thuận tiện cho khai thác và sử dụng;

đ) Bảo đảm tính cập nhật, đầy đủ và có hệ thống;

e) Sử dụng dữ liệu đúng mục đích.

Điều 66. Hệ thống quản lý, điều hành giao thông đường cao tốc

1. Hệ thống quản lý, điều hành đường cao tốc được thiết lập để hỗ trợ công tác quản lý, giám sát điều hành giao thông, vận hành khai thác và bảo trì các đoạn tuyến đường cao tốc khi đưa vào khai thác. Hệ thống có chức năng thu thập, xử lý, quyết định và truyền đạt thông tin, mệnh lệnh điều khiển tới các bộ phận quản lý và người tham gia giao thông nhằm nắm bắt kịp thời trạng thái vận hành, phối hợp xử

lý bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả vận hành đường cao tốc thông qua Trung tâm quản lý, điều hành giao thông tuyến đường cao tốc.

2. Trung tâm quản lý, điều hành giao thông tuyến đường cao tốc thực hiện theo quy định tại Điều 53 Luật Đường bộ.

Chương IX
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 67. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 Nghị định số 56/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch như sau:

"1. Nội dung chủ yếu của quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ, quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước, quy hoạch vùng đất, vùng nước cảng biển, quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn, quy hoạch tuyến đường sắt, ga đường sắt thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1, khoản 6, khoản 10 Điều 2, khoản 2 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư như sau:

"1. Phương án tài chính của dự án PPP phải phản ánh đầy đủ các khoản chi phí và nguồn thu hợp pháp theo quy định trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện và vận hành của dự án PPP, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.".

3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư như sau:

a) Sửa đổi Mục V.1 Phần D Mẫu số 01 Phụ lục II như sau:

"- Doanh thu: xác định doanh thu của dự án qua từng năm (doanh thu ở mức căn bản, doanh thu ở mức tối đa và doanh thu ở mức tối thiểu) trên cơ sở các nội dung về dự báo nhu cầu; giá, phí sản phẩm, dịch vụ và các khoản thu khác của dự án (xem xét cơ sở pháp lý để xác định giá, phí; dự kiến lộ trình tăng giá, phí), trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.".

b) Sửa đổi Mục V.1 Phần D Mẫu số 01 Phụ lục III như sau:

"- Doanh thu: xác định doanh thu của dự án qua từng năm (doanh thu ở mức căn bản, doanh thu ở mức tối đa và doanh thu ở mức tối thiểu) trên cơ sở các nội

dung về dự báo nhu cầu; giá, phí sản phẩm, dịch vụ và các khoản thu khác của dự án (xem xét cơ sở pháp lý để xác định giá, phí; dự kiến lộ trình tăng giá, phí), trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.".

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 4 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất như sau:

"d) Dự án đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ theo quy định của pháp luật về đường bộ, trừ trường hợp trạm dừng nghỉ được đầu tư xây dựng cùng với dự án theo phương thức đối tác công tư hoặc Nhà nước lựa chọn nhà đầu tư vận hành, khai thác hoặc nâng cấp, cải tạo, mở rộng, hiện đại hóa vận hành, khai thác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công hoặc kết hợp thực hiện trong dự án đường bộ cao tốc theo phương thức đối tác công tư.".

Điều 68. Hiệu lực thi hành[94]

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Nghị định này thay thế các Nghị định sau:

Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-

---

[94] Khoản 1 Điều 81 Nghị định 243/2025/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2025, quy định như sau:

"*1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.*"

Điều 26 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, quy định như sau:

"Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Bãi bỏ các khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 23 của Nghị định số 140/2025/NĐ-CP".

CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Nghị định số 01/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

Nghị định số 25/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2014/NĐ-CP.

4. Bãi bỏ Điều 1 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ.

Điều 69. Quy định chuyển tiếp[95]

1. Đối với các tuyến đường đang khai thác đã cắm mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ, việc điều chỉnh và cắm lại mốc hành lang an toàn đường bộ được thực hiện trong trường hợp hành lang tuyến, đoạn tuyến ảnh hưởng đến công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông hoặc trong trường hợp thay đổi cấp kỹ thuật của đường bộ theo quy hoạch được duyệt.

2. Đối với các trường hợp đã được chấp thuận việc xây dựng biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị, chấp thuận xây dựng công trình hạ

---

[95] Điều 28 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, quy định như sau:

"Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP, Nghị định số 140/2025/NĐ-CP, Nghị định số 144/2025/NĐ-CP. Đối với trường hợp tiếp nhận hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của Nghị định này.

2. Đối với quốc lộ, đường cao tốc thuộc quy hoạch mạng lưới đường bộ đã được cấp có thẩm quyền giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp tục thực hiện theo văn bản giao.

3. Đối với các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường bộ, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường bộ đã được cấp có thẩm quyền giao chuẩn bị dự án, quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, thì tiếp tục thực hiện dự án theo quyết định, văn bản giao.

4. Đối với dự án mở rộng, nâng cấp đường cao tốc đã thỏa thuận giữa cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư hiện hữu quy định tại Điều 46 và Điều 47 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP, được thực hiện như sau:

a) Trường hợp đã phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự án trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quyết định đã phê duyệt, việc triển khai các bước tiếp thực hiện theo quy định tại Nghị định này;

b) Trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa phê duyệt dự án, chưa phê duyệt điều chỉnh dự án, trình tự, thủ tục và nội dung phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự án và việc triển khai các bước tiếp thực hiện theo quy định tại Nghị định này.".

tầng trong phạm vi đường bộ đang khai thác trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo văn bản chấp thuận.

3. Các cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ đã được chấp thuận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì được phép hoạt động theo văn bản chấp thuận; cá nhân được cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn đường bộ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được hoạt động theo chứng chỉ đã cấp và thời hạn quy định ghi trong chứng chỉ đã cấp.

4. Việc đổi tên, số hiệu đường bộ không phù hợp với quy định của Nghị định này hoàn thành trước ngày 01 tháng 01 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Đường bộ.

5. Các dự án đầu tư xây dựng và các công việc bảo trì trên quốc lộ quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Nghị định này được thực hiện như sau:

a) Đối với hợp đồng quản lý, vận hành, khai thác, bảo dưỡng kết cấu hạ tầng quốc lộ sử dụng ngân sách trung ương mà cơ quan quản lý đường bộ được giao đã ký hợp đồng trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, các bên thương thảo, ký kết phụ lục điều chỉnh hợp đồng để chuyển giao quyền, nghĩa vụ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền, giao nhiệm vụ) tiếp tục thực hiện hợp đồng kể từ khi hoàn thành bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ từ trung ương về địa phương và cấp có thẩm quyền điều dự toán ngân sách nhà nước từ Bộ Xây dựng[96] về các địa phương để thực hiện công việc này;

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, sửa chữa công trình đường bộ và các công việc bảo trì khác (sau đây gọi chung là dự án) đã phê duyệt dự án trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, chủ đầu tư tiếp tục thực hiện đến khi hoàn thành dự án đưa vào khai thác, sử dụng;

c) Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, dự án sửa chữa công trình đường bộ, công tác khác đã lựa chọn tư vấn lập dự án đầu tư và nhà thầu có liên quan khác nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa hoàn thành việc phê duyệt dự án, thì được tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành việc phê duyệt dự án. Việc bàn giao dự án cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền, giao nhiệm vụ) tiếp nhận dự án được

[96] Cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Xây dựng" theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước từ Bộ Xây dựng[97] về địa phương để thực hiện dự án;

d) Đối với hậu quả thiên tai xảy ra trên quốc lộ trước khi bàn giao cho địa phương, các cơ quan được giao có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong lĩnh vực đường bộ đến khi hoàn thành công tác khắc phục hậu quả thiên tai để bảo đảm giao thông đường bộ an toàn, thông suốt và bảo đảm an toàn công trình đường bộ;

đ) Đối với tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đầu tư theo phương thức đối tác công tư do Bộ Xây dựng[98] là cơ quan có thẩm quyền đang trong giai đoạn thực hiện hợp đồng dự án việc bàn giao tuyến, đoạn tuyến quốc lộ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý được thực hiện sau khi chấm dứt hợp đồng dự án; hoặc các bên ký kết hợp đồng có thỏa thuận chuyển giao công trình, tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trước thời hạn hợp đồng theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Đối với tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đầu tư theo phương thức đối tác công tư được Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền thì các quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Nghị định này được thực hiện sau khi chấm dứt hợp đồng dự án; hoặc các bên ký kết hợp đồng có thỏa thuận chuyển giao công trình, tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trước thời hạn hợp đồng theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Điều 70. Trách nhiệm thực hiện[99]

---

[97] Cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Xây dựng" theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[98] Cụm từ "Bộ Giao thông vận tải" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Xây dựng" theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[99] Điều 27 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, quy định như sau:

"Điều 27. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương

1. Bộ Xây dựng

a) Hướng dẫn, kiểm tra chính quyền địa phương thực hiện Nghị định này;

b) Xây dựng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin tập trung phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường bộ;

c) Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy hoạch mạng lưới đường bộ bảo đảm phù hợp với quy định về phân loại đường bộ theo cấp quản lý và các quy định khác của Luật Đường bộ; xác định danh mục các tuyến quốc lộ được quy hoạch theo cấp kỹ thuật đường cao tốc.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao tại Nghị định này; chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao tại Nghị định này; thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định tại Nghị định này.".

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát các văn bản đã ban hành để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định của Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ XÂY DỰNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Anh Tuấn

Phụ lục I

MẪU TỜ TRÌNH VÀ QUYẾT ĐỊNH GIAO ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH QUẢN LÝ TUYẾN, ĐOẠN TUYẾN QUỐC LỘ, ĐIỀU CHỈNH LOẠI ĐƯỜNG THEO CẤP QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01[100]	Tờ trình về việc đề nghị giao Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý tuyến, đoạn tuyến quốc lộ quốc lộ
Mẫu số 02[101]	Quyết định về việc giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý tuyến, đoạn tuyến quốc lộ
Mẫu số 03[102]	Tờ trình về việc đề nghị điều chỉnh loại đường theo cấp quản lý
Mẫu số 04[103]	Quyết định về việc điều chỉnh loại đường theo cấp quản lý

[100] Mẫu này được thay thế bởi mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 241/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[101] Mẫu này được thay thế bởi mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 241/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[102] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[103] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026

Mẫu số 01.[104] Tờ trình về việc đề nghị giao Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý tuyến, đoạn tuyến quốc lộ

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	———
Số …. /TTr….(2)	*…. (3), ngày ... tháng… năm ...*

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị giao …. (1) quản lý……. (4)

———

Kính gửi: …. (5)

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này (6);

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ văn bản của cấp có thẩm quyền về việc sử dụng ngân sách trung ương tham gia vào dự án (nếu có);

Căn cứ …. (7).

1. Mục đích, lý do và sự cần thiết giao ... (1) quản lý ……(4).

2. Nội dung đề nghị

Đề nghị … (5) giao... (1) quản lý ……..(4) theo quy định của Luật Đường bộ và Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, để …. (8).

.... (1) sẽ thực hiện công tác quản lý …. (4) được giao theo đúng mục đích giao, quy định của Luật Đường bộ và Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi

[104] Mẫu này được thay thế bởi mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 241/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, quy định khác của pháp luật có liên quan.

Các tài liệu kèm theo Tờ trình này … (9).

Trên đây là Tờ trình .... (4), … (1) đề nghị …. (5) xem xét, quyết định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……;
- ……;
- Lưu: VT, …(10)… (11).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(*Chữ ký, dấu*)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức trình.

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức trình.

(3) Địa danh nơi cơ quan, tổ chức trình đóng trụ sở.

(4) Ghi rõ tên, số hiệu đường đề nghị giao và các thông tin về địa điểm, điểm đầu, điểm cuối đoạn đường cần điều chỉnh.

(5) Tên cơ quan có thẩm quyền quyết định giao quản lý quốc lộ.

(6) Kể từ ngày 01/7/2026 khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ Luật này. Trước ngày 01/6/2026 thì ghi căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

(7) Các căn cứ khác (nếu có, ví dụ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh…).

(8) Nêu mục đích giao quản lý quốc lộ, đoạn quốc lộ.

(9) Các tài liệu kèm theo quy định của Điều 5 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 39 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP về việc sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đường bộ.

(10) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức soạn Tờ trình.

(11) Số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 02.[105] Quyết định về việc giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý tuyến, đoạn tuyến quốc lộ

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	_____
Số …. /QĐ-… (2)	*...(3), ngày .... tháng .... năm .....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao... (4) quản lý ....(5)

_____

…….. (1)

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này (6);

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ .... (7).

Xét đề nghị của .... (4) tại ... (8).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao ... (4) quản lý …. (5) để … (9).

Điều 2. ... (4) có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 5 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 39 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đường bộ (Nghị định số 158/2024/NĐ-

[105] Mẫu này được thay thế bởi mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 241/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026

CP, Nghị định số 165/2024/NĐ-CP) và các quy định khác của pháp luật có liên quan đối với quốc lộ được giao tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. ... (10) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……;
- ……;
- Lưu: VT, …(11)… (…(12).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(*Chữ ký, dấu*)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức quyết định giao.

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức quyết định giao.

(3) Địa danh nơi cơ quan, tổ chức giao đóng trụ sở.

(4) Tên cơ quan, tổ chức được giao quản lý quốc lộ.

(5) Ghi rõ tên, số hiệu đường giao và các thông tin về địa điểm, điểm đầu, điểm cuối đoạn đường được giao.

(6) Kể từ ngày 30/6/2026 trở về trước, khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự chưa có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

(7) Các căn cứ khác (Ví dụ văn bản của cấp có thẩm quyền về sử dụng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ địa phương đầu tư xây dựng tuyến đường được giao).

(8) Ghi tên, số Tờ trình, ngày, tháng, năm phát hành Tờ trình.

(9) Nêu mục đích giao quản lý quốc lộ, đoạn quốc lộ.

(10) Ghi các cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định.

(11) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức soạn thảo Quyết định.

(12) Số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 03.[106] Tờ trình về việc đề nghị điều chỉnh loại đường theo cấp quản lý

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	_____
Số …. /TTr.…(2)	*...(3), ngày .... tháng .... năm .....*

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị điều chỉnh ... (4) thành đường .... (5)

_____

Kính gửi: … (6)

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này (7);

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ... (8).

….. (1) đề nghị …. (6) quyết định điều chỉnh …. (4) thành …. (5). Sự cần thiết, lý do điều chỉnh: … (9).

Các tài liệu kèm theo gồm … (10).

Trên đây là Tờ trình về việc điều chỉnh .... (4) thành …. (5), … (1) đề nghị …. (6) xem xét, quyết định.

Nơi nhận:	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ**
- Như trên;	

[106] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026

- ……;
- ……;
- Lưu: VT, … (11) … (12).

(*Chữ ký, dấu*)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức trình.

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức trình.

(3) Địa danh nơi cơ quan, tổ chức trình đóng trụ sở.

(4) Ghi rõ tên, số hiệu đường cần điều chỉnh và các thông tin về địa điểm, điểm đầu, điểm cuối đoạn đường cần điều chỉnh.

(5) Ghi loại đường sau khi điều chỉnh.

(6) Tên cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh loại đường.

(7) Kể từ ngày 01/7/2026 khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ Luật này.

(8) Ghi các căn cứ làm cơ sở việc điều chỉnh loại đường (Ví dụ căn cứ quy hoạch mạng lưới đường bộ, căn cứ quy hoạch khác, căn cứ việc đầu tư xây dựng tuyến tránh thay thế đoạn tuyến chính hiện nay…).

(9) Ghi nguyên nhân, lý do dẫn đến cần phải điều chỉnh loại đường.

(10) Các tài liệu kèm theo quy định của Điều 7 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số /2026/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đường bộ.

(11) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức soạn Tờ trình.

(12) Số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 04.[107] Quyết định điều chỉnh tuyến, đoạn tuyến đường theo cấp quản lý

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	_____
Số …. /QĐ-… (2)	*…(3), ngày …. tháng …. năm …..*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh ... (4) thành đường .... (5)

_____

…….. (1)

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này (6);

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ …. (7).

Xét đề nghị của …. (8) tại … (9).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh điều chỉnh ... (4) thành đường .... (5).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan (10).

Điều 3. … (11) có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như trên;

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ

[107] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

- ……;
- ……;
- Lưu: VT, … (12) … (13).

(*Chữ ký, dấu*)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh đường.

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan quyết định điều chỉnh đường.

(3) Địa danh nơi cơ quan, tổ chức quyết định đóng trụ sở.

(4) Ghi rõ tên, số hiệu đường cần điều chỉnh và các thông tin về địa điểm, điểm đầu, điểm cuối đoạn đường cần điều chỉnh.

(5) Ghi loại đường sau khi điều chỉnh.

(6) Kể từ ngày 01/7/2026 khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ Luật này.

(7) Ghi các căn cứ làm cơ sở việc điều chỉnh loại đường (Ví dụ căn cứ quy hoạch mạng lưới đường bộ, căn cứ quy hoạch khác, căn cứ việc đầu tư xây dựng tuyến tránh thay thế đoạn tuyến chính hiện nay…).

(8) Tên cơ quan.

(9) Ghi tên, số Tờ trình, ngày, tháng, năm phát hành Tờ trình.

(10) Ghi tên các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thực hiện Quyết định (Ví dụ điều chuyển đường địa phương thành quốc lộ, trong Quyết định của Bộ Xây dựng quy định trách nhiệm Cục Đường bộ Việt Nam, các cơ quan thuộc Bộ trong việc phối hợp với địa phương thực hiện điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, tiếp nhận tuyến đường; trách nhiệm của địa phương có tuyến đường được điều chỉnh và các quy định khác. Đồng thời ghi trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng tuyến, đoạn tuyến đường…).

(11) Ghi tên các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thực hiện Quyết định.

(12) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức soạn Tờ trình.

(13) Số lượng bản phát hành (nếu cần).

Phụ lục II[108]

SỐ HIỆU ĐƯỜNG TỈNH SỐ TỰ NHIÊN (SAU CHỮ "ĐT.") TRONG SỐ HIỆU ĐƯỜNG TỈNH CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG BẢNG

(Kèm theo Nghị định số 241/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

TT	Tỉnh, thành phố	Số hiệu	TT	Tỉnh, thành phố	Số hiệu
1	Tỉnh Sơn La	101 - 125	18	Tỉnh Hà Tĩnh	546 - 557
2	Tỉnh Lai Châu	126 - 138	19	Tỉnh Quảng Trị	558 - 588
3	Tỉnh Điện Biên	139 - 150	20	Thành phố Huế	589 - 599
4	Tỉnh Lào Cai	151 - 175	21	Thành phố Đà Nẵng	601 - 620
5	Tỉnh Tuyên Quang	176 - 199	22	Tỉnh Quảng Ngãi	621 - 628 671 - 680
6	Tỉnh Cao Bằng	201 - 225	23	Tỉnh Khánh Hoà	651 - 660 701 - 710
7	Tỉnh Lạng Sơn	226 - 250	24	Tỉnh Gia Lai	629 - 640 661 - 670
8	Tỉnh Thái Nguyên	251 - 275	25	Tỉnh Đắk Lắk	641 - 650 687 - 699
9	Tỉnh Bắc Ninh	276 - 299	26	Tỉnh Lâm Đồng	681 - 686 711 - 740
10	Tỉnh Phú Thọ	301 - 325, 431 - 450	27	Tỉnh Đồng Nai	751 - 780
11	Tỉnh Quảng Ninh	326 - 350	28	Tỉnh Tây Ninh	781 - 799 816 - 840
12	Thành phố Hải Phòng	351 - 375 388 - 399	29	Thành phố Hồ Chí Minh	741 - 750 801 - 815 991 - 999
13	Tỉnh Hưng Yên	376 - 387 451 - 475	30	Tỉnh Đồng Tháp	841 - 880
14	Thành phố Hà Nội	401 - 430	31	Tỉnh Vĩnh Long	881 - 915
15	Tỉnh Ninh Bình	476 - 499	32	Thành phố Cần Thơ	916 - 940
16	Tỉnh Thanh Hoá	501 - 530	33	Tỉnh An Giang	941 - 975
17	Tỉnh Nghệ An	531 - 545	34	Tỉnh Cà Mau	976 - 990

[108] Phụ lục này được thay thế bởi Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 241/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Phụ lục III

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ VÀ VĂN BẢN CHẤP THUẬN VỊ TRÍ, QUY MÔ, KÍCH THƯỚC BIỂN QUẢNG CÁO, BIỂN THÔNG TIN CỔ ĐỘNG, TUYÊN TRUYỀN CHÍNH TRỊ; XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG; XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT SỬ DỤNG CHUNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ; MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ VÀ VĂN BẢN CHẤP THUẬN XÂY DỰNG, CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ, GIA CƯỜNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ ĐỒNG THỜI VỚI CẤP GIẤY PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ ĐANG KHAI THÁC

(Kèm theo Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Mẫu đơn đề nghị chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng; xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ
Mẫu số 02	Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, gia cường công trình đường bộ đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác
Mẫu số 03	Văn bản chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị
Mẫu số 04	Văn bản chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ
Mẫu số 05	Mẫu văn bản chấp thuận xây dựng công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, gia cường công trình đường bộ đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác

Mẫu số 01.[109] Đơn đề nghị chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng; xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: …(2)	*... (3), ngày .... tháng .... năm ...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Về đề nghị chấp thuận .... (4)

Kính gửi …… (5)

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này (6);

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ... (7).

….. (1) đề nghị …. (5) chấp thuận …. (4).

Gửi kèm theo các tài liệu bao gồm (8) …:

… (1) cam kết chịu trách nhiệm về kinh phí và thực hiện theo đúng văn bản chấp thuận và quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ……

Số điện thoại: ……; Email……

Mã số định danh VNeID của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp: ….

[109] Mẫu này được thay thế bởi Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 241/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Đề nghị:

- Nhận kết quả trực tiếp: ☐
- Nhận kết quả trực tuyến: ☐
- Nhận kết quả hệ thống bưu chính: ☐

(…. (1) lựa chọn và đánh dấu phương thức nhận kết quả. Trường hợp đề nghị nhận qua đường bưu chính thì bổ sung địa chỉ nhận vào văn bản đề nghị).

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……;
- ……;
- Lưu: VT, … (9) … (10).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ*
(*Chữ ký, dấu*)

Họ và tên

Ghi chú:

* Trường hợp cá nhân đứng tên thì không bắt buộc ghi thông tin vào (1), không ghi chức vụ người ký, không cần đóng dấu và không bắt buộc ghi nơi nhận.

(1) Tên cơ quan, tổ chức trình.

(2) Số, ký hiệu đơn đề nghị (nếu cần).

(3) Địa danh nơi cơ quan, tổ chức trình đóng trụ sở.

(4) Ghi rõ nội dung đề nghị chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị…. (hoặc xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng …; hoặc xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung…) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đường… (tên, số hiệu đường bộ), đoạn từ Km… đến Km…. (bên phải, bên trái, hoặc trong công trình đường bộ).

(5) Tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

(6) Kể từ ngày 01/7/2026 khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ Luật này.

(7) Các căn cứ khác nếu có (Ví dụ căn cứ Quyết định phê duyệt dự án hoặc các văn bản liên quan đến xây dựng công trình có hạng mục đề nghị chấp thuận xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ).

(8) Các tài liệu kèm theo quy định của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số /2026/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đường bộ.

(9) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức soạn đơn đề nghị.

(10) Số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 02.[110] Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, gia cường công trình đường bộ đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: … (2)	*… (3), ngày …. tháng …. năm …*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Về đề nghị chấp thuận .... (4)

Kính gửi …… (5)

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này (6);

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ… (7).

….. (1) đề nghị …. (5) chấp thuận …. (4).

Gửi kèm theo các tài liệu bao gồm (8): …

… (1) cam kết chịu trách nhiệm về kinh phí và thực hiện theo đúng văn bản chấp thuận và quy định của pháp luật.

[110] Mẫu này được thay thế bởi Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 241/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Địa chỉ liên hệ: ……

Số điện thoại: ……; Email……

Mã số định danh VNeID của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp: ….

Đề nghị:

- Nhận kết quả trực tiếp: ☐
- Nhận kết quả trực tuyến: ☐
- Nhận kết quả hệ thống bưu chính: ☐

(…. (1) lựa chọn và đánh dấu phương thức nhận kết quả. Trường hợp đề nghị nhận qua đường bưu chính thì bổ sung địa chỉ nhận vào văn bản đề nghị).

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……;
- ……;
- Lưu: VT, … (9) … (10).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ*
(*Chữ ký, dấu*)

Họ và tên

Ghi chú:

* Trường hợp cá nhân đứng tên thì không bắt buộc ghi thông tin vào (1), không ghi chức vụ người ký, không cần đóng dấu và không bắt buộc ghi nơi nhận.

(1) Tên cơ quan, tổ chức trình.

(2) Số, ký hiệu đơn đề nghị (nếu cần).

(3) Địa danh nơi cơ quan, tổ chức trình đóng trụ sở.

(4) Ghi rõ nội dung đề nghị chấp thuận xây dựng công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, gia cường công trình đường bộ đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác trên đường… (tên, số hiệu đường bộ), đoạn từ Km… đến Km…. (bên phải, bên trái, hoặc trong công trình đường bộ).

(5) Tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

(6) Kể từ ngày 01/7/2026 khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ Luật này.

(7) Các căn cứ khác nếu có (Ví dụ căn cứ Quyết định phê duyệt dự án hoặc các văn bản liên quan đến xây dựng công trình có hạng mục đề nghị chấp thuận xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ).

(8) Các tài liệu kèm theo quy định của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số /2026/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đường bộ.

(9) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức soạn đơn đề nghị.

(10) Số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 03.[111] Văn bản chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: … (2) V/v…	*... (3), ngày .... tháng .... năm ...*

Kính gửi …… (4)

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này (5);

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Sau khi xem xét Văn bản số: .../…ngày...../…/.....của.....(4) đề nghị chấp thuận về....(6), kèm theo hồ sơ đề nghị chấp thuận quy định tại điểm….khoản….Điều.....của Nghị định ....(7), (1) chấp thuận các nội dung sau:

1. Chấp thuận đề nghị của....(4) về vị trí, quy mô, kích thước biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị như sau:

- Về vị trí xây dựng, lắp đặt biển....(8) tại Km...., đường.....do cơ quan....(9) đang quản lý, khai thác;

- Về quy mô biển:....(10);

- Về kích thước: khoảng cách từ mặt đất đến mép dưới biển....; chiều cao biển....; chiều rộng biển (theo phương ngang đường)....; chiều rộng theo phương dọc đường (đối với biển nằm song song với đường)....;

[111] Mẫu này được thay thế bởi Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 241/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

- Về phương án thi công để bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ và công trình liền kề gồm:....(11);

- (4) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị nêu trên và không đòi bồi thường khi cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo.

2. Thời gian có hiệu lực của Văn bản chấp thuận kể từ ngày ký đến ngày...

- ……(12) ……..

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……;
- ……;
- Lưu: VT, …(13)… (14).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(*Chữ ký, dấu*)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chấp thuận.

(2) Số, ký hiệu văn bản chấp thuận.

(3) Địa danh nơi cơ quan, tổ chức chấp thuận đóng trụ sở.

(4) Tên tổ chức, cá nhân được chấp thuận.

(5) Kể từ ngày 01/7/2026 khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ là Luật này.

(6) Ghi rõ tên công trình đề nghị chấp thuận của tổ chức, cá nhân.

(7) Nghị định số 165/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 241/2026/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đường bộ.

(8) Ghi loại biển đề nghị chấp thuận.

(9) Tên cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tuyến đường.

(10) Ghi quy mô, kết cấu chủ yếu, khung, móng...

(11) Tài liệu về phương án thi công.

(12) Nội dung khác nếu cần thiết.

(13) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức soạn đơn đề nghị.

(14) Số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 04.[112] Văn bản chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: …..(2) V/v…	*….(3), ngày …. tháng …. năm …..*

Kính gửi …… (4)

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này (5);

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Sau khi xem xét Văn bản số:..../…ngày...../…../.....của.....(4) đề nghị chấp thuận về....(6), kèm theo hồ sơ đề nghị chấp thuận quy định tại điểm….khoản….Điều.....của Nghị định ....(7), (1) chấp thuận các nội dung sau:

1. Chấp thuận đề nghị của....(4) về việc xây dựng, lắp đặt....(8) với các nội dung sau:

- Về vị trí xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng: ghi rõ vị trí trên mặt cắt ngang đường bộ, trong đoạn hoặc tại điểm Km...., đường.... do cơ quan...(9) đang quản lý, khai thác;

- Về quy mô công trình hạ tầng kỹ thuật:.... (10); kích thước công trình hạ tầng và các thông tin cần thiết khác;

- Biện pháp gia cố kết cấu hạ tầng đường bộ; biện pháp hoàn trả kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng...;

[112] Mẫu này được thay thế bởi Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 241/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

- (4) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung nêu trên và không đòi bồi thường khi cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo;

- Yêu cầu thực hiện cam kết, yêu cầu bảo hành công trình hoàn trả và các yêu cầu khác;

-….(11).

2. Thời gian có hiệu lực của Văn bản chấp thuận kể từ ngày ký đến ngày...

- ……(12) ……..

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……;
- ……;
- Lưu: VT, …(13)… (14).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(*Chữ ký, dấu*)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chấp thuận.

(2) Số, ký hiệu văn bản chấp thuận.

(3) Địa danh nơi cơ quan, tổ chức chấp thuận đóng trụ sở.

(4) Tên tổ chức, cá nhân được chấp thuận.

(5) Kể từ ngày 01/7/2026 khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ Luật này.

(6) Ghi rõ tên công trình đề nghị chấp thuận của tổ chức, cá nhân.

(7) Nghị định số 165/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số /2026/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đường bộ.

(8) Tên công trình được chấp thuận.

(9) Tên cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tuyến đường.

(10) Ghi quy mô, kết cấu chủ yếu, khung, móng và các thông tin khác...

(11) Các lưu ý trong bước cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.

(12) Nội dung khác nếu cần thiết.

(13) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức soạn đơn đề nghị.

(14) Số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 05.[113] Văn bản chấp thuận xây dựng công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, gia cường công trình đường bộ đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …..(2) V/v…	*….(3), ngày …. tháng …. năm …..*

Kính gửi …… (4)

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này (5);

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Sau khi xem xét Văn bản số:..../…ngày...../…../.....của.....(4) đề nghị chấp thuận đồng thời với cấp giấy phép thi công....(6), kèm theo hồ sơ đề nghị chấp thuận quy định tại điểm….khoản….Điều.....của Nghị định ....(7), (1) chấp thuận đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình với các nội dung sau:

I. Chấp thuận xây dựng công trình (hoặc chấp thuận gia cường công trình đường bộ)...(8) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đang khai thác:

- Về vị trí xây dựng, lắp đặt: ghi rõ vị trí trên mặt cắt ngang đường bộ, trong đoạn hoặc tại điểm Km...., đường....do cơ quan.....(9) đang quản lý, khai thác;

[113] Mẫu này được thay thế bởi Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 241/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

- Về quy mô công trình hạ tầng kỹ thuật:....(10); kích thước công trình hạ tầng và các thông tin cần thiết khác;

- Biện pháp gia cố kết cấu hạ tầng đường bộ; biện pháp hoàn trả kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng...;

- Yêu cầu thực hiện cam kết, yêu cầu bảo hành công trình hoàn trả và các yêu cầu khác.

II. Giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác

1. Cấp cho:…….(4)……

- Địa chỉ……;

- Điện thoại ……;

- ……

2. Được phép thi công công trình:…(11) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ từ lý trình Km……đến Km……đường..., theo hồ sơ thiết kế và tổ chức thi công được duyệt tại Quyết định số:…./…..ngày..../…./... của …..(12)..., gồm các nội dung chính như sau:

a) ……..;

b) ……...

3. Các yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân thi công công trình:

- Mang giấy này đến đơn vị trực tiếp quản lý tuyến đường để nhận bàn giao mặt bằng hiện trường; tiến hành thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo hồ sơ tổ chức thi công được duyệt và các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn giao thông khi thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

- Sau khi nhận mặt bằng hiện trường, tổ chức, cá nhân thi công phải chịu trách nhiệm về an toàn giao thông, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của đơn vị quản lý đường bộ và cơ quan có thẩm quyền khác;

- Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, nếu tổ chức, cá nhân thi công không thực hiện việc tổ chức giao thông, gây mất an toàn giao thông sẽ bị đình chỉ thi công; mọi trách nhiệm liên quan đến tai nạn giao thông và chi phí thiệt hại khác (nếu có) tổ chức, cá nhân thi công tự chịu trách nhiệm, ngoài ra còn chịu xử lý theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đền bù thiệt hại công trình đường bộ do lỗi của tổ chức, cá nhân thi công gây ra khi thi công trên đường bộ;

- Khi kết thúc thi công phải bàn giao lại mặt bằng, hiện trường cho đơn vị quản lý đường bộ; đối với trường hợp gia cường công trình đường bộ, phải tổ chức nghiệm thu trước khi đưa công trình vào khai thác;

- (4) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình nêu trên và không đòi bồi thường khi cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo.

- ……..(13)……

4. Thời hạn thi công:

Giấy phép thi công này có thời hạn từ ngày ../…./20...đến ngày…../…./20....

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……;
- ……;
- Lưu: VT, …(14)… (15).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(*Chữ ký, dấu*)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chấp thuận xây dựng, gia cường đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.

(2) Số, ký hiệu văn bản chấp thuận.

(3) Địa danh nơi cơ quan, tổ chức chấp thuận đóng trụ sở.

(4) Tên tổ chức, cá nhân được chấp thuận xây dựng, gia cường đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.

(5) Kể từ ngày 01/7/2026 khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ Luật này.

(6) Ghi rõ tên công trình đề nghị chấp thuận của tổ chức, cá nhân.

(7) Nghị định số 165/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số /2026/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đường bộ.

(8) Tên công trình được chấp thuận.

(9) Tên cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tuyến đường.

(10) Ghi quy mô, kết cấu chủ yếu, khung, móng và các thông tin khác...

(11) Tên dự án, công trình hạ tầng.

(12) Tên cơ quan, tổ chức duyệt.

(13) Nội dung khác nếu cần thiết.

(14) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức soạn đơn đề nghị.

(15) Số lượng bản phát hành (nếu cần).

Phụ lục IV

MẪU VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN SỬ DỤNG TẠM THỜI LÒNG ĐƯỜNG, VỈA HÈ VÀO MỤC ĐÍCH KHÁC

(Kèm theo Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Mẫu văn bản đề nghị cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác
Mẫu số 02	Mẫu giấy phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè phố vào mục đích khác

Mẫu số 01.[114] Mẫu văn bản đề nghị cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số …… (2)	
V/v … (3)	*....(4), ngày .... tháng .... năm*

Kính gửi …… (5)

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này (6);

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ... (7).

….. (1) đề nghị …. (5) cấp giấy phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè …(8) để ... (9). Thời gian sử dụng bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến ... ngày ... tháng ... năm ...

.... (1) cam kết chịu trách nhiệm về kinh phí và tổ chức thực hiện theo đúng giấy phép và quy định của pháp luật.

Tài liệu kèm theo là 01 bộ hồ sơ (10).

Địa chỉ liên hệ: ……

Số điện thoại: ……; Email……

Mã số định danh VNeID của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp: ….

[114] Mẫu này được thay thế bởi Mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 241/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Đề nghị:

- Nhận kết quả trực tiếp:

- Nhận kết quả trực tuyến:

- Nhận kết quả hệ thống bưu chính:

(Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lựa chọn và đánh dấu phương thức nhận kết quả. Trường hợp đề nghị nhận qua đường bưu chính thì bổ sung địa chỉ nhận vào văn bản đề nghị).

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……;
- ……;
- Lưu: VT, …(11)… (12).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ*
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

* Trường hợp cá nhân đứng tên thì không bắt buộc ghi thông tin vào (1), không ghi chức vụ người ký, không cần đóng dấu và không bắt buộc ghi nơi nhận, không bắt buộc ghi các mục (11), (12).

(1) Tên cơ quan, tổ chức trình. Trường hợp cá nhân không khi tên cơ quan, tổ chức.

(2) Ghi số, ký hiệu đơn đề nghị (nếu cần).

(3) Địa danh nơi cơ quan, tổ chức trình đóng trụ sở.

(4) Ghi rõ nội dung đề nghị chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị …. (hoặc xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng …; hoặc xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung …) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đường … (tên, số hiệu đường bộ), đoạn từ Km … đến Km …. (bên phải, bên trái, hoặc trong công trình đường).

(5) Tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

(6) Kể từ ngày 01/7/2026 khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này.

(7) Ghi các căn cứ khác nếu có (Ví dụ căn cứ khác nếu có liên quan đến việc cần sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè. Ví dụ văn bản của cấp có thẩm quyền về tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao…).

(8) Ghi tên và phạm vi đoạn đường bộ hoặc lòng đường, vỉa hè ..... thuộc tuyến đường ... (ghi tên đường) trên địa bàn ... (ghi tên xã/phường..., tỉnh, thành phố).

(9) Ghi cụ thể mục đích sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào việc ….

(10) Các tài liệu kèm theo quy định của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số /2026/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đường bộ.

(11) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức soạn đơn đề nghị.

(12) Số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 02.[115] Mẫu giấy phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè phố vào mục đích khác

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ……/GP-…(2)	*…(3), ngày ……. tháng ……. năm ……*

GIẤY PHÉP
Cấp cho .... (4) được sử dụng tạm thời... (5) vào mục đích ... (6)

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này (7);

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Sau khi xem xét đề nghị…(8) của .... (4) về việc đề nghị cho phép sử dụng tạm thời .... (5) để sử dụng vào mục đích …. (6), kèm theo phương án sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác, …(1) cấp phép tạm thời sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè như sau:

1. Cấp phép cho .... (4) được sử dụng tạm thời .... (5) để thực hiện mục đích …. (6).

2. Thời gian sử dụng từ ... (ghi ngày, giờ, tháng, năm) đến ... (ngày, giờ, tháng, năm).

3. …(4) có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định sau:

a) Chỉ sử dụng tạm thời …. (5) vào mục đích …. (6); không sử dụng vào mục đích khác;

[115] Mẫu này được thay thế bởi Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 241/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

b) Thực hiện đúng phương án sử dụng tạm thời lòng đường vỉa hè (đã được sửa đổi, bổ sung nếu có);

c) Thực hiện phương án bảo đảm trật tự, an toàn giao thông theo quy định; thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo phương án được chấp thuận; xử lý kịp thời các tình huống phát sinh bảo đảm cho người, phương tiện tham gia các sự kiện và người, phương tiện tham gia giao thông;

d) Thực hiện các biện pháp, công việc để bảo đảm an toàn cháy, nổ, an toàn công trình, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về phòng, chống cháy, nổ, pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan;

đ) Thu dọn toàn bộ vật tư, phương tiện, thiết bị, dụng cụ, công trình tạm phục vụ tổ chức sự kiện; quét, thu gom rác, rửa đường và hoàn trả hiện trạng đường bộ, hè phố, mặt đường khi kết thúc tổ chức sự kiện;

e) Thời gian tổ chức sự kiện phù hợp với thời gian được cấp phép sử dụng tạm thời đường bộ, hè phố, một phần mặt đường đô thị.

g) …(9).

Nơi nhận:
- ……;
- ……..
- Lưu: VT,….(10)…(11)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(*Chữ ký, dấu*)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức cấp giấy phép.

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức cấp giấy phép.

(3) Địa danh nơi cơ quan, tổ chức cấp giấy phép đóng trụ sở.

(4) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị.

(5) Ghi tên và phạm vi đoạn đường bộ hoặc lòng đường, vỉa hè ..... thuộc tuyến đường ... (ghi tên đường) trên địa bàn ... (ghi tên xã/phường..., tỉnh, thành phố).

(6) Ghi rõ mục đích cho phép sử dụng lòng đường và/hoặc vỉa hè.

(7) Kể từ ngày 01/7/2026 khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ Luật này.

(8) Ghi tên, số văn bản đề nghị, ngày, tháng, năm phát hành văn bản.

(9) Các nội dung khác nếu cần thiết.

(10) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức soạn thảo Giấy phép.

(11) Số lượng bản phát hành (nếu cần).

Phụ lục V

MẪU TỜ TRÌNH VÀ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC GIAO THÔNG ĐƯỜNG CAO TỐC, PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC GIAO THÔNG ĐƯỜNG CAO TỐC

(Kèm theo Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Tờ trình phê duyệt phương án tổ chức giao thông đường cao tốc, phê duyệt điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc
Mẫu số 02	Quyết định phê duyệt phương án tổ chức giao thông đường cao tốc, phê duyệt điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc

Mẫu số 01.[116] Tờ trình phê duyệt phương án tổ chức giao thông đường cao tốc, phê duyệt điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số …. /TTr….(2)	*…. (3), ngày … tháng… năm …*

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị … (4)

Kính gửi: …. (5)

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này (6);

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ… (7).

…. (1) trình…(5) phê duyệt phương án tổ chức giao thông ……công trình đường cao tốc ….. (hoặc phê duyệt điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc ……) với các nội dung như sau:

1. Tên dự án/công trình: ... *(ghi tên dự án xây dựng đối với đường cao tốc trước khi đưa vào khai thác, hoặc tên đường cao tốc đang khai thác đối với trường hợp điều chỉnh phương án tổ chức giao thông).*

[116] Mẫu này được thay thế bởi Mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 241/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026

2. Địa điểm xây dựng: ....

3. Quy mô tuyến đường: .... (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).

4. Tên nhà đầu tư/chủ đầu tư .... *(đối với việc điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc đang khai thác thì ghi cơ quan, tổ chức được giao quản lý tuyến đường cao tốc).*

5. …. (*ghi tóm tắt tình hình đầu tư đường cao tốc (đối với dự án xây dựng đường cao tốc trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; hoặc tóm tắt tình hình thực hiện phương án tổ chức giao thông đối với trường hợp điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức đường cao tốc đang khai thác sử dụng. Sau đó ghi lý do trình duyệt).*

6. Các thông tin khác có liên quan (nếu cần): …. …

.... (1) trình ... (5) xem xét, phê duyệt phương án tổ chức giao thông …. theo hồ sơ kèm theo Tờ trình này.

Gửi kèm Tờ trình là thành phần hồ sơ bao gồm (8):

- …….

- ……

Địa chỉ liên hệ: ……

Số điện thoại: ……; Email……..

Mã số định danh VNeID của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp: ….

Đề nghị:

- Nhận kết quả trực tiếp: ☐
- Nhận kết quả trực tuyến: ☐
- Nhận kết quả hệ thống bưu chính: ☐

(Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị duyệt lựa chọn và đánh dấu phương thức nhận kết quả. Trường hợp đề nghị nhận qua đường bưu chính thì bổ sung địa chỉ nhận vào văn bản đề nghị).

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……;

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ*
(Chữ ký, dấu)

- ……;
- Lưu: VT, …(9)… (10).

Họ và tên

Ghi chú:

* Trường hợp cá nhân đứng tên thì không bắt buộc ghi thông tin vào (1), không ghi chức vụ người ký, không cần đóng dấu và không bắt buộc ghi nơi nhận, không bắt buộc ghi các mục (11), (12).

(1) Tên cơ quan, tổ chức trình.

(2) Ghi số, ký hiệu đơn đề nghị (nếu cần).

(3) Địa danh nơi cơ quan, tổ chức trình đóng trụ sở.

(4) Ghi phê duyệt phương án tổ chức giao thông (hoặc phê duyệt điều chỉnh phương án tổ chức giao thông) đường cao tốc …. (ghi tên đường cao tốc).

(5) Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

(6) Kể từ ngày 01/7/2026 khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này.

(7) Ghi các căn cứ khác như Quyết định duyệt dự án, Biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng; văn bản của Cơ quan Cảnh sát giao thông theo quy định của Điều 23 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 241/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đường bộ.

(8) Các tài liệu kèm theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 241/2026/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đường bộ.

(9) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức soạn Tờ trình.

(10) Số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 02.[117] Quyết định phê duyệt phương án tổ chức giao thông đường cao tốc, phê duyệt điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	———
Số …. /QĐ-… (2)	*…(3), ngày …. tháng …. năm …..*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt … (4)

———

…….. (1)

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này (6);

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ …. (ghi văn bản của cấp có thẩm quyền) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của …. (ghi cơ quan phê duyệt);

Căn cứ …. (7).

Xét đề nghị của …. (8) về việc …. (4) tại … (9).

[117] Mẫu này được thay thế bởi Mẫu số 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 241/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này phương án tổ chức giao thông…….

2. Yêu cầu đối với việc chỉnh sửa, hoàn chỉnh, nộp, lưu trữ, bảo quản phương án tổ chức giao thông (nếu cần thiết).

3. Căn cứ phương án tổ chức giao thông được duyệt và các yêu cầu chỉnh sửa tại khoản 2 Điều này, yêu cầu... sử dụng để thực hiện việc tổ chức giao thông đối với dự án/tuyến đường cao tốc; điều chỉnh, bổ sung công trình an toàn giao thông; báo hiệu đường bộ theo phương án tổ chức giao thông được duyệt tại khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trong thời gian vận hành khai thác theo quyết định này, các cơ quan đơn vị có trách nhiệm:

1. Đối với....(8):

2. Đối với người quản lý, sử dụng đường bộ...:

3. Đối với tư vấn lập phương án tổ chức giao thông ...

4. Đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân khác.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

…… (10).

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……;
- ……;
- Lưu: VT, …(11)… (12).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền duyệt.

(2) Viết tắt tên cơ quan duyệt (ví dụ CĐBVN hoặc SXD).

(3) Địa danh nơi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền duyệt đóng trụ sở.

(4) Ghi rõ: phương án tổ chức giao đường cao tốc …. (ghi tên đường cao tốc), hoặc điều chỉnh phương án tổ chức giao thông đường cao tốc … (ghi tên đường cao tốc).

(5) Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

(6) Kể từ ngày 01/7/2026 khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này.

(7) Ghi các căn cứ khác như Quyết định duyệt dự án, Biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng; văn bản của Cơ quan Cảnh sát giao thông theo quy định của Điều 23 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 241/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đường bộ.

(8) Ghi tên cơ quan, tổ chức trình phương án tổ chức giao thông hoặc trình điều chỉnh phương án tổ chức giao thông.

(9) Ghi tên tờ trình, số, ngày tháng năm ban hành Tờ trình.

(10) Ghi tên cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thực hiện Quyết định duyệt.

(11) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức soạn Tờ trình.

(12) Số lượng bản phát hành (nếu cần).

Phụ lục VI

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ VÀ VĂN BẢN CHẤP THUẬN VỊ TRÍ NÚT GIAO ĐẤU NỐI, ĐẤU NỐI TẠM VÀO ĐƯỜNG BỘ ĐANG KHAI THÁC

(Kèm theo Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận vị trí đấu nối
Mẫu số 02	Mẫu văn bản chấp thuận vị trí nút giao đấu nối
Mẫu số 03	Mẫu đơn đề nghị chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác
Mẫu số 04	Mẫu văn bản chấp thuận vị trí nút giao đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác

Mẫu số 01.[118] Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận vị trí đấu nối

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……(2) V/v đề nghị chấp thuận đấu nối ….(3)	*...(4), ngày ... tháng .... năm ....*

Kính gửi: …… (5)

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này (6);

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

.... (1) đề nghị …. (5) chấp thuận nút giao đấu nối …. (3) để thực hiện ....(7).

Tài liệu kèm theo văn bản này là 01 bộ hồ sơ gồm….. (8)

Địa chỉ liên hệ: ……

Số điện thoại: ……; Email……..

Mã số định danh VNeID của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp: ….

Đề nghị nhận kết quả theo hình thức:

- Nhận kết quả trực tiếp: ☐
- Nhận kết quả trực tuyến: ☐

[118] Mẫu này được thay thế bởi Mẫu số 01 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 241/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

- Nhận kết quả qua hệ thống bưu chính: ☐

(Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lựa chọn và đánh dấu phương thức nhận kết quả. Trường hợp đề nghị nhận qua đường bưu chính thì bổ sung địa chỉ nhận vào văn bản đề nghị).

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……;
- ……;
- Lưu: VT, …(9)… (10).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức có văn bản đề nghị đấu nối.

(2) Ghi số, ký hiệu văn bản đề nghị đấu nối.

(3) Ghi tên đường nhánh, cơ sở cần đấu nối vào đường bộ đang khai thác sau đó ghi vị trí, lý trình điểm đấu nối, tên, số hiệu đường bộ và địa bàn có vị trí đề nghị đấu nối. Ví dụ "V/v đề nghị chấp thuận đấu nối đường vành đai 3 thành phố A vào Km 80 +200 đường cao tốc C, thuộc địa bàn xã D thuộc thành phố").

(4) Địa danh nơi cơ quan, tổ chức đề nghị đóng trụ sở.

(5) Ghi tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận vị trí đấu nối.

(6) Kể từ ngày 01/7/2026 khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này.

(7) Nêu rõ mục đích đấu nối.

(8) Hồ sơ bao gồm các thành phần theo quy định của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số /2026/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đường bộ.

(9) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức soạn văn bản.

(10) Số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 02.[119] Mẫu văn bản chấp thuận nút giao đấu nối

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: …./….(2)	*...(4), ngày .... tháng ... năm ……*
V/v chấp thuận nút giao đấu nối ….(3)	

Kính gửi: …….(5).

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này (6);

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Sau khi xem xét … (7) của ... (5) về đề nghị chấp thuận nút giao đấu nối…. (3), kèm theo hồ sơ đề nghị đấu nối, … (1) chấp thuận và yêu cầu các nội dung sau:

1. Chấp thuận …. (8) nút giao đấu nối …. (3) … để …. (9).

2. Các yêu cầu khi thực hiện đấu nối, gồm:

a) Chấp hành đúng văn bản chấp thuận đấu nối này;

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật về đường bộ, pháp luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ, pháp luật xây dựng và pháp luật khác có liên quan trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế công trình đấu nối, thi công xây dựng và khai thác, sử dụng nút giao đấu nối;

c) Đóng nút giao đấu nối đối với các trường hợp…..

[119] Mẫu này được thay thế bởi Mẫu số 02 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 241/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

d) Yêu cầu về bảo đảm an toàn giao thông…., an toàn thi công xây dựng và các yêu cầu khác (nếu cần).

Nơi nhận:
- ……;
- ……..
- Lưu: VT,….(10)…(11)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(*Chữ ký, dấu*)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chấp thuận.

(2) Ghi số, ký hiệu văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

(3) Ghi tên đường nhánh, cơ sở cần đấu nối vào đường bộ đang khai thác sau đó ghi vị trí, lý trình điểm đấu nối, tên, số hiệu đường bộ và địa bàn có vị trí đề nghị đấu nối. Ví dụ "V/v chấp thuận đấu nối đường vành đai 3 thành phố A vào Km 80 +200 tuyến đường cao tốc C thuộc địa bàn xã D thuộc thành phố").

(4) Địa danh nơi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chấp thuận đóng trụ sở.

(5) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị được đấu nối.

(6) Kể từ ngày 01/7/2026 khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này.

(7) Ghi tên, số văn bản đề nghị, ngày, tháng, năm phát hành văn bản.

(8) Ghi là "bổ sung " đối với trường hợp đấu nối mới; ghi "điều chỉnh" nếu điều chỉnh lại vị trí, điều chỉnh số nhánh và các điều chỉnh khác của nút giao đã có.

(9) Nêu mục đích đấu nối.

(10) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức soạn thảo văn bản chấp thuận.

(11) Số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 03.[120] Mẫu đơn đề nghị chấp thuận vị trí nút giao đấu nối tạm, thiết kế và cấp phép thi công nút giao đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……(2)	*...(4), ngày ... tháng .... năm ....*
V/v đề nghị chấp thuận vị trí, thiết kế đấu nối tạm và cấp phép thi công nút giao đấu nối tạm ……(3)	

Kính gửi: …… (5)

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này (6);

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

.... (1) đề nghị …. (5) chấp thuận vị trí, thiết kế đấu nối tạm và cấp phép thi công nút giao đấu nối tạm …. (3) để thực hiện ....(7). Thời gian đấu nối tạm kể từ ngày …. (8).

… (1) cam kết thực hiện đúng văn bản chấp thuận của … (5) và các quy định của pháp luật.

Tài liệu kèm theo văn bản này là 01 bộ hồ sơ gồm….. (9)

Địa chỉ liên hệ: ……

Số điện thoại: ……; Email……..

Mã số định danh VNeID của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp: ….

[120] Mẫu này được thay thế bởi Mẫu số 03 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 241/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Đề nghị nhận kết quả theo hình thức:

- Nhận kết quả trực tiếp: ☐
- Nhận kết quả trực tuyến: ☐
- Nhận kết quả qua hệ thống bưu chính: ☐

(Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lựa chọn và đánh dấu phương thức nhận kết quả. Trường hợp đề nghị nhận qua đường bưu chính thì bổ sung địa chỉ nhận vào văn bản đề nghị).

Nơi nhận:
- Như trên;
- ……;
- ……;
- Lưu: VT, …(10)… (11).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức có văn bản đề nghị đấu nối.

(2) Ghi số, ký hiệu văn bản đề nghị đấu nối.

(3) Ghi tên đường, cơ sở cần đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác sau đó ghi vị trí, lý trình điểm đấu nối, tên, số hiệu đường bộ và địa bàn có vị trí đề nghị đấu nối. Ví dụ "V/v đề nghị chấp thuận vị trí, thiết kế và cấp phép thi công đấu nối tạm từ công trường A vào Km … quốc lộ B, thuộc địa bàn xã C, tỉnh D để phục vụ vận chuyển vật liệu vào thi công công trình A").

(4) Địa danh nơi cơ quan, tổ chức đề nghị đóng trụ sở.

(5) Ghi tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận vị trí đấu nối.

(6) Kể từ ngày 01/7/2026 khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này.

(7) Nêu rõ mục đích đấu nối tạm.

(8) Nêu ngày tháng bắt đầu được đấu nối tạm (kể cả bắt đầu thi công nút giao đấu nối tạm) đến thời điểm kết thúc đấu nối tạm.

(9) Hồ sơ bao gồm các thành phần theo quy định của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số /2026/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đường bộ.

(10) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức soạn văn bản.

(11) Số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu số 04.[121] Mẫu văn bản chấp thuận vị trí nút giao đấu nối tạm, thiết kế và cấp phép thi công nút giao đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1) _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____
Số: …./….(2) V/v chấp thuận vị trí, thiết kế đấu nối tạm và cấp phép thi công nút giao đấu nối tạm từ……(3)	*...(4), ngày .... tháng ... năm ……*

Kính gửi: …… (5)

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này (6);

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Sau khi xem xét đề nghị của …. (5) tại …. (7), kèm theo hồ sơ đề nghị chấp thuận vị trí, thiết kế đấu nối tạm và cấp phép thi công nút giao đấu nối tạm ……(3), …. (1) Chấp thuận và cấp phép thi công nút giao đấu nối tạm như sau:

I. Chấp thuận cho …. (5) thực hiện việc đấu nối tạm … (3) có thời hạn, với các nội dung sau:

1. Mục đích đấu nối tạm .....

2. Thời hạn đấu nối tạm.... (tính từ ngày chấp thuận đến ngày…).

[121] Mẫu này được thay thế bởi Mẫu số 04 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 241/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

3. Trong vòng… ngày, kể từ khi hết thời hạn đấu nối tạm,.... (5) có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

a) Đóng điểm đấu nối tạm;

b) Thực hiện việc hoàn trả lại kết cấu hạ tầng đường bộ, công trình an toàn giao thông, các công trình báo hiệu đường bộ bị ảnh hưởng do thực hiện đấu nối tạm, khai thác đấu nối tạm trong thời hạn đấu nối tạm.

II. Chấp thuận thiết kết nút giao đấu nối tạm … (3) do … (5) đề nghị, với các nội dung sau:

1. Hồ sơ đấu nối tạm gồm bản thuyết minh, các bản vẽ… do … (8).

2. Các yêu cầu …. (5) thực hiện và tuân thủ các quy định sau:

a) Phải điều chỉnh, bổ sung … (nếu hồ sơ, bản vẽ thiết kế cần điều chỉnh), sau đó phải tổ chức thẩm định, phê duyệt, đóng dấu đầy đủ vào hồ sơ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về xây dựng trước khi sử dụng để thi công nút giao đấu nối tạm;

b) Yêu cầu về nộp lại hồ sơ thiết kế cho... (1) trước ngày….

c) Các yêu cầu khác … (*Ví dụ cần thiết thì yêu cầu sửa đổi, bổ sung đầy đủ báo hiệu đường bộ, công trình an toàn giao thông tại nút giao đấu nối, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, an toàn xây dựng khi thi công nút giao đấu nối, bảo vệ môi trường và không yêu cầu bồi thường, hoàn trả đúng yêu cầu kỹ thuật đối với các hạng mục kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng do thi công nút giao đấu nối, đồng thời khắc phục các tồn tại nếu quá trình khai thác sử dụng nút giao xuất hiện điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và đóng vị trí nút giao đấu nối tạm khi hết thời hạn đấu nối tạm và theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền*);

d) Thời hạn có hiệu lực của việc chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối tạm bằng thời hạn chấp thuận nút giao đấu nối tạm quy định tại Phần I Văn bản này.

III. Cấp phép cho ….(5) để thi công nút giao đấu nối tạm … (3) theo hồ sơ thiết kế nút giao đấu nối tạm đã được chấp thuận tại Phần II Văn bản này, với các yêu cầu và các quy định sau:

1. Các yêu cầu đối với đơn vị thi công công trình:

a) Mang giấy này đến người quản lý, sử dụng đường bộ (trực tiếp quản lý tuyến đường) để nhận bàn giao mặt bằng hiện trường; tiến hành thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo hồ sơ thiết kế nút giao đấu nối tạm, biện

pháp tổ chức thi công được duyệt và các quy định của pháp luật về đường bộ, pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

b) Sau khi nhận mặt bằng thi công, đơn vị thi công phải chịu trách nhiệm về an toàn giao thông, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của người quản lý, sử dụng đường bộ và cơ quan có thẩm quyền khác;

c) Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, nếu đơn vị thi công không thực hiện việc tổ chức giao thông, gây mất an toàn giao thông sẽ bị đình chỉ thi công; mọi trách nhiệm liên quan đến tai nạn giao thông và chi phí thiệt hại khác (nếu có) đơn vị thi công tự chịu, ngoài ra còn chịu xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đền bù thiệt hại công trình đường bộ do lỗi của đơn vị thi công gây ra khi thi công trên đường bộ đang khai thác;

đ) Khi kết thúc thi công phải bàn giao lại mặt bằng thi công cho đơn vị quản lý đường bộ;

e) Trong quá trình thi công phải bảo đảm an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn xây dựng, không gây hư hại, ảnh hưởng đến công trình kết cấu hạ tầng đường bộ (trừ các nội dung được phép ghi trong văn bản chấp thuận này hoặc theo quy định của pháp luật);

g) Có trách nhiệm bảo vệ công trình hạ tầng kỹ thuật tại khu vực thi công nút giao đấu nối tạm;

h) Các đơn vị tham gia thiết kế, thi công, giám sát thi công xây dựng phải đủ năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng; trong suốt thời gian thi công phải thực hiện giám sát thi công xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng;

i) Các yêu cầu khác (nếu cần thiết): ……

2. Thời hạn thi công nút giao đấu nối tạm … (3) từ ngày … đến ngày ….

3. Thời hạn giấy phép thi công không quá thời hạn quy định Phần I Văn bản này.

IV. Yêu cầu … (5) tuân thủ và thực hiện các công việc khác như sau

1. Xây dựng và thực hiện các nội dung phương án tổ chức giao thông, điều chỉnh giao thông trong thời gian đấu nối tạm bao gồm:

a) Các nội dung chủ yếu...;

b) Các nội dung khác theo phương án tổ chức giao thông của... (1) và các yêu cầu khác…;

c) Các yêu cầu đối với việc sửa đổi, bổ sung phương án tổ chức giao thông trước khi thi công.

2. Các nội dung, yêu cầu khác (nếu có) đối với việc thiết kế, thi công và khai thác, sử dụng nút giao đấu nối tạm:

a) Chấp hành đúng văn bản chấp thuận này;

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật về đường bộ, pháp luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ, pháp luật xây dựng và pháp luật khác có liên quan trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế đấu nối, thi công xây dựng và khai thác, sử dụng nút giao đấu nối;

c) Yêu cầu về bảo đảm an toàn giao thông…, an toàn thi công xây dựng và các yêu cầu khác (nếu cần).

Nơi nhận:
- ……;
- ……..
- Lưu: VT,….(9)…(10)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(*Chữ ký, dấu*)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chấp thuận.

(2) Ghi số, ký hiệu văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

(3) Ghi tên đường, cơ sở cần đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác sau đó ghi vị trí, lý trình điểm đấu nối, tên, số hiệu đường bộ và địa bàn có vị trí đề nghị đấu nối. Ví dụ "V/v chấp thuận vị trí, thiết kế và cấp phép thi công đấu nối tạm từ công trường A vào Km … quốc lộ B, thuộc địa bàn xã C, tỉnh D để phục vụ vận chuyển vật liệu vào thi công công trình A").

(4) Địa danh nơi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chấp thuận đóng trụ sở.

(5) Tên cơ quan, tổ chức đề nghị đấu nối tạm.

(6) Kể từ ngày 01/7/2026 khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này.

(7) Ghi tên, số của đơn đề nghị, ngày, tháng, năm phát hành văn bản đề nghị.

(8) Ghi tóm tắt thành phần hồ sơ thiết kế nút giao đấu nối tạm, sau đó ghi tên tổ chức tư vấn đã thiết kế.

(9) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức soạn thảo văn bản chấp thuận.

(10) Số lượng bản phát hành (nếu cần).

Phụ lục VII
DANH MỤC CÁC NỘI DUNG XEM XÉT TRONG QUÁ TRÌNH THẨM TRA, THẨM ĐỊNH AN TOÀN GIAO THÔNG

(Kèm theo Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

1. Giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật	**Ý kiến**
Kiểm tra, đánh giá các nhóm yếu tố: **1.1 Tiêu chí thiết kế** ♦ Kiểm tra tốc độ thiết kế và các tiêu chí thiết kế khác phù hợp với phân loại chức năng của đường, địa hình, lưu lượng và loại xe **1.2 Trắc ngang** ♦ Sự phù hợp của bề rộng làn, lề đường, khoảng trống ven đường (khu vực giải tỏa), chiều rộng vạch và dải phân cách, gồm bề rộng phù hợp của lộ giới đối với taluy đắp, lề đường không phủ mặt, lề đường cho người đi bộ v.v. ♦ Sự phù hợp của bề rộng đường nếu cần làn đường đặc biệt hoặc, phần đường cho xe máy hoặc xe đạp ♦ Tính thống nhất về trắc ngang dọc trên tuyến **1.3 Bình đồ và trắc dọc** ♦ Tốc độ thiết kế, tốc độ trên biển báo của các đoạn cong để đảm bảo tính thống nhất ♦ Những đường cong dưới tiêu chuẩn ♦ Sự hài hòa giữa bình đồ với trắc dọc ♦ Cự ly tầm nhìn dừng xe phù hợp, mức độ và cự ly tầm nhìn khi vượt xe ♦ Những nơi chưa có sự kết hợp tốt giữa bình đồ và trắc dọc có thể làm cho lái xe bị nhầm lẫn khi vượt xe hoặc không rõ về hướng tuyến phía trước **1.4 Nút giao đồng mức và khác mức** ♦ Tính phù hợp của các nút giao đồng mức hoặc khác mức ♦ Sự tương xứng của bố trí mặt bằng xét theo năng lực thông qua ♦ Việc bố trí các làn phụ, việc "cân đối giữa các làn", tính liên tục của "làn xe	

chạy thẳng", tránh những "làn xe để làm người ta đi nhầm" và những đoạn mở của dải phân cách có làn rẽ trái

♦ Các tiêu chí về tầm nhìn cần đạt gồm tầm nhìn khi đang chạy trên đường dẫn, tầm nhìn khi vào hoặc khi cắt nút giao, tầm nhìn an toàn của nút giao, tầm nhìn đến những xe đang xếp hàng, tầm nhìn cho người đi bộ, tầm nhìn khi vào và ra khỏi nút giao

♦ Bố trí mặt bằng đảm bảo cho xe lớn và giao thông công cộng tại những nơi cho phép

♦ Nhu cầu bố trí các công trình an toàn giao thông, ví dụ: hộ lan mềm trên dải phân cách, chiếu sáng

♦ Xem đã bố trí khoảng mở phù hợp ở dải phân cách giữa để xe có thể quay đầu xe, tránh tình trạng xe chạy ngược chiều trong làn xe

♦ Xác định nhu cầu lắp đặt các biển báo giao thông đảm bảo an toàn để thực hiện ngay trong thiết kế bản vẽ thi công

♦ Xem xét các nhu cầu cụ thể của các đối tượng tham gia giao thông đặc biệt cho người đi xe máy, người đi xe đạp, người đi bộ, và ghi lại những việc cần thiết để đưa vào thiết kế bản vẽ thi công

1.5 Kiểm soát, bố trí đường ngang

♦ Tính phù hợp của việc kiểm soát đường nhánh, đặc biệt là vùng lân cận các nút giao đồng mức và nút giao khác mức

♦ Tại những nơi đường ngang bị hạn chế, kiểm tra tính phù hợp và tương xứng của các đường ngang thay thế, đặc biệt là những đường ngang dẫn đến những cơ sở hạ tầng làm phát sinh lưu lượng giao thông

♦ Tại những nơi hạn chế người đi bộ, kiểm tra việc ghi lại nhu cầu bố trí rào chắn phù hợp để đưa vào thiết kế bản vẽ thi công

♦ Đường xây dựng mới hoặc nâng cấp cải tạo không gây ảnh hưởng xấu đến cộng đồng hoặc đoạn kết nối với các công trình hiện có.

♦ Gia súc đi ngang qua đường mới thi công và cần bố trí đường hầm cho gia súc.

1.6 Các hoạt động chính về sử dụng đất gần kề lộ giới

♦ Những hoạt động sử dụng đất gần đường, xem xét đầy đủ các tác động về an toàn đường bộ

♦ Bố trí phù hợp đường ngang ra vào, ví dụ tránh bố trí các đường ngang quá

gần với nút giao đồng mức và khác mức, tránh tình trạng xe phải xếp hàng kéo dài từ đường ngang vào đến đường chính ♦ Bố trí mặt bằng đường ngang và loại điều khiển giao thông phù hợp với chức năng của đường chính, nhu cầu đi lại của người đi bộ và giao thông công cộng tới những điểm sử dụng đất được xác định và bố trí các công trình phù hợp ♦ Mức độ tương xứng của các chỗ đỗ xe "trên phố" và bố trí kiểm soát đỗ xe trên đường chính **1.7 Đầu tư phân kỳ các dự án lớn** ♦ Quy hoạch phát triển đường, phân kỳ đầu tư ảnh hưởng đến các yêu cầu về an toàn giao thông ♦ Bố trí vị trí các điểm cuối tuyến tạm thời, tránh những vị trí tầm nhìn không đảm bảo, những vị trí phức tạp do các nút giao đông đúc và tiêu chuẩn hướng tuyến hạn chế ♦ Đối với những thay đổi tiêu chuẩn hình học ngoài dự kiến và khả năng dẫn đến tình trạng tắc đường ngoài dự kiến	
2. Giai đoạn thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở	**Ý kiến**
Kiểm tra, đánh giá các nhóm yếu tố: **2.1 Tổng quan** ♦ Các báo cáo từ lần thẩm định an toàn giao thông trước (nếu có) và báo cáo về những thay đổi trong dự án do kết quả của lần thẩm định đó ♦ Nếu là dự án nâng cấp mặt đường hiện có và chưa được thẩm định an toàn giao thông giai đoạn trước, phải kiểm tra thông tin về tai nạn giao thông **2.2 Các mục chung cần kiểm tra** ♦ Tiêu chí thiết kế ♦ Tính thống nhất giữa các mục liên quan tới an toàn đường bộ ♦ Tuyến và vị trí ♦ Những khía cạnh có tác động xấu về an toàn giao thông hoặc những quyết định trước đây gây ra hạn chế cho thiết kế bản vẽ thi công có thể dẫn đến không đạt yêu cầu về an toàn ♦ Mức độ tương xứng của lộ giới để đảm bảo trắc ngang an toàn, có tính đến	

nhu cầu của tất cả các đối tượng tham gia giao thông

♦ Tính phù hợp của đề xuất kiểm soát đường ngang

2.3 Thiết kế quản lý giao thông, cân nhắc các vấn đề sau:

♦ Tốc độ thiết kế được đề xuất, khuyến cáo giảm tốc độ có hay không?

♦ Về việc có hạn chế loại phương tiện hay không

♦ Bố trí điểm đỗ xe, dừng xe, trạm dừng nghỉ trên đường

♦ Hạn chế rẽ nếu có

♦ Công trình đặc biệt dành cho người đi bộ, người đi xe đạp

♦ Công trình đặc biệt dành cho người đi xe máy

♦ Công trình đặc biệt dành cho xe tải, xe buýt

♦ Bố trí công trình dành cho lái xe chẳng hạn như chỗ nghỉ, dịch vụ, chỗ đỗ xe ven đường...

♦ Kiểm tra những tác động khí hậu thời tiết đã được tính đến ví dụ: Trời mưa và lũ lụt; gió lớn, khu vực có sương mù

2.4 Yếu tố hình học

Bình đồ:

♦ Lựa chọn và áp dụng tốc độ thiết kế

♦ Thống nhất bình đồ trên toàn tuyến

♦ Các đường cong dưới tiêu chuẩn

♦ Bố trí đường cong quá độ (xoắn ốc) những chỗ phù hợp

♦ Bình đồ tại "giao diện" giữa công trình đề xuất thi công và mạng lưới đường hiện có

Trắc dọc:

♦ Thống nhất trên toàn tuyến

♦ Tầm nhìn, sự phối hợp hài hòa giữa bình đồ và trắc dọc về: Tầm nhìn dừng xe; Tầm nhìn vượt xe; Tầm nhìn trên đường dẫn đến nút giao; Tầm nhìn tại

các vị trí mà trắc ngang có sự thay đổi

♦ Phối kết hợp giữa bình đồ và trắc dọc dẫn đến những chỗ mặt đường bị che khuất

Dốc dọc

♦ Những đoạn xuống dốc có độ dốc lớn

♦ Những khúc cong gấp đi xuống có độ dốc lớn, kiểm tra mức độ tương xứng của tỷ lệ siêu cao để đạt được tốc độ thiết kế phù hợp

♦ Những đoạn lên dốc có độ dốc lớn và nhu cầu làn leo dốc cho xe có tải trọng lớn.

Trắc ngang

♦ Số và bề rộng làn xe, bề rộng lề đường hoặc làn dừng xe khẩn cấp

♦ Bề rộng vạch phân làn hoặc dải phân cách (những chỗ có thể sử dụng)

♦ Độ cao và độ dốc của taluy đào đắp và yêu cầu rào hộ lan

♦ Sử dụng đúng loại vỉa (tránh dùng vỉa rào chắn)

♦ Làm lề đường cho người đi bộ

♦ Khoảng cách từ làn xe đến rào chắn và loại rào chắn

♦ Chuyển tiếp phù hợp tại các vị trí có sự thay đổi lớn về trắc ngang

♦ Những công trình đặc biệt cần thiết cho những người dễ bị tai nạn như người đi bộ, người đi xe đạp, người đi xe máy

♦ Chênh lệch cao độ giữa các lòng đường của đường phân cách tại các nút giao hoặc đường ngang

♦ Cản trở tầm nhìn nơi có taluy đào tại những chỗ cắt trên khúc cong

2.5 Nút giao đồng mức và khác mức

♦ Logic bố trí mặt bằng chung

Kiểm tra các tiêu chí tầm nhìn sau có thể áp dụng tại các nút giao

- Tầm nhìn trên đường dẫn

- Tầm nhìn khi vào hoặc cắt nút giao

- Tầm nhìn nút giao an toàn

- Tầm nhìn đến các xe xếp hàng

- Tầm nhìn và khả năng quan sát tín hiệu và biển báo giao thông

Tại các nút giao, kiểm tra thêm các tiêu chí tầm nhìn sau

- Tầm nhìn đến mũi rẽ và khu vực vạch sơn

- Tầm nhìn đến khu vực vào nút giao

♦ Làn rẽ và sự liên tục của làn xe

- Phòng hộ (làn rẽ trái) cho xe rẽ tại các đoạn mở của dải phân cách

- Tránh bố trí làn xe dễ gây hiểu lầm

♦ Kích thước và hình dạng của đảo giao thông

- Đảo giao thông phải đủ lớn để dễ quan sát; tạo đủ chỗ cho biển báo, tín hiệu giao thông, cột đèn và tạo đủ chỗ tạm dừng chân cho người đi bộ khi đi qua đường

- Hình dạng của đảo giao thông phải hướng cho xe đi vào đúng vệt xe

- Hướng rẽ phải cách vừa đủ với mép làn xe trên đường dẫn

- Tại các vòng xuyến, kiểm tra hình dạng và vị trí đảo phân chia hoặc buộc xe phải lượn vòng để đảm bảo việc kiểm soát tốc độ khi vào nút giao

♦ Đất và bề rộng lòng đường rẽ tạo đủ chỗ cho xe lớn, tải trọng nặng có thể rẽ với tốc độ thấp

♦ Loại vỉa: Nếu sử dụng sai vỉa có thể dẫn đến nguy hiểm cho những người tham gia giao thông, đặc biệt là xe máy

♦ Công trình cho người đi bộ

- Thiếu lề đường đi bộ và thiếu vỉa tại những điểm sang đường

- Diện tích, bề rộng tương xứng với vạch phân cách và dải phân cách, bao gồm đảo dành cho người đi bộ

♦ Tín hiệu, biển báo, chiếu sáng và các công trình khác trên đường

- Không đặt tại những nơi dễ tai nạn, ví dụ mũi đảo giao thông

- Không gây cản trở cho việc đi lại của người đi bộ

♦ Đỗ xe và bến xe

- Xác định việc hạn chế điểm đỗ xe và kiểm tra những điểm đề xuất làm bến chờ xe buýt không gây cản trở tầm nhìn

- Những chỗ làm chỗ đỗ xe trên đường, việc đỗ xe không được phép gây ảnh hưởng đến việc chạy xe qua nút giao

- Xác định những vị trí khi dừng đỗ xe buýt không làm ảnh hưởng tới hoạt động của các xe khác.

♦ Lối vào các công trình làm phát sinh giao thông ví dụ: trung tâm mua sắm hoặc khu công nghiệp và những điểm có lối vào nhà

♦ Kiểm tra các lối rẽ có thể tạo ra những xung đột về giao thông ngoài dự kiến hoặc những xung đột gây nguy hiểm

Nút giao có tín hiệu giao thông (đèn tín hiệu cho người đi bộ nằm giữa 2 nút giao)

Kiểm tra:

♦ Tín hiệu giao thông được lắp đặt tại những nơi đảm bảo

♦ Phân bố tín hiệu đèn phù hợp với hoạt động cần thiết của xe và người đi bộ

♦ Không phát sinh các tình huống xung đột ngoài dự kiến khi phân bố tín hiệu đèn, và bố trí tín hiệu đèn rẽ phải ở những chỗ cần thiết

♦ Đủ thời gian giữa 2 lần đèn xanh để đảm bảo thông xe an toàn

♦ Thời gian giữa các pha đèn tín hiệu đủ để xe chạy qua an toàn

♦ Số lượng và vị trí đèn tín hiệu và cột đèn tín hiệu đảm bảo mỗi làn xe hoạt động có ít nhất 2 (tốt hơn là 3 hoặc 4) đèn tín hiệu kiểm soát và đáp ứng yêu cầu tầm nhìn tối thiểu

♦ Bố trí khoảng cách tương xứng từ mép vỉa hè đến đèn tín hiệu, và không lắp đặt trên đảo giao thông và dải phân cách quá nhỏ hoặc quá hẹp vì không có đủ khoảng cách từ mép vỉa hè tới các thiết bị này

♦ Đưa ra đúng kích thước đèn tín hiệu

♦ Bố trí hiển thị tín hiệu người đi bộ và nút bấm tín hiệu ưu tiên qua đường

của người đi bộ tại những vị trí dự kiến sẽ có người đi bộ cắt ngang đường có tín hiệu điều khiển

Nút giao vòng xuyến

Kiểm tra:

♦ Bố trí đơn giản và dễ hiểu

♦ Số lượng đường vào phù hợp và được phân chia phù hợp để tránh nhầm lẫn

♦ Bề rộng làn nhập vào, làn đi vòng và làn tách phù hợp với hoạt động xe

♦ Thiết kế và vị trí đảo phân luồng, đảo trung tâm kiểm soát tốc độ xe chạy thẳng cắt qua nút giao tới mức mong muốn theo môi trường đường bộ và giao thông

♦ Đủ tầm nhìn cho xe đi vào

♦ Đủ tầm nhìn cho xe đi vòng qua vòng xuyến

♦ Đảo trung tâm được thiết kế an toàn cho cả những xe bị mất lái

♦ Có đủ công trình cho người đi bộ sang đường tại các nhánh của nút giao

♦ Xem xét nhu cầu của người đi xe đạp và các phương tiện thô sơ khác

♦ Các biển hiệu lệnh phù hợp nêu rõ ưu tiên (xe vào vòng xuyến phải nhường đường cho xe đang đi quanh vòng xuyến)

♦ Thấy rõ vòng xuyến từ khoảng cách thích hợp theo tốc độ xe trên đường dẫn và xem xét sự cần thiết của biển báo hiệu vòng xuyến

2.6 Biển báo giao thông

Kiểm tra cụ thể việc tổ chức giao thông, việc chấp hành bố trí báo hiệu đường bộ theo quy định của Luật Đường bộ, các văn bản quy phạm pháp luật về đường bộ, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ và các yếu tố sau:

Các biển báo hiệu đường bộ

♦ Biển báo hiệu giao thông là biển chỉ dẫn sẽ tốt hơn so với các dạng thông tin khác

♦ Lắp đặt biển hiệu lệnh cần thiết và đặt đúng vị trí để kiểm soát hoạt động xe chạy dọc hoặc cắt ngang đường

♦ Biển báo phù hợp được thể hiện trên sơ đồ biển báo giao thông và được đặt đúng vị trí (phải xác định những biển báo không cần thiết và loại bỏ)

♦ Biển hướng dẫn và chỉ hướng phù hợp và truyền tải thông tin đúng (xem xét trường hợp lái xe lạ đường)

♦ Biển điện tử nếu có và các chức năng thông tin, việc thay đổi thông tin trên báo hiệu điện tử (thay đổi về tốc độ khi cần thiết để bảo đảm an toàn, thông tin cảnh báo khi thời tiết xấu: mưa, sương mù, gió bão và các trường hợp khác.

♦ Cỡ chữ, chú thích phải hợp lý (rõ ràng, ngắn gọn) để lái xe có thể đọc được thông tin hiển thị trong khoảng thời gian cho phép

♦ Vị trí của các biển báo cho phép lái xe có thể thực hiện những hành động cần thiết một cách an toàn

♦ Xác định mức độ phản quang phù hợp hoặc cần phải có chiếu sáng bôn trong hắt ra hoặc từ ngoài hắt vào

♦ Lắp đặt biển báo trên đầu (ví dụ: long môn hoặc biển treo phía trên làn đường xe chạy) tại những chỗ có bố trí phần đường xe chạy nhiều lần yêu cầu từng loại phương tiện phải đi vào đúng làn.

♦ Vị trí biển báo không cản trở tầm nhìn tại các nút giao hoặc ở bụng đường cong

♦ Vị trí biển báo và lựa chọn cọc tiêu tránh cho công trình trở thành mối nguy hiểm lớn bên đường

Vạch sơn và chỉ dẫn đường bộ

Kiểm tra:

♦ Đúng loại vạch sơn dọc tuyến, xét về kiểu vạch và bề rộng, được thể hiện trên bản vẽ mặt bằng liên quan

♦ Vạch sơn được đặt đúng vị trí để hướng dẫn cho xe đi đúng làn xe và xác định một cách hiệu quả những tình huống nhập, tách, lề đường và làn dừng xe khẩn cấp

♦ Đường cong đứng hoặc đường cong nằm trên lòng đường 2 làn xe 2 chiều, mà tại đó không đảm bảo tầm nhìn vượt xe, được thể hiện để làm vạch sơn kép, rào chắn và xác định bố trí vạch sơn làn có thể gây nhầm lẫn hoặc nằm ngoài phán đoán của lái xe

♦ Vạch sơn kép (rào chắn) được thể hiện để làm tại các đường cong đứng và/hoặc nằm trên lòng đường hai làn xe hai chiều mà tại đó tầm nhìn vượt xe

bị hạn chế, theo đúng với tiêu chuẩn

♦ Xác định những đoạn rào chắn bố trí gần sát nhau, có thể dẫn lái xe cho xe vượt mất an toàn

♦ Vạch sơn báo nguy hiểm trên đường dẫn được thể hiện trên bản vẽ tại đuôi đường dẫn của đảo giao thông, vạch phân cách, đảo phân cách và tạo khu vực mũi hướng rẽ tại đường cao tốc hoặc các nút giao khác mức khác

♦ Vị trí chính xác của tất cả các vạch sơn ngang như vạch dừng xe, vạch nhường đường và vạch qua đường của người đi bộ

♦ Vạch sơn phản quang cần thiết để nâng cao khả năng quan sát vào ban đêm

♦ Đinh phản quang cần thiết bổ sung cho vạch sơn phục vụ quan sát vào ban đêm, hướng dẫn và chỉ hướng một cách hiệu quả hơn

2.7 Đèn chiếu sáng

Kiểm tra:

♦ Mức độ chiếu sáng phù hợp với nhu cầu an toàn của các đối tượng tham gia giao thông và xác định các trường hợp có những đoạn không được chiếu sáng lẫn với những đoạn được chiếu sáng

♦ Tiêu chuẩn chiếu sáng bao gồm tính thống nhất và hiệu quả chiếu sáng phù hợp với nhu cầu giao thông

♦ Bố trí thiết bị chuyển tiếp ánh sáng ở những chỗ kết thúc chiếu sáng

♦ Cột đèn không gây ra nguy hiểm bên đường

♦ Cột đèn không gây cản trở tầm nhìn lái xe

2.8 Công trình an toàn ven đường

Kiểm tra:

♦ Hành lang an toàn đường bộ, khu vực giải tỏa có bề rộng phù hợp với tốc độ và bán kính đường cong theo thiết kế

♦ Sử dụng những loại công trình mềm ven đường

♦ Công trình rào hộ lan và thiết kế bản vẽ thi công, bao gồm khâu xử lý ở đầu rào hộ lan

♦ Làm những đoạn rào hộ lan có chiều dài tối thiểu để đảm bảo hoạt động

đúng chức năng

♦ Vị trí rào chắn ứng với vỉa và những chướng ngại vật được phòng hộ

♦ Rào chắn và tay vịn trên cầu và lòng đường nhô cao

♦ Đầu cầu và những đoạn chuyển tiếp từ rào hộ lan đến tay vịn cầu, gồm có phần gắn rào hộ lan với tay vịn cầu để tạo thành rào chắn liên tục

♦ Cảnh quan và làm đẹp

♦ Các mối nguy hiểm khác ven đường

♦ Xử lý an toàn những chỗ nền đường đào đá có bề mặt kém bằng phẳng

♦ Những công trình đường bộ đi qua hoặc gần với những chỗ nước sâu, sông, hồ cần gia cố taluy nền đường và bố trí rào chắn

♦ Thiết kế rào chắn người đi bộ để tránh dùng rào chắn bằng các thanh ngang gần kề với lòng đường

♦ Thiết kế tường chống ồn (nếu có)

2.9 Công trình dành cho người đi bộ (nếu có) thì kiểm tra đánh giá các yếu tố:

♦ Thiếu lề đường đi bộ hoặc những vị trí lề đường đi bộ bị cản trở bởi các cọc và các công trình khác của đường

♦ Thiếu vỉa trượt hoặc vỉa vuốt xuống tại các điểm cắt qua đảo giao thông, đặc biệt là tại các nút giao có tín hiệu

♦ Thiếu các công trình sang đường như điểm sang đường có tín hiệu, đảo trung tâm, vạch sơn qua đường cho người đi bộ, hoặc nút giao khác mức ở những chỗ cho phép

♦ Thiếu đèn tín hiệu cho người đi bộ và pha đèn tại những vị trí có người đi bộ

♦ Không đủ diện tích cho chỗ đứng chờ của người đi bộ trên đảo giao thông, dải phân cách, v.v.

♦ Quản lý giao thông và các công trình cho phép người đi bộ qua chỗ đường rộng có dòng xe chạy liên tục không gián đoạn

♦ Tiêu chuẩn trắc ngang, có đủ bề rộng cho phần lề đường và lề đi bộ.

2.10 Công trình dành cho xe máy Kiểm tra: ♦ Bình đồ, trắc ngang và tầm nhìn phù hợp với tốc độ khai thác dự kiến ♦ Tiêu chuẩn trắc ngang, có đủ bề rộng cho các làn xe hoặc lòng đường cho xe máy ♦ Khoảng trống đến chướng ngại vật, chỗ nhập và tách làn ♦ Xác định rõ ưu tiên giữa các dòng xe xung đột tại nút giao ♦ Đầy đủ vạch sơn để đảm bảo trật tự các dòng xe và chỉ dẫn chính xác về đoạn tuyến phía trước ♦ Biển hiệu lệnh, biển báo và biển chỉ hướng phù hợp rõ ràng và vị trí các biển ♦ Loại rào chắn và rào hộ lan phù hợp ♦ Các công trình như lề đường được rải mặt hoàn toàn hoặc các xử lý đặc biệt tại những nút giao có tín hiệu	
3. Giai đoạn trước khi đưa công trình đường bộ vào khai thác	**Ý kiến**
Kiểm tra, đánh giá các nhóm yếu tố: **3.1 Tổng quan** ♦ Các báo cáo từ lần thẩm định an toàn giao thông trước đây (nếu có) và báo cáo về những thay đổi trong dự án do kết quả của lần thẩm định đó ♦ Tình trạng nguy hiểm chưa thấy rõ ở những giai đoạn trước **3.2 Độ dốc, hướng tuyến và trắc ngang chung** ♦ Tầm nhìn (ví dụ: tầm nhìn dừng xe) trên đỉnh dốc, cắt ngang bụng đường cong nằm, trên đường dẫn đến nút giao và tại chỗ lên và xuống nút giao giao khác mức ♦ Phối kết hợp bình đồ và nút giao dẫn đến những chỗ mặt đường bị che khuất có thể gây nhầm lẫn cho lái xe về hướng đi của tuyến đường phía trước hoặc những chỗ trũng nhỏ có thể phút chốc che khuất mất một xe đang chạy tại một vị trí tiềm ẩn vượt xe gây nguy hiểm ♦ Nhu cầu chung cần phải bố trí rào hộ lan hoặc các rào chắn an toàn khác ở những nền đất đắp và các taluy có sườn dốc	

3.3 Đặc điểm bố trí lòng đường

♦ Hình học hướng tuyến chung, đặc biệt là về tầm nhìn

♦ Bề rộng lòng đường (số lượng và chiều rộng làn), bề rộng lề đường hoặc bề rộng làn đỗ xe, bề rộng vạch phân cách hoặc dải phân cách và kích thước đảo giao thông

♦ Lôgíc và "mức độ rõ ràng" của các đảo giao thông và vạch phân cách tại các nút giao, theo như góc nhìn của lái xe

♦ Bố trí khoảng trống phù hợp và khoảng cách tại các mũi đường dần của đảo giao thông, vạch phân cách và các dải phân cách khác

♦ Loại vỉa được xây dựng (ví dụ: sử dụng sai vỉa rào chắn)

♦ Vuốt thu nhỏ hoặc loe ra đối với các làn phụ và tránh trường hợp tạo ra làn dễ gây nhầm lẫn dẫn tới tắc nghẽn

♦ Vị trí và xử lý lối đi cho người đi bộ và chỗ đứng

3.4 Biển báo giao thông

♦ Chiến lược tổng thể về biển báo giao thông trên bản vẽ và ngoài hiện trường

♦ Cung cấp và lắp đặt biển báo và biển hiệu lệnh

♦ Loại, kích thước (chiều cao chữ), số lượng chữ và giải thích trên biển giao thông và khoảng cách đủ để nắm bắt được thông tin

♦ Loại biển phản quang, màu, chất lượng v.v... trên biển giao thông

♦ Vị trí chính xác của biển chỉ hướng và các biển hướng dẫn khác

♦ Các công trình khác của đường bộ làm che khuất biển giao thông

♦ Biển báo giao thông đặt tại vị trí không tốt làm cản trở tầm nhìn cần thiết

♦ Những công trình để treo biển giao thông, đặc biệt là giá long môn và cọc biển báo để đảm bảo không gây ra nguy hiểm ở ven đường. Ngoài ra, còn phải xem xét nhu cầu phòng hộ những cọc biển báo này bằng rào hộ lan

♦ Độ cao lắp biển

♦ Lưu không dưới biển giao thông, đặc biệt là những nơi lắp biển treo trên đầu phần lề đi bộ và tránh góc hoặc cạnh sắc nhọn có thể gây nguy hiểm cho

người đi bộ, người đi xe đạp hoặc xe máy

♦ Nhu cầu chiếu sáng cho biển treo trên cao

3.5 Vạch sơn đường

Rà soát lại loại, vị trí và bố trí vạch sơn đường trên bản vẽ thi công và trong khi kiểm tra hiện trường. Kiểm tra:

♦ Sử dụng chính xác các loại vạch sơn khác nhau để quy định cho các đối tượng tham gia giao thông, các yêu cầu cần thiết về quản lý giao thông tại các vị trí cụ thể

♦ Vị trí hợp lý của các vạch dừng xe hoặc nhường đường tại các nút giao

♦ Sự tồn tại của các làn xe dễ gây nhầm lẫn dẫn đến tắc đường và sự đứt quãng của làn xe chạy thẳng, còn ở những nơi không tránh được, bố trí vạch mũi tên trên đường hoặc biển báo phù hợp

♦ Bố trí định phản quang tại những chỗ được xem là cần thiết để dẫn đường và đảm bảo giao thông an toàn vào ban đêm

♦ Bố trí chính xác vạch sơn mũi tên cần thiết để quy định các làn xe chỉ giới hạn cho từng hoạt động giao thông cụ thể

3.6 Các điểm an toàn bên đường

♦ Bố trí rào hộ lan hoặc rào chắn tại các vị trí nguy hiểm cố định bên đường

♦ Loại rào hộ lan hoặc rào chắn và độ dài phù hợp với chiều dài đoạn nguy hiểm

♦ Kết cấu phù hợp của rào hộ lan ví dụ: chiều thanh ngang, khoảng cách giữa các cọc, đoạn chồng khít v.v...

♦ Vị trí của rào hộ lan hoặc rào chắn tương ứng với đoạn nguy hiểm ví dụ: khoảng cách cho phép rào hộ lan bị biến dạng dưới tác động của xe khi húc vào rào hộ lan

♦ Xử lý rào hộ lan hoặc rào chắn để có phần đầu cắm xuống đất v.v...

♦ Chọn loại rào chắn trên cầu hoặc hệ thống tay vịn phù hợp, không để các thanh ngang của rào chắn nhô ra ở phần cọc cuối

♦ Cần có rào với chiều cao cao hơn bình thường ở trên cầu vượt hoặc gần với một đường đông xe hoặc đường sắt bên dưới, loại rào và chiều cao rào chắn phải phù hợp để xe không lao qua được

♦ Xử lý đường dẫn lên cầu đảm bảo xử lý được những mối nguy tại đầu cầu bằng cách sử dụng rào hộ lan trên đường dẫn chuyển tiếp nối với lan can cầu

♦ Tránh dùng vỉa rộng ra ngoài phạm vi rào chắn hoặc rào hộ lan, ở những nơi không thể tránh được, mặt bên của vỉa phải bằng với mặt bên của rào chắn hoặc rào hộ lan

♦ Loại rào phân cách và biện pháp xử lý ở đầu rào

♦ Bố trí và xử lý rào hộ lan hoặc rào chắn tại những vị trí nguy hiểm cố định chẳng hạn như cọc cứng, cột hoặc trụ cầu tại dải phân cách giữa hoặc phân cách đường

♦ Xử lý cột đèn để được đặt trong phạm vi rào chắn của dải phân cách giữa

♦ Xử lý các vị trí nguy hiểm đơn lẻ khác chẳng hạn như trụ cầu và các giá long môn trong phạm vi khu vực giải tỏa

♦ Xem xét có thể bố trí lại các hạng mục nguy hiểm ra khỏi khu vực giải tỏa

♦ Phòng hộ bằng rào hộ lan cho các vị trí nguy hiểm

♦ Bố trí thiết bị làm giảm tác động hoặc đệm chống va chạm nhằm giảm bớt mức độ nghiêm trọng của các tác động tại trụ cầu, đầu rào chắn, công trình tại khu vực mũi rẽ hoặc các vị trí nguy hiểm khác

♦ Xử lý đầu cống, tường cuối, các công trình thoát nước khác, để đảm bảo không gây nguy hiểm trong phạm vi khu vực giải tỏa

3.7 Đánh giá về tình hình tổ chức giao thông

♦ Phương tiện, tải trọng, tốc độ cho phép các làn đường;

♦ Giao thông tại các vị trí nút vào, ra tuyến đường

♦ An toàn giao thông khi tách, nhập làn;

♦ Dự đoán dòng giao thông trên đường; các bất cập, hạn chế nảy sinh cần khắc phục trước khi đưa vào khai thác sử dụng chính thức đối với tuyến đường

3.8 Cảnh quan

♦ Cây và thực vật khác hoặc các điểm gây cản trở tầm nhìn

- Tầm nhìn dừng xe hoặc tầm nhìn vượt xe (tại những nơi được áp dụng), đặc biệt là chỗ cắt ngang bụng đường cong

- Tầm nhìn tại mũi rẽ hoặc tại điểm vào đường cao tốc và các nút giao khác mức khác, đặc biệt là tại những nơi đường dẫn đến các công trình nằm ở vị trí bụng của đường cong - Các tiêu chí tầm nhìn tại các nút giao, gồm nút giao có tín hiệu và các vòng xuyến ♦ Tầm nhìn cắt qua một dải phân cách giữa, lái xe buộc phải rẽ tại một nút giao, gồm có rẽ vòng hình chữ U tại chỗ mở của rải phân cách giữa ♦ Tầm nhìn giữa người đi bộ và xe; tại những nơi người đi bộ dự kiến đi cắt ngang qua lòng đường, có hoặc không có tín hiệu ♦ Tầm nhìn của người điều khiển phương tiện (gồm người đi xe đạp và người đi xe máy) đến đèn tín hiệu giao thông và biển báo giao thông ♦ Cây và quang cảnh là những mối nguy hiểm tiềm ẩn bên đường ♦ Các loài cây và kích thước (độ lớn) dự kiến khi lớn của những cây trồng trong phạm vi khu vực giải tỏa ♦ Ảnh hưởng của cây đến đèn chiếu sáng ♦ Vị trí của cây so với cột đèn chiếu sáng, chiều cao của vòm cây và độ toả của tán cây so với chiều cao lắp đèn và độ vươn của đèn ♦ Tán cây có thể trùm lên làn xe và ảnh hưởng tới tĩnh không dành cho xe lớn ♦ Trồng cây lớn quá gần với rào bán kiên cố như rào hộ lan tôn lượn sóng, rào bằng dây cáp (do không có đủ khoảng cách cho sự biến dạng của rào chắn khi có xe húc vào).	
4. Giai đoạn trong quá trình khai thác công trình đường bộ	**Ý kiến**
Kiểm tra, đánh giá các nhóm yếu tố: **4.1 Tổng quan** ♦ Các báo cáo từ lần thẩm định an toàn giao thông trước (nếu có) và báo cáo về những thay đổi trong dự án do kết quả của lần thẩm định đó ♦ Việc khai thác đường trên thực tế của các đối tượng tham gia giao thông cũng đúng với hoạt động dự kiến ban đầu của dự án. **4.2 Bình đồ và trắc dọc** ♦ Tiêu chuẩn hướng tuyến chung - Kiểm tra sự thống nhất trên toàn tuyến và ghi lại vị trí có sự thay đổi đột	

ngột về tiêu chuẩn hướng tuyến và có thể nằm ngoài phán đoán của lái xe ♦ Các đường cong dưới tiêu chuẩn - Xác định những đường cong có tốc độ thấp hơn 10 km/h so với tốc độ thiết kế hoặc tốc độ khai thác nói chung. Kiểm tra việc bố trí biển báo hoặc chỉ dẫn có đầy đủ không. Dấu hiệu các phương tiện chạy chệch khỏi đường tại bất kỳ điểm nào có thể giúp xác định các vấn đề gây tai nạn ♦ Không đủ tầm nhìn - Kiểm tra các vị trí không đủ tầm nhìn dừng xe - Kiểm tra các vị trí không đủ tầm nhìn vượt xe, tại đó vạch sơn kép mới được kẻ hoặc cần phải được kẻ **4.3 Trắc ngang** ♦ Kiểm tra các vị trí dọc trên tuyến có sự thay đổi đột ngột về tiêu chuẩn trắc ngang Kiểm tra điều này có gây ra bất ổn trong khai thác không ♦ Xác định bất kỳ vị trí nào xảy ra tắc nghẽn giao thông hoặc những nơi năng lực thông xe của đường bị hạn chế, các nguyên nhân dẫn tới hành vi lái xe mất an toàn ♦ Xác định các vị trí mà tình trạng không có làn rẽ bảo vệ cho xe rẽ tại nút giao đang gây mất an toàn ♦ Ghi lại bất kỳ vị trí nào không đủ bề rộng lề đường ♦ Kiểm tra trắc ngang có được phân chia hợp lý để tạo điều kiện đi lại cho những đối tượng dễ bị tai nạn, ví dụ - Người đi bộ - bề rộng lề đường, lề đi bộ, bề rộng chỗ đứng chờ trên rải phân cách giữa, đảo giao thông và bó vỉa - Người đi xe đạp - khu vực riêng (ví dụ: lề đường có phủ mặt) - Người đi xe máy - làn đường riêng (lề đường có phủ mặt) hoặc lòng đường riêng, những nơi cho phép **4.4 Nút giao** ♦ Tầm nhìn phù hợp với tốc độ khai thác	

- Tầm nhìn đi đến nút giao (dừng xe) - Tầm nhìn vào nút giao - Tầm nhìn nút giao an toàn ♦ Bố trí mặt bằng tổng thể của nút giao phục vụ an toàn cho tất cả các đối tượng tham gia giao thông (người đi bộ, người đi xe đạp, người đi xe máy) ♦ Các đối tượng tham gia giao thông hiểu được bố trí mặt bằng để cho các hoạt động giao thông khác nhau hoạt động ♦ Thiếu làn rẽ và có tồn tại sự cố khi khai thác hay không ♦ Xảy ra trường hợp làn để gây hiểu nhầm dẫn đến tắc nghẽn, như một làn đi thẳng đột nhiên bị kẻ sơn hoặc báo hiệu như là làn cho xe rẽ tại một nút giao hoặc rẽ vào một đường khác ♦ Vị trí mà chiều dài và bề rộng của đường nhập không đạt tiêu chuẩn và gây mất an toàn ♦ Những sự cố trong khai thác vòng xuyến ví dụ: giảm tốc độ không đủ tại điểm vào nút giao, tốc độ xe cao trong phạm vi khu vực vòng xuyến hoặc bề rộng không đủ của đường vào vòng xuyến hoặc đường xoay quanh vòng xuyến ♦ Những trường hợp lái xe không thấy rõ đảo giao thông hoặc đảo quá nhỏ không cho phép người đi bộ đứng chờ hoặc không cho phép lắp biển báo giao thông, đèn tín hiệu và các công trình khác của đường bộ **4.5 Đường cao tốc và các nút giao khác mức khác** ♦ Đạt tiêu chuẩn phù hợp và thống nhất về bố trí hình học và vạch sơn tại những điểm ra vào nút giao ♦ Vị trí bố trí làn rẽ hoặc làn nhập không đủ hoặc không phù hợp ví dụ: những vị trí đầu vào hoặc đầu ra hai làn không phù hợp ♦ Xe chạy thẳng có thể vô tình chạy vào làn rẽ ♦ Vị trí những chỗ bó vỉa và chiều dài bó vỉa không thống nhất với tốc độ xe chạy ♦ Không đáp ứng đủ yêu cầu về tầm nhìn tại các điểm vào ra **4.6 Lắp đèn tín hiệu giao thông** ♦ Đèn tín hiệu giao thông hoạt động an toàn và hiệu quả phục vụ quản lý giao	

thông dọc và ngang tuyến đường chính và phục vụ đảm bảo an toàn cho người đi bộ sang đường ♦ Thiết bị đèn tín hiệu và số lượng đèn tín hiệu đáp ứng yêu cầu, bao gồm đèn tín hiệu treo trên cao ♦ Vị trí và tầm nhìn đèn tín hiệu không bị che khuất bởi tán cây, biển báo giao thông... **4.7 Chiếu sáng** Kiểm tra: ♦ Chiếu sáng khi hoạt động và cung cấp đủ ánh sáng dọc tuyến. Xem xét mức độ chiếu sáng cao hơn tại các nút giao ♦ Chiếu sáng đảm bảo đúng tiêu chuẩn phục vụ cho các nhu cầu tại vị trí này, ví dụ: khách bộ hành ♦ Cung cấp các cột đèn bằng vật liệu mềm tại những vị trí cấu thành nguy hiểm cho xe ví dụ trên các đảo giao thông nhỏ, mũi dải phân cách giữa, ở lưng đường cong gấp, trong phạm vi khu vực giải tỏa ♦ Bố trí đèn chiếu sáng nâng cao khả năng chỉ đường tránh gây nhầm lẫn cho lái xe khi quan sát tuyến đường phía trước. **4.8 Biển báo giao thông - Các khía cạnh chung** ♦ Các trường hợp biển báo giao thông không được phép và sử dụng biển báo không đúng tiêu chuẩn (màu sắc và hình dạng) ♦ Vị trí, khoảng cách giữa các biển báo và ghi lại những vị trí có quá nhiều biển báo hoặc biển quá sát nhau ♦ Biển báo giao thông quan sát thấy rõ và được hiển thị nổi bật cho các đối tượng giao thông dự kiến ♦ Các trường hợp không nắm bắt được đủ các thông tin trên biển báo giao thông hoặc có quá nhiều thông tin, ghi nhớ tốc độ xe và lượng thông tin hiển thị ♦ Hiệu quả của biển báo giao thông bằng cách quan sát chúng vào ban đêm và xác định việc thiếu phản quang ♦ Loại cột biển báo được sử dụng và trường hợp cột biển báo cấu thành mối nguy hiểm cố định bên đường hoặc những chỗ cần xem xét sử dụng lại cột biển báo làm bằng vật liệu mềm	

♦ Những trường hợp có tình trạng che khuất biển báo ♦ Những trường hợp biển báo giao thông che khuất tầm nhìn cần thiết cho người điều khiển phương tiện và người đi bộ **Biển hiệu lệnh và biển báo** Kiểm tra: ♦ Biển hiệu lệnh phù hợp được cắm tại những nơi cần thiết ♦ Biển báo phù hợp và chỉ được dùng tại những nơi cho phép **Biển hướng dẫn và chỉ hướng** Kiểm tra: ♦ Biển chỉ dẫn, chỉ hướng: phải mang tính hệ thống, logic và thống nhất trên toàn tuyến và đáp ứng các yêu cầu của các lái xe lạ đường ♦ Các nút giao quan trọng được lắp biển phù hợp ♦ Biển được đặt đúng chỗ cho phép lái xe thực hiện thao tác cần thiết **Vạch sơn** Kiểm tra ♦ Sự đầy đủ và khả năng quan sát thấy vạch sơn, đặc biệt là vào ban đêm ♦ Sử dụng đúng vạch sơn đúng trong các trường hợp ♦ Những chỗ gián đoạn về vạch sơn nơi xe chạy thẳng và sự tồn tại những làn xe dễ gây nhầm lẫn dẫn đến tắc đường ♦ Thiếu hướng dẫn về chỗ nhập và tách, gồm các trường hợp xe chạy thẳng có thể chạy vào làn rẽ ♦ Đối với những vị trí thiếu vạch sơn báo nguy hiểm ở cuối đường dẫn của đảo giao thông và rải phân cách giữa... ♦ Những vị trí làn xe bố trí sai vạch sơn mũi tên ♦ Những vị trí vạch sơn cũ được thay song vẫn chưa xoá bỏ và có thể gây nhầm lẫn cho người điều khiển phương tiện ♦ Loại và vị trí vạch dừng xe và nhường đường phù hợp	

♦ Bố trí đinh phản quang để dẫn đường ban đêm **4.9 An toàn ven đường và quang cảnh** ♦ Bề rộng khu vực giải tỏa có sàn dọc theo mỗi bên đường ♦ Các chướng ngại vật cố định ven đường, gồm cột xuất hiện trong phạm vi bề rộng giải tỏa. Ý kiến xem có thể loại bỏ, dời đến vị trí ít nguy hiểm hơn hoặc trong trường hợp là cột đèn chiếu sáng thì làm bằng vật liệu mềm ♦ Bố trí rào hộ lan dọc theo tuyến đường. Xem xét những chỗ hợp lý và nhưng chưa được lắp rào cũng như những chỗ không hợp lý nhưng lại được lắp rào và có thể trở thành một mối nguy hiểm không cần thiết ♦ Các biện pháp xử lý an toàn đã được áp dụng cho các đầu của đoạn rào hộ lan ♦ Đầy đủ hệ thống lan can cầu trên tất cả các cầu ♦ Xử lý rào hộ lan trên đường đầu cầu để đảm bảo rào hộ lan được bắt chặt vào lan can cầu, gồm có đoạn chuyển tiếp phù hợp của rào hộ lan bán kiên cố trên đường đầu cầu với lan can cầu kiên cố ♦ Đầu rào chắn trên dải phân cách giữa được xử lý phù hợp để làm giảm mức độ nghiêm trọng khi va chạm vào đầu rào; cần phải làm các đệm phòng va chạm hoặc các thiết bị làm giảm tác động khác ♦ Mức độ cây và thực vật gây ảnh hưởng tới tầm nhìn của người điều khiển phương tiện và người đi bộ ♦ Mức độ nguy hiểm liên quan đến cây lớn, đá tảng v.v… và việc tiến hành xử lý để nâng cao an toàn khu vực ven đường **4.10 Các mục quản lý giao thông nói chung** ♦ Các công trình dành cho người đi bộ được sử dụng đúng mục đích ban đầu ♦ Những hoạt động giao thông nguy hiểm có thể diễn ra ♦ Sự tương xứng và đáng tin cậy của các mức giới hạn tốc độ ♦ Mức độ an toàn cho phép đối với tất cả các đối tượng tham gia giao thông tại khu vực đô thị hoặc tại những nơi thường xuyên có hoạt động của người đi bộ hoặc hoạt động xe, đặc biệt là những nơi đường chạy qua các trung tâm thương mại hoặc gần trường học. Xem xét nhu cầu về kỹ thuật điều hoà giao thông nhằm nâng cao an toàn lại những vị trí nhạy cảm	

♦ Các cơ hội vượt xe trên toàn tuyến nói chung và ý kiến về nhu cầu cứ làn vượt xe cụ thể cách đều nhau dọc theo đường 2 làn không dải phân cách, đặc biệt là vùng địa hình đồi núi có lưu lượng giao thông cao ♦ Xem xét nhu cầu đối với những khu vực còn lại và các chỗ dừng xe bên đường khác, ví dụ: chỗ dừng xe tải, quan điểm về cảnh quan, khu vực nghỉ ven đường v.v... Ghi lại những vị trí không chính thức mà xe có thể dừng và mức độ nguy hiểm liên quan ♦ Sự tồn tại các quầy hàng ven đường và các hoạt động kinh doanh ven đường khác trong phạm vi lộ giới đường bộ. Ý kiến về mức độ an toàn tương đối của các khu vực này và nhu cầu cụ thể thay đổi bố trí chỗ đỗ hoặc các biện pháp kiểm soát khác ♦ Mức độ an toàn của các vị trí bến xe buýt và các bến xe buýt có được dùng đúng mục đích ban đầu không. Xem xét việc bố trí cho xe buýt dừng ngoài lòng đường không gây ảnh hưởng tới làn xe và nhu cầu chiếu sáng tại các vị trí này để đảm bảo an ninh và an toàn cho hành khách đi xe ♦ Các vấn đề và yêu cầu đặc biệt có thể cần thiết để nâng cao an toàn trong thời gian lễ hội và ngày nghỉ khi nhu cầu giao thông tăng cao và có nhiều lái xe không quen đường	

Phụ lục VIII

CÁC MẪU VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN ĐÀO TẠO THẨM TRA VIÊN, CẤP CHỨNG CHỈ THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(Kèm theo Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ
Mẫu số 02	Mẫu văn bản chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ
Mẫu số 03	Mẫu chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ
Mẫu số 04	Mẫu Tờ trình cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ
Mẫu số 05	Đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ
Mẫu số 06	Mẫu bản khai kinh nghiệm công tác (Đề nghị cấp đổi chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ)
Mẫu số 07	Chương trình khung đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ
Mẫu số 08	Mẫu đơn đăng ký học thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ
Mẫu số 09	Bản khai kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đường bộ

Mẫu số 01: Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

……..	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
……..	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	----------
Số: …….	*……, ngày ... tháng ... năm ……*

Kính gửi: *(Cơ quan có thẩm quyền).*

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ 2024 và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ:

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

..... *(ghi cơ quan đề nghị)* đề nghị ..... *(cơ quan có thẩm quyền cấp)* chấp thuận .... *(ghi lên cơ quan đề nghị)* là cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ với các thông tin chính như sau:

1. Tên cơ sở kinh doanh đào tạo: .....;

Địa chỉ: .....;

Số điện thoại: ..... Email: .....;

Mã số doanh nghiệp (nếu có): .....

2. Người đại diện hợp pháp: ..... Chức vụ: .....;

Số định danh cá nhân/CCCD: .....

Số hộ chiếu (đối với người nước ngoài): ..... do ..... cấp, ngày ..... tháng ….. năm .....

Xin gửi kèm theo công văn này các tài liệu:

- Kê khai về cơ sở vật chất và danh sách giảng viên *(có kê khai cơ sở vật chất, số lượng và trình độ chuyên môn nghiệp, kinh nghiệm thực tế trong hoạt động nghề nghiệp);*

- Chương trình, tài liệu giảng dạy (dự thảo).

3. Đề nghị:

Nhận giấy Chấp thuận cơ sở đào tạo trực tiếp: □

Nhận giấy Giấy Chấp thuận cơ sở đào tạo trực tuyến: □

Nhận chứng chỉ qua hệ thống bưu chính: □

(Đơn vị lựa chọn và đánh dấu phương thức nhận kết quả. Trường hợp đề nghị nhận qua đường bưu chính thì bổ sung địa chỉ nhận vào văn bản đề nghị).

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
……
- Lưu: VT, ……..

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02: Mẫu văn bản chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---
Số: …….	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ……*

VĂN BẢN CHẤP THUẬN CƠ SỞ KINH DOANH ĐÀO TẠO THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số ... quy định chức năng, nhiệm vụ, *quyền hạn và cơ cấu tổ chức ... (ghi tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận đề nghị này);*

Xét đề nghị của (tên cơ sở đào tạo) ..... tại Công văn số ….. ngày ……. tháng ..... năm ..... về việc chấp thuận cơ sở đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ cho .....;

Theo đề nghị của ……. (ghi đơn vị tham mưu).

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

1. Chấp thuận ..... *(ghi tên cơ sở được chấp thuận).*

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ……..…… Email: .....

2. Người đại diện hợp pháp *(của cơ sở đào tạo):* ..... Chức vụ: .....;

Số định danh cá nhân (hoặc CCCD): .....;

Số hộ chiếu *(đối với người nước ngoài):* ....., do ..... cấp ngày .... tháng .... năm ...;

Là **Cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.**

3. Cơ sở đào tạo phải xuất trình văn bản chấp thuận và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Nơi nhận:
- Cơ sở đào tạo;
- ……..;
- Lưu: VT, ……..

CƠ QUAN CHẤP THUẬN
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03: Mẫu chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

CHỨNG CHỈ

THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

Ảnh 4 x 6	Cấp cho: … *(ghi đầy đủ họ và tên người được cấp)* Giới tính: ….. Ngày tháng năm sinh: …… Nơi sinh: ……. Số định danh cá nhân CCCD: ……. Đã hoàn thành chương trình đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ do … *(ghi tên cơ sở kinh doanh đào tạo)* tổ chức thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm …

Số: -

Tổ chức tại:

Chứng chỉ này có giá trị từ ngày cấp đến ngày … tháng … năm …

....., ngày.....tháng.....năm.....
(Cơ quan cấp chứng chỉ ký tên, đóng dấu)

Hình thức chứng chỉ:

1. Khổ giấy A4, một mặt, có nền hoa văn trống đồng in chìm.

2. Số chứng chỉ bao gồm 02 nhóm số được phân chia bởi dấu " - ", cụ thể:

- Nhóm 1: có 02 chữ số ghi 02 số cuối của năm cấp chứng chỉ;

- Nhóm 2: có 09 chữ số ghi số thứ tự chứng chỉ.

Mẫu số 04: Mẫu Tờ trình cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

……(1)……..	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
……(2)……..	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	----------
Số: …/TTr-…….	*....., ngày.....tháng.....năm.....*

TỜ TRÌNH

Cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

Kính gửi: .....*(ghi cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ).*

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số .... ngày ... tháng ..... năm 20..... của ... (ghi tên cơ sở kinh doanh đào tạo) ... về việc công nhận kết quả thi thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ;

... (ghi tên của cơ sở kinh doanh đào tạo) đề nghị ..... *(ghi cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ)* cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ cho các học viên đã hoàn thành chương trình đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ như sau:

1. Báo cáo tóm tắt quá trình, kết quả đào tạo: .....

2. Danh sách đề nghị cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ cho học viên đã hoàn thành khóa học và có kết quả thi đạt yêu cầu kèm theo tờ trình này.

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO**
- Như trên;	*(Ký tên, đóng dấu)*
- Lưu: VT, ...	

Hướng dẫn:

(1) Ghi tên cơ quan cấp trên của cơ sở kinh doanh đào tạo đề nghị.

(2) Ghi tên cơ sở kinh doanh đào tạo đề nghị cấp chứng chỉ

Mẫu số 05: Mẫu Đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: .....*(ghi tên cơ quan đã cấp chứng chỉ)*

Ảnh màu 4x6 cm (kiểu thẻ căn cước)	1. Tôi là: …….. Quốc tịch *(đối với người nước ngoài)……..;* Ngày tháng năm sinh: .....; Số định danh cá nhân/CCCD: .....; Số hộ chiếu *(đối với người nước ngoài):* .... do ..... cấp ngày ..... tháng .... năm ....; Số điện thoại: ……..; Email .....;

2. Tôi đã tham gia khóa đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ và đã được ..... *(ghi tên cơ quan đã cấp chứng chỉ)* cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ, trong đó có các thông tin sau:

- Số chứng chỉ: .....;

- Cấp ngày .... tháng .... năm .... và có giá trị đến ngày ..... tháng …. năm ….

3. Đề nghị cho tôi được đổi (hoặc cấp lại chứng chỉ)

Lý do: ……..;

(Trường hợp cấp đổi chứng chỉ thì ghi rõ lý do là chứng chỉ hết thời hạn sử dụng: trường hợp cấp lại chứng chỉ thì ghi lý do là mất hoặc chứng chỉ bị hư hỏng)

4. Đề nghị cho tôi:

Nhận chứng chỉ trực tiếp: □

Nhận chứng chỉ trực tuyến: □

Nhận chứng chỉ qua hệ thống bưu chính: □

(Trường hợp cá nhân đề nghị nhận qua đường bưu chính thì bổ sung địa chỉ nhận).

Xin giá kèm theo:

- 02 ảnh màu (hoặc file ảnh điện tử định dạng JPG đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công). Ảnh kiểu thẻ căn cước cỡ 4cm x 6cm và được chụp trong thời gian không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

- Bản khai kinh nghiệm thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ, thiết kế, thẩm định phê duyệt dự án xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông (hoặc điểm đến), điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trong khoảng thời gian có hiệu lực của chứng chỉ xin cấp đổi (đối với trường hợp cấp đổi).

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày.....tháng.....năm.....
Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu số 06: Mẫu bản khai kinh nghiệm công tác (phục vụ cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ……. năm.....

BẢN KHAI KINH NGHIỆM CÔNG TÁC

Phục vụ việc cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

1. Họ và tên: .....

2. Quá trình hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đường bộ (khai rõ thời gian, đơn vị công tác, công việc đã thực hiện);

STT	Thời gian	Đơn vị công tác	Nội dung công việc hoạt động (thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ; thiết kế, thẩm định phê duyệt xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông (hoặc điểm đến), điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ)

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung bản tự khai này.

Xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý Thẩm tra viên
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày.....tháng.....năm.....
Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 07: Chương trình khung đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

I. Thời gian đào tạo: bao gồm 70 tiết (07 ngày), trong đó:

1. Giảng dạy lý thuyết: 55 tiết.

2. Bài tập tình huống, đi thăm hiện trường, giải đáp thắc mắc và tổ chức thi: 15 tiết.

II. Chương trình khung:

STT	Nội dung		Số tiết
Học phần I - Giới thiệu về chương trình và cơ sở kinh doanh đào tạo			
1	Chuyên đề 1	**Giới thiệu** 1.1. Khái quát. 1.2. Giới thiệu chương trình đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ. 1.2.1. Mục đích - yêu cầu. 1.2.2. Nội dung chương trình đào tạo. 1.3. Giới thiệu cơ sở kinh doanh đào tạo.	02
Học phần II - Khái quát về an toàn giao thông và thẩm định, thẩm tra an toàn giao thông đường bộ			
2	Chuyên đề 2	**Sự cần thiết và mục đích của thẩm định an toàn giao thông đường bộ** 2.1. Khái quát về tai nạn giao thông đường bộ, an toàn giao thông đường bộ. 2.2. Khái niệm về thẩm định, thẩm tra an toàn giao thông đường bộ. 2.3. Sự cần thiết và mục đích của thẩm định an toàn giao thông đường bộ. 2.4. Sự cần thiết đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.	03

3	Chuyên đề 3	**Văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thẩm định an toàn giao thông đường bộ** 3.1. Danh mục các văn bản. 3.2. Nội dung cơ bản của một số văn bản quan trọng.	02
4	Chuyên đề 4	**Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật trong thẩm tra an toàn giao thông đường bộ** 4.1. Danh mục các quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật. 4.2. Nội dung cơ bản một số quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật quan trọng.	02
5	Chuyên đề 5	**Yêu cầu đối với thẩm tra viên, Chủ nhiệm thẩm tra an toàn giao thông đường bộ** 5.1. Yêu cầu về năng lực của cá nhân tham gia thẩm tra an toàn giao thông đường bộ. 5.2. Yêu cầu về năng lực của Chủ nhiệm thẩm tra an toàn giao thông đường bộ.	01
Học phần III - Kỹ thuật đường bộ và các yếu tố liên quan đến an toàn giao thông			
6	Chuyên đề 6	**Yêu cầu về chất lượng đường và các yếu tố liên quan đến an toàn giao thông đường bộ** 6.1. Yêu cầu của phương tiện đối với kỹ thuật đường bộ và các yêu cầu chung của đường bộ. 6.2. Chất lượng khai thác - giao thông của đường bộ. 6.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường bộ. 6.4. Khái quát về quan hệ "Phương tiện - Người lái - Đường - Môi trường xung quanh".	02
7	Chuyên đề 7	**Yếu tố phương tiện trong bảo đảm an toàn giao thông đường bộ** *(Người học tự tìm hiểu: so sánh giữa các thế hệ xe và loại xe; sự cố phương tiện và khả năng đảm bảo an toàn khi vận hành trên đường giao thông).*	00
8	Chuyên đề 8	**Người điều khiển phương tiện và người tham gia giao thông đường bộ**	01

		8.1. Khái quát về người điều khiển phương tiện và người tham gia giao thông trên đường bộ. 8.2. Con người - Yếu tố chính ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường bộ. 8.3. Người tham gia giao thông trong quan hệ "Phương tiện - Người điều khiển phương tiện - Đường bộ - Môi trường xung quanh".	
9	Chuyên đề 9	**Bảo đảm an toàn giao thông trong quy hoạch giao thông đường bộ** 9.1. Khái quát về quy hoạch giao thông. 9.1.1. Khái niệm, mục đích và phương pháp tiếp cận. 9.1.2. Sự gắn kết quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch giao thông. 9.2. Bảo đảm an toàn giao thông đường bộ trong quy hoạch. 9.2.1. Tác dụng của quy hoạch trong ngăn ngừa tai nạn giao thông. 9.2.2. Một số giải pháp quy hoạch cụ thể hướng đến an toàn giao thông.	02
10	Chuyên đề 10	**Ảnh hưởng của quy hoạch các yếu tố hình học tuyến đến an toàn giao thông đường bộ** 10.1. Yếu tố hình học trong bảo đảm an toàn giao thông. 10.2. Phát hiện các nguy cơ tiềm ẩn tai nạn giao thông trong yếu tố hình học của tuyến. 10.3. Một số vấn đề liên quan giữa tầm nhìn và đảm bảo an toàn giao thông.	04
11	Chuyên đề 11	**Ảnh hưởng của chiều cao mặt đường và quy mô mặt cắt ngang đường đến an toàn giao thông** 11.1. Ảnh hưởng của chiều cao mặt đường đến an toàn giao thông. 11.2. Ảnh hưởng của chiều rộng làn xe và nền đường đến an toàn giao thông.	02

		11.3. Ảnh hưởng của hành lang đường bộ đến an toàn giao thông. 11.4. Ảnh hưởng của chiều cao tĩnh không đường đến an toàn giao thông.	
12	Chuyên đề 12	**An toàn giao thông trong nút giao** 12.1. Khái quát về nút giao thông. 12.1.1. Khái niệm và phân loại nút giao thông. 12.1.2. Tai nạn giao thông tại nút giao và các phương pháp đánh giá tai nạn giao thông - tiềm ẩn xung đột giao thông trong nút giao. 12.2. Bảo đảm an toàn giao thông trong nút giao cùng mức. 12.3. Bảo đảm an toàn giao thông trong nút giao vòng xuyến. 12.4. Bảo đảm an toàn giao thông trong nút giao khác mức. 12.5. Bảo đảm an toàn giao thông trong nút giao với đường sắt. (Giải pháp cấu tạo nút giao; giải pháp tổ chức giao thông an toàn trong nút giao)	03
13	Chuyên đề 13	**Ảnh hưởng của chất lượng mặt đường và các công trình trên đường đến an toàn giao thông đường bộ** 13.1. Ảnh hưởng của chất lượng mặt đường đến an toàn giao thông. 13.2. Ảnh hưởng của chất lượng các công trình cầu và cống đến an toàn giao thông. 13.3. Đảm bảo an toàn giao thông trong hầm đường bộ. 13.4. Ảnh hưởng của công trình phòng hộ đến an toàn giao thông.	03
14	Chuyên đề 14	**Ảnh hưởng của tổ chức giao thông đến an toàn giao thông đường bộ** 14.2. Sự tường minh của tổ chức giao thông trên đường bộ.	03

		14.2. Sự không phù hợp của biển báo hiệu đường bộ. 14.3. Sự không phù hợp của sơn kẻ vạch trên mặt đường. 14.4. Sự không phù hợp của các hạng mục tổ chức giao thông khác.	
Học phần IV - Kỹ thuật an toàn giao thông và thẩm tra an toàn giao thông đường bộ			
15	Chuyên đề 15	**Dữ liệu tai nạn giao thông đường bộ - phương pháp phân tích và đánh giá** 15.1. Đặc điểm, tính chất và phân loại tai nạn giao thông đường bộ. 15.2. Thống kê tai nạn giao thông đường bộ. 15.3. Phân tích và đánh giá dữ liệu tai nạn giao thông đường bộ.	05
16	Chuyên đề 16	**Kỹ thuật an toàn giao thông đường bộ - phương pháp tiếp cận** 16.1. Khái quát về kỹ thuật an toàn giao thông đường bộ. 16.2. Các phương pháp tiếp cận nghiên cứu an toàn giao thông đường bộ. 16.3. Các phương pháp và chỉ số đánh giá mức độ an toàn giao thông đường bộ.	05
17	Chuyên đề 17	**Xác suất sự cố giao thông đường bộ do đường và môi trường gây ra** (Phương pháp hệ số sự cố tổng hợp) 17.1. Khái quát chung. 17.2. Xác định các hệ số sự cố tai nạn riêng. 17.3. Xác định hệ số sự cố tổng hợp và mức độ nguy hiểm của đường bộ.	01
18	Chuyên đề 18	**Vận dụng kỹ thuật an toàn giao thông trong thẩm tra an toàn giao thông đường bộ** 18.1. Khái quát chung. 18.2. Phương pháp thẩm tra an toàn giao thông đường bộ. 18.3. Một số nguyên tắc thiết kế trong đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.	02

		18.4. Vận dụng kỹ thuật an toàn giao thông trong thẩm tra an toàn giao thông đường bộ.	
19	Chuyên đề 19	**Phát hiện và xử lý điểm đến tai nạn giao thông** 19.1. Khái niệm điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, điểm hay xảy ra tai nạn giao thông. 19.2. Phát hiện điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông *(trên hồ sơ thiết kế và trên đường đang khai thác).* 19.3. Xác định điểm hay xảy ra tai nạn giao thông tai nạn giao thông trên đường đang khai thác. 19.4. Các biện pháp xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông.	02
Học phần V - Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông đường bộ			
20	Chuyên đề 20	**Xác định dự án thẩm định an toàn giao thông đường bộ** 20.1. Các giai đoạn thẩm định an toàn giao thông. 20.2. Thẩm quyền quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông. 20.3. Căn cứ làm cơ sở thẩm định an toàn giao thông. 20.4. Trình tự thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông.	01
21	Chuyên đề 21	**Thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình** 21.1. Giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình. 21.2. Nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ. 21.3. Danh mục các hạng mục thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ.	01
22	Chuyên đề 22	**Thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông giai đoạn thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở** 22.1. Giai đoạn thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở. 22.2. Nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ.	02

		22.3. Danh mục các hạng mục thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ.	
23	Chuyên đề 23	**Thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông giai đoạn trước khi đưa công trình đường bộ vào khai thác** 23.1. Điều kiện của công trình đường bộ trước khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác. 23.2. Nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ. 23.3. Danh mục các hạng mục thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ.	01
24	Chuyên đề 24	**Thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông trong quá trình khai thác công trình đường bộ** 24.1. Công trình đường bộ đang khai thác. 24.2. Nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ. 24.3. Danh mục các hạng mục thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ	02
25	Chuyên đề 25	**Lập báo cáo thẩm tra an toàn giao thông đường bộ. Thí dụ về thẩm tra an toàn giao thông đường bộ**	03
26	Chuyên đề 26	**Đi thực tế hiện trường - Bài tập tình huống**	05
27	Chuyên đề 27	**Bảo vệ bài tập tình huống. Giải đáp thắc mắc và thảo luận.**	05
Tổ chức thi			05
TỔNG CỘNG			70 tiết

Mẫu số 08: Mẫu đơn đăng ký học thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

Ảnh màu 4x6 cm (kiểu thẻ căn cước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ... tháng ... năm ……

ĐƠN ĐĂNG KÝ HỌC
THẨM TRA VIÊN AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: .... *(Cơ sở kinh doanh đào tạo)*.....

1. Họ và tên: ..... Quốc tịch *(đối với người nước ngoài):* .....

2. Ngày, tháng, năm sinh: …….....

3. Số định danh cá nhân/CCCD ……..……....

Số hộ chiếu *(đối với người nước ngoài):* ... do ....cấp ngày ... tháng ... năm...

4. Trình độ chuyên môn: …….....

Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp: ……..

5. Chức vụ: …….....

Địa chỉ cơ quan, đơn vị công tác: ……..….

Khi cần liên hệ: số điện thoại cá nhân: ..... Email: .....

6. Kinh nghiệm nghề nghiệp:

- Số công trình đường bộ đã chủ trì thiết kế: ..... công trình.

- Thời gian làm việc về thiết kế công trình đường bộ: ..... năm.

- Tổng thời gian công tác, làm việc về giao thông đường bộ ... năm; trong đó:

+ Thời gian công tác, làm việc về quản lý giao thông: ..... năm;

+ Thời gian công tác, làm việc về vận tải đường bộ: ..... năm;

+ Thời gian công tác, làm việc về xây dựng đường bộ: ..... năm;

+ Thời gian công tác, làm việc về bảo trì đường bộ: ..... năm.

7. Tình trạng sức khỏe: .....

Tôi đề nghị được tham gia khoá học cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ nội dung khai trên và cam kết chấp hành mọi quy định của khóa học.

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 09: Bản khai kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đường bộ

1. Họ và tên: .....

Chức vụ: .....

Khi cần liên hệ: Điện thoại cá nhân: …….. Email: .....

2. Quá trình hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đường bộ (khai rõ thời gian, đơn vị công tác, công việc đã thực hiện):

STT	Thời gian	Đơn vị công tác	Nội dung công việc hoạt động (thiết kế công trình đường bộ; quản lý giao thông đường bộ, vận tải đường bộ, xây dựng đường bộ, bảo trì đường bộ)
1			
2			

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung bản tự khai này.

Xác nhận của cơ quan, đơn vị công tác
(Ký tên và đóng dấu)

....., ngày.....tháng.....năm.....
Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục IX

THÔNG TIN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

(Kèm theo Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

STT	Nội dung	Thông tin, dữ liệu cung cấp	Ghi chú
I	**Chuẩn bị đầu tư, cơ quan chuyên môn về xây dựng cung cấp, cập nhật các thông tin sau:**		
1	Tên dự án	Tên dự án...	
2	Nhóm dự án	Nhóm A/B/C	
3	Cấp công trình	Đặc biệt/I/II/III/IV/V, cấp...	
4	Địa điểm xây dựng	tỉnh/thành phố	
5	Diện tích sử dụng đất	...ha	
6	Nguồn vốn đầu tư	Đầu tư công/nhà nước ngoài đầu tư công/PPP/Vốn khác	
7	Tổng mức đầu tư	.... triệu đồng	
8	Thời gian thực hiện dự án	Từ năm ... đến năm ...	
9	Người quyết đầu tư	Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thẩm quyền phê duyệt dự án và quyết định đầu tư xây dựng	
10	Chủ đầu tư	Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có vốn hoặc được giao trực tiếp quản lý sử dụng vốn	
11	Quyết định chủ trương đầu tư	- Số ... ngày/tháng/năm của ... - Đính kèm tệp tin đã được số hóa của quyết định, báo cáo thẩm định, hồ sơ đề xuất/báo cáo tiền khả thi	Liên kết với thông tin, dữ liệu về đầu tư (nếu có)
12	Thi tuyển phương án kiến trúc (nếu có)	- Số ....ngày/tháng/năm của... - Đính kèm quyết định trao giải thưởng	
13	Văn bản thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	- Số.... ngày/tháng/năm - Đính kèm tệp tin văn bản thông báo kết quả thẩm định đã được số hóa của văn bản và Bản vẽ thiết kế	

		cơ sở được đóng dấu xác nhận của cơ quan thẩm định hoặc tệp tin mô hình BIM (nếu có)	
14	Văn bản kết quả thực hiện thủ tục hành chính về PCCC của cơ quan có thẩm quyền về PCCC đối với dự án theo quy định của pháp luật về PCCC	- Số .... ngày/tháng/năm - Đính kèm tệp tin đã được số hóa của văn bản	Liên kết với thông tin, dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền về PCCC (nếu có)
15	Văn bản kết quả thực hiện thủ tục hành chính về môi trường đối với dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	- Số .... ngày/tháng/năm - Đính kèm tệp tin đã được số hóa của văn bản	Liên kết với thông tin, dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền về bảo vệ môi trường (nếu có)
16	Văn bản chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với dự án phải thu hồi đất theo quy định của pháp luật	- Số .... ngày/tháng/năm - Đính kèm tệp tin đã được số hóa của văn bản	
17	Nhà thầu khảo sát xây dựng	Số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	Liên kết với cơ sở dữ liệu về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân
18	Chủ nhiệm khảo sát xây dựng	Số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
19	Nhà thầu tư vấn thiết kế	Số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	
20	Chủ nhiệm thiết kế	Số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
21	Nhà thầu thẩm tra thiết kế (nếu có)	Số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	
22	Chủ nhiệm thẩm tra thiết kế	Số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
23	Quyết định phê duyệt dự án	- Số …. ngày/tháng/năm - Đính kèm tệp tin đã được số hóa của văn bản, báo cáo thẩm định của cơ quan chuyên môn của người quyết định đầu tư	
II	**Thực hiện dự án, chủ đầu tư xây dựng công trình cung cấp, cập nhật các thông tin sau:**		
1	Tổ chức quản lý dự án	Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có vốn hoặc được giao quản lý dự án	

2	Văn bản thông báo kết quả thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng	- Số ....ngày/tháng/năm - Đính kèm tệp tin văn bản thông báo kết quả thẩm định đã được số hóa của văn bản và Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận của Cơ quan thẩm định hoặc tệp tin mô hình BIM (nếu có)	
3	Nhà thầu tư vấn thiết kế xây dựng	Số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	Liên kết với cơ sở dữ liệu về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân
4	Chủ nhiệm thiết kế	Số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
5	Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng	Số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	
6	Chủ nhiệm thẩm tra thiết kế xây dựng	Số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	
7	Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở	- Số.... ngày/tháng/năm - Đính kèm tệp tin đã được số hóa của văn bản	
III	**Thi công xây dựng, chủ đầu tư xây dựng công trình cung cấp, cập nhật các thông tin sau:**		
1	Gói thầu xây dựng	- Tên gói thầu - Đính kèm theo hợp đồng	
2	Thời gian thực hiện	từ ngày ... đến ngày	
3	Giá trị hợp đồng	… triệu đồng	
4	Nhà thầu thi công xây dựng (đối với các công việc yêu cầu phải có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng)	Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	Liên kết với cơ sở dữ liệu về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân
5	Chỉ huy trưởng công trường (đối với nhà thầu thi công tại điểm 4 mục này)	Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
6	Nhà thầu giám sát thi công xây dựng	Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	
7	Giám sát trưởng	Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt dựng xây dựng	
8	Nhà thầu kiểm định xây dựng (nếu có)	Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	

9	Chủ trì kiểm định xây dựng (nếu có)	Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	
IV	**Kết thúc xây dựng, chủ đầu tư xây dựng công trình cung cấp, cập nhật các thông tin sau:**		
1	Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu	- Số .... ngày/tháng/năm - Đính kèm tệp tin đã được số hóa của thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu; bản vẽ hoàn công	
2	Biên bản bàn giao đưa vào sử dụng	- Số .... ngày/tháng/năm - Đính kèm tệp tin đã được số hóa của văn bản	
3	Giá trị quyết toán dự án	- ... triệu đồng - Số ....ngày/tháng/năm - Đính kèm tệp tin đã được số hóa của quyết định văn bản	
4	Biên bản bàn giao hết bảo hành công trình	- Số .... ngày/tháng/năm - Đính kèm tệp tin đã được số hóa của văn bản	
5	Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm toán của các cơ quan có thẩm quyền	- Số .... ngày/tháng/năm của ... - Đính kèm tệp tin đã được số hóa của văn bản	Liên kết với thông tin, dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền về thanh tra, kiểm toán (nếu có)

Phụ lục X[122]

THÔNG TIN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ ĐÃ ĐƯA VÀO KHAI THÁC

(Kèm theo Nghị định số 241/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

A. THÔNG TIN VỀ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

1. Thông tin về đoạn tuyến đường bộ.

2. Thông tin về công trình cầu, tải trọng và tình trạng tải trọng khai thác.

3. Thông tin về bến phà đường bộ công suất, tải trọng và tình trạng tải trọng khai thác.

4. Thông tin về nút giao đường bộ có sử dụng đèn tín hiệu giao thông; hệ thống điều khiển tự động đèn tín hiệu giao thông.

5. Thông tin về hầm đường bộ, kèm theo số làn xe, khổ giới hạn, các trường hợp không cho phép tham gia giao thông qua hầm.

6. Thông tin về cống đường bộ bao gồm các loại cống, hầm chui dân sinh, hào kỹ thuật và cống thoát nước ngang.

7. Thông tin về tình hình, kết quả khắc phục điểm mất an toàn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ.

8. Các thông tin về trạm thu phí đường bộ.

9. Thông tin về công trình kiểm soát tải trọng xe.

10. Thông tin về trung tâm, quản lý điều hành giao thông tuyến.

11. Thông tin về các loại bến, bãi đỗ xe khách, xe con, xe hàng và bến, bãi tổng hợp dành cho nhiều loại xe.

12. Thông tin về trạm dừng nghỉ và các dịch vụ chủ yếu.

13. Thông tin về nhà sử dụng để phục vụ quản lý đường bộ.

14. Thông tin về hệ thống thiết bị, công nghệ phục vụ quan trắc công trình đường bộ, vận hành, khai thác sử dụng hầm đường bộ, cầu đường bộ, bến phà đường bộ, các hệ thống thiết bị giao thông thông minh và các hệ thống thiết bị khác.

15. Thông tin về tốc độ khai thác của các đoạn đường, làn đường, chiều đường.

---

[122] Phụ lục này được thay thế bởi Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 241/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 25 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

16. Thông tin về tải trọng của đường bộ.

17. Thông tin về khổ giới hạn của đường bộ.

18. Thông tin về kho bảo quản vật tư, vật liệu, thiết bị, công cụ (gọi chung là vật tư, thiết bị) dự phòng phục vụ phòng, chống thiên tai và các nhiệm vụ khác, số lượng, khối lượng vật tư, thiết bị dự phòng.

19. Thông tin về cơ sở cứu nạn, cứu hộ giao thông đường bộ.

20. Thông tin về các đoạn đường trong thời gian cải tạo, nâng cấp, mở rộng; sửa chữa làm thay đổi phương án tổ chức giao thông.

B. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về chấp thuận, cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.

2. Thông tin về cấp phép sử dụng lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác.

3. Thông tin về chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường bộ đang khai thác.

4. Thông tin về cấp phép thi công đấu nối vào đường bộ đang khai thác.

5. Thông tin về chấp thuận vị trí nút giao đấu nối vào đường cao tốc; chấp thuận vị trí nút giao đấu nối đường không có trong quy hoạch vào đường quốc lộ đang khai thác.

6. Thông tin về chấp thuận đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác.

7. Thông tin về tình hình cấp giấy phép lưu hành xe quá tải, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.